CÁI CƯỜI CỦA THÁNH NHÂN THỜI AI

Hai mươi sáu người
bị đo bằng một con số

Nguyễn Phú Hoàng

Ngày 8 tháng 11 năm 2026

Trước khi đọc

Cuốn sách này có những trang không dễ đọc. Trong đó có một người nghĩ đến chuyện biến mất, một người mẹ nằm ở khoa ung bướu, những người bị sa thải, kiệt sức, và những đứa trẻ cần sữa vào sáng mai. Nếu một trong những chuyện ấy đang là chuyện của bạn, bạn được phép bỏ qua chương đó, được phép dừng lại, và được phép không đọc tiếp. Cuối sách có một *Lời nhắn cho người đang không ổn* viết riêng cho trường hợp ấy.

Sách này không chữa lành ai; nó chỉ gọi tên. Nó là một tập tiểu luận kể về hai mươi sáu người bị đo bằng một con số: một clip bị cắt còn ba giây, một ô điểm -14%, một cuộc gọi ba phút, một đồng lương chín triệu. Nó nói về cách những con số ấy được tạo ra, và về cái giá của việc bước ra khỏi chúng. Sách nói về clip ba giây, KPI, sa thải và quyền được lùi lại — không hứa dạy ai dùng trí tuệ nhân tạo, không hứa dạy ai cách sống, và không phải một công trình học thuật.

Có một từ tôi dùng nhiều lần: *u mặc*. Đó là một từ tiếng Việt hiện đại, dùng để gọi cái cười mà trong đó còn đọng lại một chút xót thương. Tôi không mượn nó từ một thiên cổ văn nào, và cũng không dựng nó thành một phép tu. Những câu chuyện cổ trong sách được kể lại như những câu chuyện cổ — để soi, không để làm bằng chứng.

Hai mươi sáu chương có thể đọc theo bất kỳ thứ tự nào. Chúng không xếp thành một bài tập, không có chương nào phải đọc trước chương nào. Chỉ có một điều tôi xin: nếu tới một trang mà bạn thấy mình bị bắt phải cười, hãy tin vào cảm giác ấy hơn là tin vào trang giấy. Có những người không có chỗ để cười, và cuốn sách này dành chương cuối để nói điều đó.

Nguyễn Phú Hoàng

Lời tựa

Có một câu hỏi cứ lặp đi lặp lại mỗi khi tôi mở máy tính vào lúc gần sáng: tại sao, ở thời điểm nhân loại nắm giữ nhiều tri thức nhất lịch sử, chúng ta lại mệt mỏi đến thế?

Chúng ta có thể gọi một chiếc xe từ đầu kia trái đất, có thể hỏi một cỗ máy bất cứ điều gì, có thể đọc toàn bộ thư viện nhân loại từ chiếc điện thoại trên tay. Thế mà mỗi sáng thức dậy, ta thấy mình bị bao vây bởi những luồng phẫn nộ, những cái tôi rách nát, và một cảm giác mơ hồ rằng mình đang bị nghiền nát bởi một cỗ máy mà chẳng ai cầm lái.

Cuốn sách này không tìm cách sửa chữa thế giới. Nó chỉ mượn ánh mắt của những người xưa — Lão Tử, Trang Tử, và học giả Nguyễn Duy Cần — để soi vào cái buồn cười của thời đại chúng ta. Họ đã cười từ hai ngàn năm trước, khi con người còn cãi nhau vì một khúc chân voi. Ngày nay chúng ta cãi nhau vì những mảnh vụn ba giây. Thứ duy nhất thay đổi là tốc độ.

Tôi gọi cái cười ấy là u mặc*: một từ tiếng Việt hiện đại, không phải một thuật ngữ của Lão–Trang, dùng để gọi tiếng cười của kẻ không còn bị cái đúng–sai của đám đông trói buộc mà vẫn chưa thôi thương người. Không phải sự thờ ơ, cũng chẳng phải thái độ bề trên. Còn nhan đề* Cái Cười Của Thánh Nhân Thời AI*, xin hiểu theo nghĩa ấy: không phải tiếng cười của bậc siêu phàm đứng trên nhân loại, mà là tiếng cười của một người đã đi qua đủ đau để nhìn thấy sự lố bịch của chính mình.*

Tôi viết cuốn này để làm một việc nhỏ: đặt tên cho những thứ chúng ta đều đang cảm thấy mà không gọi được thành lời. Khi một nỗi đau được gọi đúng tên, nó bớt cô đơn.

Nhưng có một điều tôi phải nói ngay từ đầu, trước khi ai đó lật tiếp trang sau. Có một chương trong sách này không có ai được cứu. Người đàn bà ấy hiểu hết mọi điều tôi viết, thuộc lòng từng câu chuyện cổ, và vẫn không thể làm gì khác đi — vì nếu chị dừng lại, sáng mai con chị sẽ không có sữa và mẹ chị sẽ không có thuốc. Tôi giữ chương ấy lại, và đặt nó ở cuối. Một cuốn sách nói về sự thật mà lại che đi sự thật lớn nhất — rằng có những người không có chỗ để buông — thì chính nó đã nói dối.

Vì thế, xin đừng đọc những trang sau như một lời khuyên. Có những tối, gập màn hình lại là một điều có thể làm. Có những tối, nó không phải là một lựa chọn. Sách này không phân biệt giúp ai được phép làm điều ấy.

Nguyễn Phú Hoàng

Mục lục

Trước khi đọc *i*

Lời tựa *ii*

Mục lục *iii*

Mẹ vẫn khỏe *1*

I Cuộc khủng hoảng sự thật và những chiếc buồng vang *6*

1 Bệnh "Thầy bói xem voi" trong kỷ nguyên thuật toán *8*

2 Đỉnh núi của những vị thánh vô hình *14*

3 Bốn mươi mốt giây *19*

4 Bàn chân không có trong máy *23*

II Cuộc khủng hoảng năng suất và nỗi ám ảnh hữu dụng *27*

5 Đạo vô dụng và cuộc đình công của phần người *29*

6 Con ngựa chạy vòng quanh cối xay *34*

7 Bọ ngựa chặn bánh xe *38*

8 Con rận và bánh xe *41*

9 Cái đói đuổi ta đi *45*

III Cuộc khủng hoảng biến động và ảo tưởng của sự cứng rắn *48*

10 Răng rụng, lưỡi còn *50*

11 Khi cỗ xe ngựa đi qua vũng lầy *55*

12 Cái dấu khắc trên mạn thuyền *59*

13 Biết đâu chẳng là phúc *62*

14 Con ve sầu không biết xấu hổ 66

15 Một con thỏ chạy vào gốc cây 70

IV Cuộc khủng hoảng bản ngã và sự phồng rộp của cái tôi 74

16 Con rùa lết đuôi dưới vũng bùn 76

17 Cú nhấc mình khỏi cái bóng 80

18 Ngọc quý bị gọi là đá 84

19 Cái hộp đẹp, viên ngọc trả lại 87

20 Giấc mơ bướm 90

V Cuộc khủng hoảng kết nối và sự cô đơn được kết nối 94

21 Cá quên nhau ngoài sông hồ 96

22 Tiếng gà chó nghe nhau 99

23 Bá Nha không đập đàn 103

24 Con dê lạc ở ngã ba 107

25 Sự thất bại – khi biết đủ mà vẫn không buông được 111

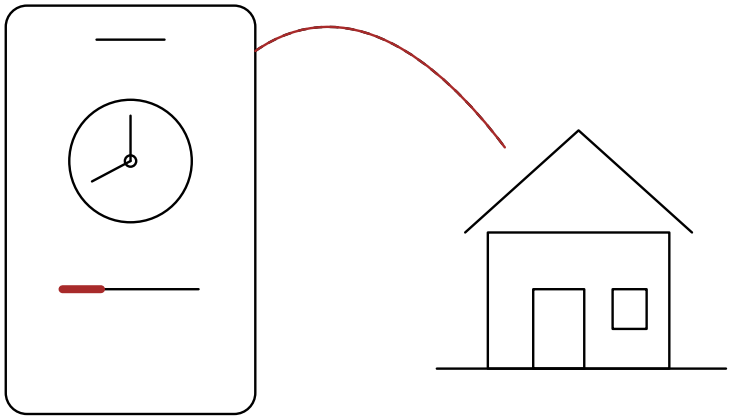
Lời bạt 115

Lời nhắn cho người đang không ổn 116

A Bảy điều có thể thử 117
A.1 Ngày 1 – Một ngày không đọc bình luận . . . 117
A.2 Ngày 2 – Một ngày không thanh minh . . . 117
A.3 Ngày 3 – Một giờ vô dụng . . . 117
A.4 Ngày 4 – Một buổi tối không mở bảng công việc . . . 118
A.5 Ngày 5 – Một lần nghe thay vì ra lệnh . . . 118
A.6 Ngày 6 – Một lần để trôi thay vì đấm . . . 118
A.7 Ngày 7 – Một lần nói "tôi sai" . . . 118

B Nguồn và ghi chú 119

Mẹ vẫn khỏe



Ba phút, và một căn nhà xa

Kiên ba mươi tám tuổi, làm ở Đà Nẵng, và anh có một thói quen mà anh rất tự hào. Mỗi tối, đúng tám giờ, anh gọi cho mẹ.

Mẹ anh bảy mươi mốt tuổi, ở một mình trong căn nhà cũ ở Duy Xuyên, cách Đà Nẵng sáu mươi cây số. Ba anh mất cách đây sáu năm. Từ hồi ấy, anh đặt một cái báo thức trong điện thoại, lặp lại mỗi ngày, đặt tên là "gọi mẹ".

Cuộc gọi ấy luôn giống nhau, đến mức anh có thể viết ra như một cái kịch bản:

– Con chào mẹ.
– Ừ. Con ăn cơm chưa?
– Dạ rồi. Mẹ ăn chưa?
– Dạ rồi. Con đi làm về chưa?
– Dạ mới về. Mẹ có khỏe không?
– Mẹ khỏe.
– Dạ. Thôi mẹ ngủ sớm đi.
– Ừ, con nghỉ đi.
– Dạ. Con chào mẹ.

Hai phút bốn mươi giây, có hôm ba phút hai mươi. Anh chưa từng để cuộc gọi nào kéo dài quá bốn phút, và anh coi đó là một điều tốt: gọn gàng, đều đặn, không phiền ai. Trong nhóm bạn của anh, có người cả tuần không gọi cho bố mẹ. Kiên thì ngày nào cũng gọi. Anh nghĩ mình là một người con tử tế, và anh nghĩ đúng – theo một cách nào đó.

Có một câu mẹ anh nói rất nhiều lần trong đời: "Mẹ khỏe."

Bà nói câu ấy khi bà bị sốt xuất huyết năm anh học lớp mười hai. Bà nói câu ấy khi bà ngã trong sân, bầm cả đầu gối, và anh phát hiện ra vì thấy cái quần dính máu. Bà nói câu ấy vào cái Tết năm ngoái, khi bà đã ho hai tuần liền. "Mẹ khỏe" là câu mẹ anh nói trước mọi câu khác, và nó không phải một lời báo tin. Nó là một cái cửa đóng lại.

Tối thứ Ba tuần trước, cuộc gọi vẫn đúng kịch bản. Nhưng đến đoạn "mẹ ngủ sớm đi", anh nghe một tiếng động lạ.

Một tiếng bíp. Rất khẽ, rất đều. Rồi lại một tiếng bíp nữa, cách nhau chừng vài giây.

– Mẹ ơi, tiếng gì vậy?

Im một nhịp. Rồi mẹ anh nói:

– Tiếng cái tivi. Bác Bảy qua chơi.

– Dạ. Thôi con chào mẹ.

– Ừ. Con nghỉ đi.

Anh cúp máy, đặt điện thoại xuống, mở laptop ra làm nốt cái báo cáo. Anh không nghĩ gì thêm về tiếng bíp ấy. Anh tin mẹ anh, như người ta vẫn tin những điều mình muốn tin.

Bốn ngày sau, anh lướt Facebook và thấy một tấm ảnh của đứa em họ. Nó chụp hành lang một bệnh viện ở Tam Kỳ, chú thích: "Trực đêm với bà, buồn ngủ quá." Anh phóng to tấm ảnh lên. Ở góc, cạnh chân một cái giường, có một đôi dép nhựa màu xanh, quai bên phải đã đứt và được buộc lại bằng một sợi dây thun.

Đôi dép ấy anh mua cho mẹ ba năm trước, ở một tiệm tạp hóa gần chợ Cồn.

Anh gọi cho dì Bảy.

Dì Bảy im một lúc lâu, rồi nói:

– Mẹ mày nằm viện ba tuần rồi con.

Hai ngàn năm trước, học trò của Khổng Tử là Tử Hạ hỏi thầy thế nào là chữ hiếu.

Khổng Tử đáp một chữ: sắc nan *– khó là ở nét mặt.*

Ông nói tiếp: "Có việc thì kẻ làm con làm thay; có cơm rượu thì mời cha mẹ ăn trước. Như thế đã gọi là hiếu hay sao?"

Người đời sau hay đọc câu ấy như một lời khuyên về thái độ: hãy giữ nét mặt vui vẻ khi hầu cha mẹ. Nhưng Khổng Tử không nói về phép lịch sự. Ông đang chỉ ra một điều sâu hơn: trong chữ hiếu, phần dễ *là phần có thể đếm được – làm việc, dâng cơm, lo thuốc thang, sắm áo quần. Phần ấy ai cũng thấy, ai cũng khen. Còn phần* khó *là phần không đếm được: cái nét mặt, cái sự có mặt thật sự, cái chỗ mà người con phải đặt chính mình vào, chứ không phải đặt tiền bạc hay công lao vào.*

Khổng Tử hỏi ngược lại Tử Hạ một câu mà hai ngàn năm sau vẫn còn chói: làm thay việc, dâng cơm rượu – thế đã gọi là hiếu sao? Ý ông là: nếu chỉ có thế, thì một người ở đợ cũng làm được đủ. Cái làm nên con với mẹ không phải những việc ấy. Cái làm nên con với mẹ là một thứ không có hình dạng, không kê khai được, và vì thế mà dễ bỏ qua nhất.

Có một chữ trong câu ấy mà bản dịch tiếng Việt nào cũng phải chật vật: sắc. *Nét mặt. Khổng Tử đặt nét mặt lên trên cả hành động. Vì hành động thì có thể làm cho xong. Nét mặt thì không thể làm cho xong – nó chỉ có khi người ta thật sự ở đó.*

Cái kịch bản của Kiên có một con số mà anh chưa từng tính.

Ba phút một ngày. Ba trăm sáu mươi lăm ngày. Một năm: một ngàn không trăm chín mươi lăm phút – mười tám tiếng đồng hồ. Một năm anh nói chuyện với mẹ mình mười tám tiếng, ít hơn hai ngày làm việc.

Mẹ anh bảy mươi mốt tuổi. Giả sử bà sống đến tám mươi lăm – và đó là một giả sử tốt. Mười bốn năm nữa, mỗi năm mười tám tiếng, tổng cộng khoảng hai trăm năm mươi giờ. Mười ngày.

Kiên và mẹ anh còn lại với nhau khoảng mười ngày.

Con số ấy không phải để dọa. Nó chỉ nói ra một điều mà ai cũng biết mà không ai chịu tính: cái thứ gọi là "gọi điện cho mẹ mỗi ngày" nghe rất đầy, nhưng khi đem cân thì rất nhẹ. Và cái nhẹ ấy không phải vì anh lười. Nó nhẹ vì cái gọi ấy được thiết kế để nhẹ.

Nhà tâm lý học gọi cơ chế đứng sau nó là giấy phép luân lý. *Khi ta làm một việc tốt nhỏ, ta tự động cảm thấy mình đã mua được quyền bỏ qua một việc tốt lớn hơn. Một cái like cho bài kêu gọi quyên góp làm ta thấy nhẹ người hơn cả một lần đóng tiền thật. Một cuộc gọi ba phút làm ta thấy mình đã ở bên mẹ. Và vì đã thấy thế, ta không cần đến. Cái cuộc gọi ấy không phải một sợi dây – nó là một tờ biên lai.*

Cái biên lai ấy có hai mặt.

Mặt thứ nhất thuộc về Kiên. Cuộc gọi ba phút là một cuộc gọi không có chỗ cho câu trả lời. Anh hỏi "mẹ có khỏe không" và anh chờ một tiếng "khỏe". Nếu mẹ anh nói "mẹ đau lắm", anh sẽ không biết làm gì tiếp trong ba phút còn lại. Cả kịch bản ấy được dựng lên để không có chỗ cho sự thật. Người ta không gọi để nghe. Người ta gọi để khỏi phải *nghe.*

Mặt thứ hai thuộc về những người mẹ. Ở Việt Nam, có một tập quán rất cũ và rất bền: cha mẹ giấu bệnh với con. Giấu vì con đang làm ăn xa, vì con mới đổi việc, vì con đang lo cưới vợ, vì con vừa sinh cháu. Cái giấu ấy không phải sự lạnh nhạt – nó là một hành vi chăm sóc đảo ngược. Người mẹ nằm trong bệnh viện và vẫn đang làm mẹ: vẫn đang giữ cho con mình một đứa con không phải lo.

Và đây là chỗ mà cái kịch bản ba phút lộ ra bản chất thật của nó. Nó đòi hai người cùng đóng một vai. Người con đóng vai người con hiếu thảo. Người mẹ đóng vai người mẹ khỏe mạnh. Hai vai ấy khớp với nhau quá hoàn hảo, khớp đến mức cả hai đều không cần kiểm tra xem vai kia có thật không. Ba tuần lễ, mỗi tối, hai mẹ con diễn một vở kịch ba phút – và cả hai đều diễn rất giỏi.

Sự thật chỉ lộ ra khi có một chi tiết không chịu diễn: một tiếng bíp. Một đôi dép nhựa. Một sợi dây thun.

Chín giờ đêm hôm ấy, Kiên có mặt ở bệnh viện Tam Kỳ.

Anh chạy sáu mươi cây số trong bốn mươi lăm phút, và suốt quãng đường anh không bật nhạc. Anh đi lên hành lang tầng ba, tìm đúng số phòng mà dì Bảy nói. Anh đẩy cửa. Trong phòng có bốn giường, ba giường kia có người, đèn ngủ vàng vọt. Giường ngoài cùng, sát cửa sổ, mẹ anh đang ngủ. Trên tủ đầu giường có một cái điện thoại đang sạc, và một cái ca nhựa đựng nước.

Kiên ngồi xuống ghế, không gọi. Anh ngồi nhìn mẹ một lúc lâu. Bà gầy hơn lần cuối anh về – gầy hơn nhiều so với cái Tết.

Rồi mẹ anh mở mắt.

Người ta thường hình dung một người mẹ ốm nặng nhìn thấy con trai mình sau ba tuần thì sẽ khóc. Mẹ anh không khóc. Bà chống tay ngồi dậy rất nhanh, và câu đầu tiên bà nói là:

– Sao con biết? Con nghỉ làm à? Con về đi, mẹ không sao. Mai con còn đi làm.

Kiên ngồi im. Anh nghe ba câu ấy, và trong đầu anh có một cái gì đó đổ xuống.

Suốt ba tuần ấy, anh tự nhủ mình đang lo cho mẹ. Nhưng sự thật là: mẹ anh đang lo cho anh. Bà nằm trong cái giường ấy, kim truyền cắm vào mu bàn tay, và bà dành

ba tuần để giữ cho con trai mình một cuộc đời không bị xáo trộn. Mỗi tối bảy giờ bốn mươi lăm, dì Bảy mang điện thoại vào. Bà ngồi dậy, lấy tay vuốt lại mấy sợi tóc, cầm điện thoại bằng cả hai tay, và nói "mẹ khỏe". Sau khi cúp máy, bà nằm xuống và một lúc lâu không nói gì.

Câu của Khổng Tử hiện lên trong đầu Kiên, câu anh đọc hồi cấp ba và đã quên:

Sắc nan.

Kiên nhận ra mình đã hiểu sai chữ hiếu suốt bao nhiêu năm. Anh tưởng hiếu là cái phần đếm được: gọi mỗi ngày, gửi tiền mỗi tháng, mua dép, sửa nhà, đưa mẹ đi khám khi anh về. Anh đã làm đủ cả. Anh làm đúng đến mức mẹ anh có thể tự hào khoe với hàng xóm: "thằng Kiên nhà tôi ngày nào cũng gọi."

Nhưng cái phần khó *– cái* sắc *– trong ba tuần ấy không phải do anh giữ. Là mẹ anh giữ.*

Bà giữ nét mặt cho anh. Bà ngồi dậy, vuốt tóc, cười, nói "mẹ khỏe", giấu cái kim truyền ra sau chăn. Bà đã làm đúng cái việc mà Khổng Tử nói là khó nhất trong đạo làm con – và bà làm nó cho con bà, từ một cái giường bệnh, khi bà đang đau. Bà hiếu với anh hơn anh hiếu với bà.

Kiên không khóc. Anh rót một ca nước, đưa cho mẹ, và nói:

– Mẹ uống nước đi. Con xin nghỉ phép rồi.

Mẹ anh ra viện một tuần sau đó. Bác sĩ nói bà cần theo dõi thêm ở nhà, uống thuốc đều, và tái khám mỗi tháng.

Kiên không nghỉ việc. Anh không dọn về quê. Anh biết mình sẽ không làm được hai việc ấy, và anh biết một người con nói dối mình rằng sẽ bỏ hết để về thì cũng chẳng ích gì – anh đã thấy quá nhiều người nói câu ấy rồi để ba tháng sau lại về thành phố, mang theo một nỗi ân hận mới. Anh chọn một việc nhỏ hơn, và làm cho đều.

Anh vẫn gọi mỗi tối tám giờ. Nhưng anh bỏ cái báo thức trong điện thoại đi. Anh không muốn nó nhắc anh nữa. Anh muốn tự nhớ, hoặc là không nhớ, và biết mình không nhớ.

Anh cũng bỏ cái kịch bản. Anh không còn hỏi "mẹ có khỏe không" nữa, vì câu ấy luôn có sẵn một câu trả lời. Anh hỏi những câu khác: hôm nay mẹ ăn gì, cái cây trước sân có ra hoa không, bà Tư hàng xóm còn qua chơi không. Những câu ấy không có đáp án đúng, nên mẹ anh phải nghĩ mới trả lời được. Và trong cái khoảng nghĩ ấy, mẹ anh thật sự ở đó.

Nhưng việc quan trọng nhất thì không nằm trong cuộc gọi.

Chiều thứ Bảy, Kiên làm xong sớm. Anh không gọi báo trước. Anh lên xe, chạy sáu mươi cây số, và tới Duy Xuyên lúc bảy giờ năm mươi. Anh đỗ xe cách cửa nhà hai mươi mét. Trong nhà, đèn bàn thờ sáng, và một bóng người đi lại trong bếp.

Đúng tám giờ, anh lấy điện thoại ra, và bấm gọi.

Chuông đổ hai tiếng. Mẹ anh nhấc máy, giọng quen thuộc:

– Ừ. Con ăn cơm chưa?

– Dạ rồi. Mẹ có khỏe không?

– Mẹ khỏe.

Kiên im một nhịp. Rồi anh nói:

– Mẹ ơi. Con biết mẹ khỏe. Mẹ mở cửa đi.

Bên kia im. Rồi anh nghe tiếng ghế đẩy, tiếng dép, và cánh cửa gỗ mở ra. Ánh đèn từ trong nhà hắt ra sân, dài đến chỗ anh đứng. Mẹ anh đứng ở ngưỡng cửa, tay còn cầm điện thoại, và lần này thì bà khóc.

Đêm ấy, Kiên ngủ lại. Nhà chỉ có một cái giường. Anh trải chiếu dưới đất cạnh giường mẹ, nằm nghe tiếng mẹ thở cho đến khuya. Cái điện thoại để trên bàn, hết pin, và không ai buồn sạc.

Ba phút thì đủ để một người con thấy mình đã làm tròn.

Không đủ để một người mẹ thôi giấu bệnh.

Phần I

Cuộc khủng hoảng sự thật và những chiếc buồng vang

DẪN NHẬP

Có một cuộc khủng hoảng đã xảy ra mà không ai kịp tuyên bố nó.

Nó không đến bằng chiến tranh, cũng không bằng dịch bệnh. Nó đến bằng một thay đổi rất nhỏ trong cách con người tiếp nhận sự thật. Ngày xưa, để biết một điều gì đó, người ta phải đi, phải hỏi, phải chờ, phải tin vào một người nào đó đáng tin. Sự thật vì thế mà nặng. Nó có giá – giá của thời gian, của công sức, của một chút liều lĩnh. Và vì nặng, nó khiến người ta cẩn trọng.

Ngày nay, sự thật nhẹ. Nó trôi qua màn hình mỗi giây, không mất gì để có được, không mất gì để bỏ đi. Và cái gì nhẹ thì cũng dễ bị bẻ. Người ta bẻ sự thật thành từng mảnh vừa với khẩu vị của mình – một mảnh ba giây, một mảnh sáu giây, một dòng tiêu đề – rồi cầm mảnh ấy đi đánh nhau với người cầm mảnh khác.

Bốn chương sau kể về bốn người bị cuốn vào cái trò ấy. Hai người đầu bị xé: một người bị xé bằng chính thứ mình từng tự hào, một người bị xé bằng chính thứ mình từng được tung hô. Người thứ ba không bị xé – anh chỉ bị ba cái miệng quen thuộc nhất đời mình kết tội trong bốn mươi mốt giây, rồi phải trèo qua bức tường của chính ngôi nhà mình. Người thứ tư còn không được kết tội: một con số đã thay mặt cả làng để từ chối bà, và không ai trong cái làng ấy kịp thấy mình vừa làm gì.

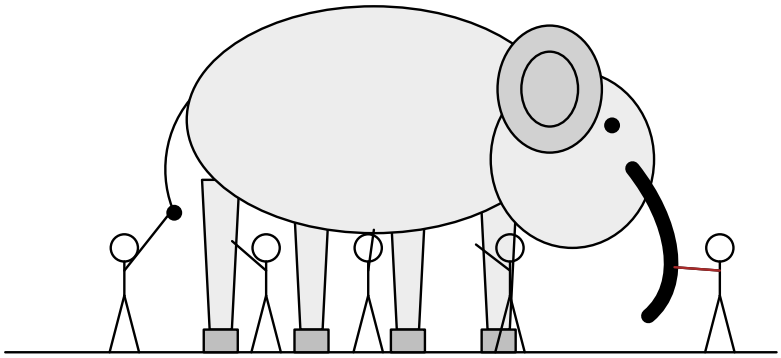
Điều đáng chú ý không nằm ở chỗ họ bị xé. Điều đáng chú ý nằm ở chỗ: không ai trong đám đông kia là kẻ ác. Họ là những người bình thường, đang mệt, đang sợ, đang cần một chỗ để trút. Cỗ máy chỉ tìm ra cách rẻ nhất để biến nỗi mệt ấy thành doanh thu.

Phần này không nhằm kết tội ai. Nó chỉ mượn một câu chuyện cổ – chuyện những người mù rờ voi – để cho thấy rằng cái trò cười của nhân loại đã có từ ngàn năm, và thứ duy nhất thay đổi là tốc độ. Người xưa cãi nhau cả buổi mới xé được một mảnh chân voi. Người nay xé được một mảnh sự thật trong ba giây, và xé được một con người trong một buổi sáng.

Và câu hỏi mà cả bốn chương cùng để lại không phải là "ai đúng, ai sai". Câu hỏi ấy là: khi cả thế giới đang cãi nhau bằng những mảnh vụn, thì một người phải đứng ở đâu để không bị băm theo?

Chương 1

Bệnh "Thầy bói xem voi" trong kỷ nguyên thuật toán



Năm người, một con voi

Màn hình hiển thị 3:14 sáng. Hoàng không rời mắt khỏi biểu tượng chuông thông báo trên TikTok. Cứ mỗi năm giây, ngón tay cái của cậu lại kéo gạt màn hình xuống để tải lại. Con số +99 màu đỏ không hề biến mất, nó chỉ giật lên một cái rồi đứng yên. Trong ba năm làm sáng tạo nội dung, Hoàng đã học được cách phớt lờ những bình luận tiêu cực tẻ nhạt. Cậu có một lớp vỏ bọc hoàn hảo — một KOL điềm tĩnh, đa chiều và thấu cảm.

Ba năm nay, cuộc đời Hoàng được đóng gói theo một thời khóa biểu không viết ra. Sáng đọc tin, trưa viết kịch bản, chiều quay, tối dựng, mười một giờ đăng. Cậu thuê một căn hộ nhỏ ở quận ven, có một góc phòng dựng phông xanh, một chiếc đèn vành, một cái micro. Mẹ cậu ở quê vẫn nghĩ con mình "làm trên mạng", và mỗi lần gọi điện đều hỏi: bao giờ con về. Cậu hứa "cuối tháng", rồi "đầu tháng sau", rồi thôi không hứa nữa. Nghề của cậu trả tiền cho cậu bằng một thứ vô hình gọi là độ phủ*, và cậu đã quen đổi đời mình lấy nó.*

Nhưng đêm nay, lớp vỏ bọc đó rạn nứt.

Không phải vì đám đông chửi bới. Cậu gục ngã vì cách họ dùng chính thứ cậu tự hào nhất để treo cổ cậu.

Tối hôm qua, Hoàng đăng một video về Quiet Quitting *(Nghỉ việc âm thầm). Cậu đã cân nhắc từng chữ, gọt giũa kịch bản suốt hai ngày để đảm bảo tính khách quan: Phê phán văn hóa vắt kiệt sức của doanh nghiệp, nhưng cũng cảnh báo giới trẻ về sự thui chột năng lực. Cậu đinh ninh đó là một góc nhìn sắc bén, công tâm.*

Thuật toán của nền tảng không nghĩ vậy. Những dòng code toán học vô tri, vốn dĩ dửng dưng với chân lý, chỉ rẽ nhánh theo các hàm số thống kê để tối ưu hóa thời gian người dùng dán mắt vào màn hình. Nó nhận ra rằng sự đa chiều không tạo ra tương tác,

nhưng sự phẫn nộ thì có.

Đám đông không phản biện toàn bộ video. Họ cắt đúng ba giây — phân đoạn cậu nói không cống hiến thêm là tự đào thải *— và ghép nó với một đoạn nhạc lồng tiếng giễu nhại. Lập luận phức tạp của Hoàng bị băm nát thành một mảnh vụn một chiều. Mảnh vụn ấy lập tức bị thuật toán ném vào các buồng vang (Echo chambers) của những nhân viên văn phòng đang kiệt sức. Lời lẽ của họ lạnh lùng và xác quyết.*

Điện thoại Hoàng rung. Số của người quản lý nội dung — người ký hợp đồng quảng cáo cho cậu.

– Hoàng hả? Em thấy cái clip chưa? – Giọng chị gấp, có tiếng quạt trần quay trong nền. – Chị nói thẳng: đừng đăng gì đêm nay. Càng đăng càng chết. Em im đi, ba ngày, cho nó nguội.

– Nhưng mà chị, họ hiểu sai hết…

– Chị biết. Nhưng em nghe chị: thị trường không cần em đúng, nó cần em còn bán được. Em mà cãi, mấy nhãn nó rút hết. Em im, mình còn cửa.

Hoàng im. Chị nói tiếp, giọng dịu xuống một chút:

– Chị nói khó nghe, nhưng đó là cách duy nhất. Ngủ đi. Mai tính.

Cuộc gọi kết thúc. Hoàng nhìn màn hình, và hiểu rằng ngay cả người đại diện của mình cũng không tin cậu có thể nói đúng. Chị chỉ tin cậu có thể nói an toàn.

Hoàng mở mục bình luận. Cậu nhấp vào khung trả lời, gõ: Các bạn hiểu lầm rồi, ý tôi ở đoạn trước là… *rồi xóa đi. Cậu gõ lại:* Hãy xem hết video thay vì… *rồi lại xóa.*

Cậu gõ đi gõ lại mười hai lần. Ngón tay khựng lại trên bàn phím rực sáng. Sự tĩnh lặng của căn phòng phơi bày một sự thật tàn nhẫn. Hoàng nhận ra cậu không tìm được từ nào để gõ tiếp. Ba năm qua, cậu chỉ quen nói bằng cái giọng điệu đĩnh đạc, được đóng gói sẵn để đổi lấy lượt thả tim. Bây giờ, khi lớp vỏ bọc bị đám đông xé toạc bằng chính một mẩu video cắt cúp, Hoàng sững sờ phát hiện ra cậu không còn biết bản thân thực sự của mình đang mang giọng nói nào. Cậu đã tự nguyện nộp mình cho cỗ máy huấn luyện của nền kinh tế chú ý quá lâu, đến mức chính cậu cũng không còn phân biệt được đâu là tư duy độc lập, đâu là kịch bản được viết ra để vuốt ve thuật toán.

Đêm nay, ngồi đơn độc trước ánh sáng xanh, Hoàng mới thấm thía sự bất lực tận cùng. Đám đông xâu xé cậu không phải vì họ thù ghét cậu. Họ chỉ đang bấu víu vào một mảnh vụn ba giây, tin chắc rằng mảnh trời bé xíu qua lăng kính cá nhân đó là chân lý toàn vẹn. Và Hoàng, với khao khát được bầy đàn công nhận, đã tự dâng mình làm mồi nhậu cho cái rạp xiếc khổng lồ của sự phân cực đúng — sai.

Cả Hoàng và hàng triệu con người ngoài kia đều đang cắn xé nhau trong một cơn mù lòa tập thể. Một cơn mù lòa vĩ đại được thiết kế bởi sự dửng dưng vô luân của những thuật toán.

Một ngàn năm trước, có một ông vua cũng mất ngủ vì một chuyện buồn cười không kém.

Nhà học giả Nguyễn Duy Cần từng phác họa lại tấn bi hài kịch đó bằng một nhịp điệu thong dong, bắt đầu từ sự buồn chán của đấng quân vương: Xưa kia có một ông vua ngồi buồn, cho bắt tất cả người mù trong thành đem về hợp lại một chỗ.

Hãy hình dung cái sân chầu buổi ấy. Trời trưa, nắng đổ xuống nền đá ong. Một con voi được dắt ra giữa sân, chân buộc dây, tai phe phẩy đuổi ruồi. Mười mấy người mù được dẫn vào, mỗi người đặt tay lên một chỗ. Người sờ vòi thì nói voi là con đỉa. Người sờ tai thì nói voi là cái quạt. Người sờ chân thì nói voi là cây cột. Người sờ đuôi thì nói voi là sợi dây thừng. Không ai nói dối. Mỗi người nói đúng cái mình sờ được. Và chính vì mỗi người đều đúng, nên không ai chịu ai.

Vua cho dắt ra một con voi, bảo đám khiếm thị rờ thử. Kẻ sờ trúng cái đầu thì quả quyết voi giống cái nồi lớn. Kẻ ôm cái chân khăng khăng voi giống cây cột tròn. Người nắm đúng cái đuôi lại cãi bướng rằng voi giống hệt cái chổi sể. Bi kịch của đám đông bao đời nay vẫn thế, nó luôn bắt đầu từ khoảnh khắc người ta ngỡ mình đã nắm được chân lý. Cụ Cần miêu tả: Mỗi người đều tưởng rằng mình đã hình dung rõ con voi... Rồi thì không một ai chịu nhận của ai cả, đều cho cái thị kiến của mình là đúng. Ban đầu còn cãi nhau, sau chửi nhau om sòm, và rốt cùng xăn tay đánh nhau tơi bời...

Từ trên ngai vàng, nhìn đám thần dân đang đấm đá nhau đến uể đầu mẻ trán chỉ vì một cái chân hay cái đuôi voi, nhà vua không can thiệp, không phân xử ai đúng ai sai. Ngài chỉ ngồi yên, nhìn, và ôm bụng cười vang.

Sự tĩnh lặng tuyệt đối của vị vua đối lập hoàn toàn với sự cuồng nộ dưới sân chầu. Đó không phải là cái cười giễu cợt của kẻ bề trên khinh khi đôi mắt mù lòa của thần dân. Ngài cười vì ngài nhìn thấy sự lố bịch của những kiếp người đang ôm khư khư một mảnh vụn của sự thật, ảo tưởng nó là toàn vẹn, rồi dùng chính mảnh vụn đó làm vũ khí để triệt hạ đồng loại. Cái cười ấy, người phương Đông gọi là u mặc — tương tiếu nhất thinh song lệ lạc. *Ngài cười, nhưng trong nụ cười có đọng lại một giọt nước mắt xót thương cho những sinh mệnh đang tự trói mình vào ngục tù của vô minh.*

Nhưng bi kịch của vị vua ngàn năm trước vẫn còn vô cùng nhân đạo nếu so với thời đại của Hoàng.

Vị vua xưa, dù cao ngạo đến đâu, vẫn còn là một đôi mắt thịt. Ngài nhìn thấy đám người mù cắn xé nhau, và trong cái nhìn đó, dẫu chỉ để giải khuây, vẫn còn sót lại một giọt xót thương đủ để bật ra thành tiếng cười.

Nhưng trò chơi mà Hoàng đang kẹt vào đêm nay không có đôi mắt nào ở vị trí ngai vàng cả. Không có ai ngồi đó để cười, để xót xa, để phân xử. Lõi vi mạch của các máy chủ ở Thung lũng Silicon không có nước mắt. Chẳng có bạo chúa tinh quái nào đang bày trò để giải trí. Chỉ có một con số vô tri gọi là thời lượng tương tác *đang chậm rãi nhích lên trên một bảng điều khiển (dashboard) ở một căn phòng máy chủ lạnh lẽo cách Hoàng nửa vòng trái đất. Nơi đó, không một ai, kể cả những thuật toán tinh vi nhất, biết rằng phía sau con số biểu đồ đang đi lên rực rỡ ấy là một thằng nhóc hai mươi mấy tuổi đang gục ngã, ngồi run rẩy một mình trước ánh sáng xanh.*

Dưới con mắt của nhà văn u mặc, không có cái điên nào cho ai cả, mà chỉ có lũ con người điên, và cả một thế giới điên loạn mà thôi.

Đám đông đang xâu xé Hoàng không điên. Họ cũng không sinh ra với bản tính ác độc. Sự cuồng nộ dưới bài đăng của cậu là kết quả tất yếu khi hệ lệnh sinh học từ thời tiền sử va chạm với một cỗ máy tối ưu hóa tương tác.

Trong nền kinh tế chú ý của kỷ nguyên số, các tập đoàn công nghệ thu hoạch nhãn cầu của người dùng để bán cho các nhà quảng cáo. Cốt lõi của mô hình này không nhằm đi tìm chân lý, mà chỉ giải quyết một bài toán duy nhất: Giữ ngón tay người dùng tiếp tục vuốt màn hình. Và bài toán đó tình cờ chạm đúng vào một phản xạ rất cũ: người ta dừng lại lâu hơn ở cái làm mình nổi giận.

Năm 2018, Soroush Vosoughi, Deb Roy và Sinan Aral công bố trên Science *một khảo sát 126.000 chuỗi tin tức trên Twitter, giai đoạn 2006–2017. Tin sai được chuyển tiếp với tần suất cao hơn khoảng 70% tin đúng. Nhóm nghiên cứu ghi nhận sự chênh lệch ấy; họ không khẳng định nguyên nhân. Sự chênh lệch đó đang hiển hiện ngay trước mắt Hoàng. Trong lúc đoạn video gốc dài ba phút mang góc nhìn khách quan của cậu bò rà được vài trăm lượt xem, thì cái đoạn cắt cúp ba giây chứa đầy sự xuyên tạc đã kịp nhân bản lên gấp sáu lần, vươn tới hàng ngàn màn hình khác chỉ trong một cái chớp mắt.*

Cỗ máy ấy không ở đâu xa. Nó nằm trong điện thoại của từng người. Nó ghi lại từng giây ngón tay dừng lại, từng lần mắt liếc qua, từng cú chạm rồi bỏ dở. Sáng hôm sau, cùng một thứ ấy hiện lên trước mắt người dùng, nóng hơn, đậm hơn, cay hơn. Không ai ra lệnh cho nó làm thế. Nó chỉ tối ưu hóa một hàm số, và hàm số ấy vô tình tìm ra thứ rẻ nhất để giữ người ta ở lại: sự phẫn nộ.

Sự lây lan ấy không phải do thuật toán có ác ý. Thuật toán chỉ đơn thuần là một phương trình vô tri. Nó không quan sát, không thù hận, cũng chẳng mang dã tâm giăng bẫy. Nó chỉ vận hành theo một nguyên tắc thống kê sắc lạnh: Dữ liệu nào giữ người dùng ở lại lâu hơn, dữ liệu đó sẽ được ưu tiên phân bổ rộng hơn.

Và một mảnh tin tức chạm vào niềm tin cốt lõi chính là thứ dễ giữ người ta lại lâu nhất. Khi một người dùng tình cờ đọc được góc nhìn trái chiều của Hoàng, người ấy không dừng lại để cân nhắc đúng sai. Tim đập nhanh hơn, ngón tay đã đi tìm bàn phím. Người ta hay gọi đó là phản ứng tự vệ, dù ở đây chẳng có ai đang tấn công. Ở một căn phòng nào đó phía bên kia màn hình, một cô gái trẻ đang hằn học gõ phím. Ngón tay cô run lên, gõ sai lỗi chính tả ba lần liên tiếp trong một bình luận chỉ vỏn vẹn mười chữ: Thằng tư bản cặn bã, câm mồm lại!. *Cô không buồn xóa đi sửa lại. Cô ấn Enter. Cô đập bàn phím không phải để tranh luận trí thức, mà để tự vệ trước một cảm giác bất an sâu thẳm khi thế giới quan của mình bị đe dọa.*

Sự phẫn nộ ấy đẻ ra tương tác. Phương trình máy chủ ghi nhận biến số tăng vọt và tiếp tục rẽ nhánh. Nó tự động phân bổ hàng loạt video chửi rủa tương tự vào màn hình của cô gái kia.

Ở Việt Nam, cỗ máy ấy đã vào nhà từ lâu. Một quán cà phê từng bị réo tên khắp nơi vì một tấm biển chụp sai góc. Một cô gái bán hàng online từng bị cả nước kết án trong hai ngày vì một câu nói bị hiểu sai. Một thầy giáo từng bị đình chỉ vì một đoạn clip dài chín giây cắt ra từ một bài giảng dài bốn mươi phút. Trong mỗi vụ ấy, đám đông không hề biết toàn bộ câu chuyện. Họ chỉ biết mảnh vụn mà thuật toán đưa cho họ, và mảnh vụn ấy đủ để họ kết án. Sau vài ngày, cơn bão tan. Nhưng người bị cơn bão đi qua thì không tan theo.

Người ta có xu hướng giữ lấy những gì mình đã tin. Đổi một niềm tin cũ lấy một góc nhìn mới tốn công hơn là gật đầu với điều mình sẵn tin, nên phần lớn ta chọn con đường ngắn hơn – không phải vì ta dốt, mà vì ta mệt. Và một lời đồng thuận, dù rỗng, vẫn đem lại một chút dễ chịu đủ để ta ở lại thêm vài giây.

Nắm bắt được biến số đó, hàm số thống kê tự động cắt xén thế giới thành những mảnh vụn vừa vặn với từng nhóm người. Nó xây dựng các buồng vang cách ly, nơi những người ghét Hoàng chỉ nhìn thấy những kẻ cùng chung sự thù ghét.

Cái buồng vang ấy không phải một căn phòng. Nó là một trạng thái. Người ở trong đó không biết mình đang ở trong đó, vì mọi thứ họ nhìn thấy đều xác nhận rằng họ đang ở ngoài, đang đứng cùng phe với số đông, đang nói lên sự thật. Đó là điểm tàn nhẫn nhất của cỗ máy: nó không nhốt người ta bằng tường, mà bằng sự đồng thuận. Muốn thoát ra, người ta phải làm một việc gần như không thể: nghi ngờ chính cái cảm giác mình đang đúng.

Những người mù rờ voi ngàn năm trước còn có cơ hội cãi nhau trực tiếp ở sân chầu để một ngày nào đó nhận ra sự vô lý của đối phương. Nhưng những kẻ mù của thế kỷ 21 bị cô lập trong hàng triệu buồng ấp vô hình. Họ được các phương trình toán học liên tục cung cấp những cái chân voi, cái đuôi voi y hệt nhau, để nuôi dưỡng ảo tưởng rằng mảnh vụn họ cầm trên tay là chân lý duy nhất.

Sự phân cực không phải là một tai nạn. Nó là sản phẩm phụ tất yếu của một phương trình tối ưu hóa — quy đổi sự mù lòa thành dữ liệu, và biến sự phẫn nộ thành doanh

thu.

Phương trình tối ưu hóa vẫn đang chạy. Những dòng chữ đẫm mùi thù hận liên tục nảy lên trên màn hình. Phía dưới những dòng chữ ấy, ô bình luận vẫn mở, chờ một ký tự bất kỳ. Một cú nhấn Enter từ Hoàng lúc này sẽ là nguồn biến số hoàn hảo để kéo dài chu kỳ tương tác của đám đông.

Mười đầu ngón tay Hoàng căng cứng, lơ lửng trên bàn phím. Một luồng nhiệt nóng rực cuộn lên từ lồng ngực, hối thúc cậu phải gõ một điều gì đó để phân định rạch ròi thiện ác, phải chiến đấu để chứng minh mình là ánh sáng còn đám đông kia là bóng tối.

Cậu nhìn chằm chằm vào con trỏ chuột đang nhấp nháy nhịp nhàng trong ô bình luận trống rỗng. Nhấp nháy. Nhấp nháy.

Một giây. Hai giây. Ba giây. Hoàng từ từ rút đôi bàn tay khỏi bàn phím, đặt nhẹ xuống đùi. Luồng nhiệt trong ngực dịu lại, nhường chỗ cho một sự thấu suốt lạnh toát. Cậu nhận ra một sự thật tàn nhẫn: Đám đông ngoài kia không sai, cậu cũng chẳng đúng. Mọi chân lý đang gào thét trên không gian mạng đêm nay chỉ là những mảnh vụn được thuật toán rẽ nhánh theo chu kỳ. Tranh cãi đúng sai với những mảnh vụn đó chính là hành động tự nguyện ký giấy để trở thành một nhân công mù lòa tiếp theo.

Ngao du nơi tổ của vạn vật, xem vật là vật, mà không để cho Vật xem mình là vật.

Câu nói của học giả Nguyễn Duy Cần chẻ dọc bầu không khí đặc quánh của căn phòng.

Mạng xã hội là Vật. *Cỗ máy khổng lồ vô tri kia không cần biết Hoàng viết lý lẽ gì, nó chỉ cần Hoàng viết. Nếu cậu đập bàn phím cay cú đáp trả, cậu đã cho phép Vật tước đoạt bản ngã thiêng liêng của mình, biến cậu thành một điểm dữ liệu, một thứ nguyên liệu đốt để duy trì vòng quay của hàm số thống kê.*

Quyền lực tối thượng của Hoàng đêm nay không nằm ở khả năng gõ ra một luận điểm sắc bén. Quyền lực duy nhất mà thuật toán không thể thao túng, thứ duy nhất cậu có toàn quyền kiểm soát, chính là quyền cự tuyệt. Sự tự do không đến từ việc vung gươm chém gục đám đông ở lại võ đài, mà là hành động tước đoạt nguồn sống của con quái vật ngay tại thời điểm nó tưởng như đã cầm chắc phần thắng.

Hoàng vươn tay, gập sập màn hình laptop lại.

Tiếng kim loại va đập gãy gọn, dứt khoát như một nhát chém. Tiếng quạt tản nhiệt lập tức tắt lịm. Căn phòng 3 giờ sáng vụt tắt ánh sáng xanh, chìm sâu vào bóng tối nguyên thủy. Bằng việc không gõ thêm một phím nào, Hoàng đã rút phích cắm của hệ nhị nguyên.

Bóng tối bao trùm căn phòng ngay sau tiếng gập màn hình. Cỗ máy nhị nguyên đã bị ngắt kết nối. Trong khoảng không gian tĩnh mịch đặc quánh ấy, Hoàng từ từ đứng dậy. Theo thói quen của ba năm qua, tay cậu vẫn vô thức cầm theo chiếc điện thoại. Cậu đẩy lớp cửa kính, bước ra ban công.

Bên dưới là thành phố đang chìm trong giấc ngủ, thỉnh thoảng điểm xuyết một ánh đèn vàng vọt từ cột đèn đường hắt lên vỉa hè vắng lặng. Không có nút Like, không có biểu đồ tương tác, không có âm thanh cuồng nộ nào. Hoàng cúi xuống nhìn thiết bị hình chữ nhật trong tay. Bản năng tò mò rỉ tai cậu hãy mở khóa màn hình, chỉ một cái liếc mắt thôi, để xem đám đông ngoài kia đang phản ứng thế nào trước sự im lặng của mình.

Cậu khẽ miết ngón tay lên mép viền kim loại lạnh ngắt. Rồi, không một tiếng động, cậu đặt úp chiếc điện thoại xuống mặt bàn đá.

Hoàng vừa trải qua một cú va đập dữ dội. Hàng ngàn lời thóa mạ và tung hô ngoài kia đủ sức bẻ gãy bất kỳ một cái Tôi *kiêu hãnh nào. Nhưng cậu bình yên vô sự. Học giả*

Nguyễn Duy Cần từng mượn một ý của Trang Tử để lý giải trạng thái sống sót kỳ lạ này: Đó là cú ngã của một kẻ say. Người say rượu té xe, tuy mang tật mà không chết. Gân cốt thì giống với mọi người, mà bị hại thì sao lại khác với mọi người? Là vì nó giữ toàn được cái thần. Lên xe cũng không biết, té xe cũng không hay.

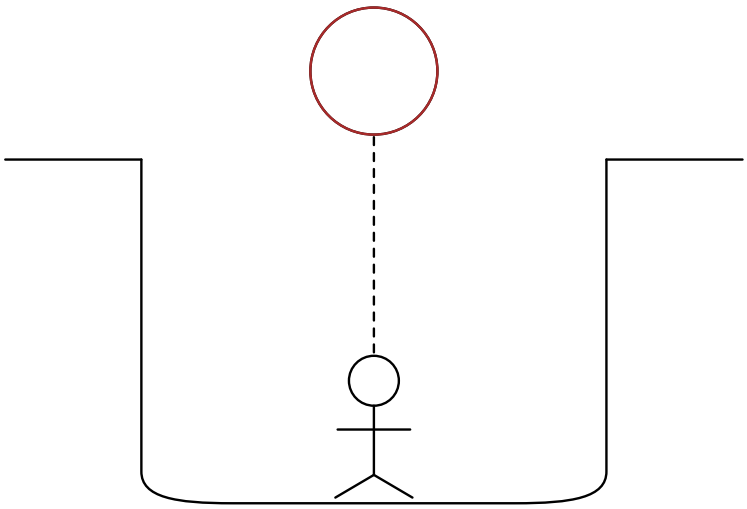
Kẻ say rớt khỏi xe mà không gãy xương, vì trong khoảnh khắc chạm đất, tâm trí anh ta hoàn toàn buông lỏng. Anh ta không mang theo nỗi sợ hãi sống—chết hay được—mất để gồng mình chống cự lại mặt đất. Đêm nay, Hoàng cũng vừa rớt xuống từ cỗ xe đang lao đi điên cuồng của nền kinh tế chú ý. Nếu cậu gồng mình gõ phím đáp trả, cậu đã tự chuốc lấy tổn thương tâm lý đến mức gãy vụn. Nhưng ngay tại khoảnh khắc gập máy tính, cậu đã trút bỏ sự cố chấp vào cái đúng—sai. Cậu đón nhận sự công kích của đám đông bằng trạng thái tâm hư *của kẻ say, mặc cho mặt đất va vào mình.*

Cậu không vung gươm đánh bại đám đông. Cậu chỉ đơn giản là từ chối chống cự lại cơn điên của họ.

Hoàng quay lưng đi vào phòng, thả mình xuống giường, nhắm mắt lại. Ngoài ban công, chiếc điện thoại úp sấp vẫn nằm trơ trọi trên mặt bàn đá. Thỉnh thoảng, màn hình của nó lại bừng sáng lên một nhịp vì những thông báo mới liên tục rơi xuống. Ánh sáng xanh hắt ra từ viền máy loang lổ trên mặt bàn một cách yếu ớt, vô hại. Trông nó như nhịp thở của một con thú săn mồi đang kiên nhẫn phục kích trong đêm tối. Cuộc chiến chưa hề kết thúc, cỗ máy thuật toán vẫn sống sờ sờ ngoài kia. Chỉ là đêm nay, nó tạm thời bị bỏ đói.

Chương 2

Đỉnh núi của những vị thánh vô hình



Bầu trời bằng cái vung

Mười hai tiếng trước, Mai là khách mời danh dự của một nền tảng podcast tâm lý học. Mười hai tiếng sau, hòm thư điện tử của cô nhận liên tiếp bốn email thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng tài trợ.

Chiếc điện thoại trên mặt bàn kính liên tục nhấp nháy. Màn hình khóa bị lấp đầy bởi hàng ngàn thông báo đính kèm hashtag #TayChayMai. Trong một buổi trò chuyện dài hai giờ đồng hồ, Mai lỡ miệng buông một câu vỏn vẹn sáu giây: Có lẽ giới trẻ ngày nay nên ngừng đóng vai nạn nhân. *Khối âm thanh sáu giây đó bị cắt lìa khỏi toàn bộ mạch văn, được thuật toán đóng gói và phân bổ vào thiết bị của hàng trăm ngàn người chưa từng nghe trọn vẹn 119 phút còn lại.*

Mai vẫn cầm điện thoại, nhưng ngón tay cái đã ngừng vuốt từ bao giờ. Màn hình tự động tắt đen, rồi lại rực sáng lên theo từng nhịp thông báo dội về, soi rõ một sự thật trần trụi: Những tài khoản hôm qua còn để lại bình luận tung hô cô, hôm nay đồng loạt gõ ra những dòng chữ đòi tước đoạt sinh mạng của cô.

Trước cái đêm ấy, cuộc đời Mai là một chuỗi ngày được lên lịch kín. Buổi sáng cô khám ở một phòng tư nhân nhỏ, mỗi ngày bảy bệnh nhân. Buổi chiều cô dạy hai tiết ở một trường, rồi về soạn nội dung cho kênh podcast. Cô sống một mình trong một căn hộ có ban công trồng mấy chậu hương thảo, và cô vẫn tin rằng nghề của mình là giúp người ta bớt khổ. Cô tin điều đó đến mức đôi khi quên mất mình cũng là một người có thể khổ.

Điện thoại rung lần nữa. Lần này là người đồng dẫn podcast – người cô coi như em.

– Chị Mai… em xin lỗi. – Giọng cậu bé run. – Bên nhãn nó gọi em rồi. Nó bảo nếu em còn đứng tên trên kênh thì nó cắt hết. Em… em phải rút tên. Em xin lỗi chị.

– Ừ. – Mai nghe giọng mình bình thản đến lạ. – Em lo cho em đi. Chị hiểu.

– Chị đừng giận em...

– Chị không giận.

Cô cúp máy, và nhận ra mình vừa bị bỏ rơi bởi người duy nhất gọi cô là "chị" trong cái thành phố này. Nhưng điều làm cô lạnh hơn không phải sự phản bội. Mà là cô đã trả lời quá nhanh, quá trơn, như thể cô đã luyện câu ấy từ lâu – như thể, sâu bên trong, cô cũng đã chuẩn bị tinh thần để bị bỏ rơi.

Ở phía bên kia màn hình, một tài khoản ẩn danh đang giận dữ gõ những dòng đạo lý nhân danh công lý để nguyền rủa Mai. Lịch sử bài đăng cho thấy, chỉ mới tuần trước, chính người này vừa bực dọc than vãn trong một hội nhóm rằng bọn trẻ bây giờ hở tí là tổn thương. *Hàng chục ngàn con người đang tham gia vào cuộc hành quyết không thực sự quan tâm đến giới trẻ. Họ khao khát một vật tế thần. Việc dẫm đạp lên nhân phẩm của một người lỡ trượt chân mang lại cho họ một khoái cảm sinh lý tột độ, một lối thoát để tống khứ sự bất an và yếu kém bên trong chính mình sang một kẻ khác. Carl Jung gọi đó là sự phóng chiếu. Một cơ chế phòng vệ nguyên thủy để đám đông tự cấp cho mình tấm thẻ chứng nhận đạo đức.*

Họ tự đắp lên cho mình một cái đỉnh núi chật hẹp bằng những mảnh vụn thông tin cắt ghép. Ở trên cái đỉnh ấy, mỗi tài khoản ẩn danh đều đinh ninh lăng kính phán xét của họ là chân lý toàn vẹn của vũ trụ. Mai bị dồn vào chân tường, không phải bởi những người đi tìm sự thật, mà bởi một bầy đàn dưới đáy giếng, mỗi kẻ đều tin chắc miệng hố chật hẹp phía trên đầu mình chính là toàn bộ bầu trời của nhân loại.

Âm thanh thông báo cuối cùng từ màn hình vừa tắt lịm. Cắt cảnh.

Mùa thu, nước lớn cựa mình, trăm con rạch đục ngầu đổ dồn về sông to. Đứng giữa dòng chảy cuồn cuộn, Hà Bá nheo mắt nhìn sang hai bờ. Nước tràn trề liếm mép vực. Ngài chậm rãi vuốt chòm râu bạc, lồng ngực vươn cao khi phóng tầm mắt mà chẳng thể phân biệt nổi đâu là một con bò, đâu là một con ngựa ở bờ đối diện. Bàn tay ngài miết dọc quyền trượng, đinh ninh rằng toàn bộ sự vĩ đại và trọn vẹn của thiên hạ đã nằm gọn trong tầm nhìn ấy.

Ngài tự hào một cách chính đáng. Trong cõi nước của mình, Hà Bá là kẻ không có gì phải sợ. Ngài biết từng con rạch, từng bãi cát, từng mùa nước lên. Ngài biết khi nào cá về, khi nào thuyền nên ra khơi. Cả một vùng đất rộng lớn phụ thuộc vào sự hiểu biết của ngài, và ngài biết điều đó. Cái biết ấy không phải tội. Nó chỉ là một cái nhà có bốn bức tường, và Hà Bá chưa từng bước ra ngoài.

Ngài cứ thế xuôi dòng. Cho đến khi chạm mặt biển Bắc.

Gió lạnh quất tới. Bước chân Hà Bá đóng băng trên mặt nước. Bàn tay đang vuốt râu khựng lại giữa không trung. Trước mắt ngài là một đường chân trời không có điểm kết thúc. Nước giăng nối trời, trời chìm vào nước, một khối xanh thẳm câm lặng không có lấy một bờ đất để đo lường. Nhãn quan vĩ đại của ngài, cái thước đo tự hào vạch ranh giới giữa một con bò và một con ngựa, bỗng chốc lọt thỏm vào khoảng không vô tận. Ngài từ từ hạ quyền trượng xuống.

Từ giữa biển khơi, Thần Bắc Hải thong dong buông một tiếng thở dài lạnh đến ngàn thu:

Cùng ếch giếng không thể nói biển đặng: Nó chỉ biết có cái hang nó mà thôi. Cùng côn trùng mùa hạ, không thể nói băng tuyết đặng: Nó chỉ biết có cái mùa của

nó mà thôi! Cùng bọn khúc sĩ không thể nói Đạo đặng: Họ bị trói buộc trong giáo lý của họ.

Ngọn gió phương Bắc thổi thốc vào thế kỷ 21, phất qua những dãy máy chủ làm lạnh chạy ro ro.

Những bầy ếch ngày nay không còn ngồi dưới vách giếng rêu phong. Chúng còng lưng sau những tấm màn hình sáu inch, lọt thỏm trong một cái giếng vô hình của thuật toán phân bổ dữ liệu — một cỗ máy vật lý chỉ đơn thuần khuếch đại những luồng thông tin tương đồng.

Bọn khúc sĩ *của thời đại mạng nhện không mặc áo dài đen cầm bút lông. Chúng nắm lấy một đoạn âm thanh sáu giây bị cắt phăng khỏi mạch sống, ráo hoảnh* cắt vụn vũ trụ ra từng khúc, đẽo sự lý của vạn vật ra từng mảnh. *Chỉ bằng sáu giây ấy, chúng lao vào kết án một con người. Áp chặt mặt vào cái miệng giếng chật chội mang tên* Trending, *bầy đàn khản cổ cãi nhau xem mảnh vỡ sự thật kia có hình thù gì, rồi vỗ bàn đinh ninh rằng mình đang cầm nắm trọn vẹn chân lý.*

Đại dương mênh mông của sự thật bị ép cho đến chết khô, chôn gọn trong một cái hashtag đang nảy số liên tục từng giây.

Ở một căn phòng ngột ngạt nào đó giữa lòng thành phố, ánh sáng xanh xám từ màn hình hắt lên khuôn mặt bợt bạt của một kẻ vô danh. Ngón tay cái của gã gõ liên hồi lên bàn phím ảo, ấn gửi đi một lời nguyền rủa ráo hoảnh nhắm vào Mai. Ngay khoảnh khắc dòng chữ đó hòa vào hàng vạn bình luận ác ý khác, một luồng dopamine nhỏ giọt vào não bộ. Gã thả lỏng đôi vai đang co cứng, lồng ngực phập phồng nhả ra một hơi dài.

Tại sao một giống loài đang nắm giữ quyền lực truy cập toàn bộ tri thức nhân loại ở đầu ngón tay, lại tự nguyện đúc cho mình những chiếc đáy giếng để chui rúc vào, thay vì vẫy vùng ngoài đại dương của sự thật?

Đám đông đang xâu xé Mai ngoài kia không hội tụ vì tình yêu công lý. Họ đang tham gia vào một nghi lễ trừ tà tập thể của những phần con nguyên thủy luôn đói khát sự rành mạch. Khi bị đè nén đến ngạt thở bởi những tờ hóa đơn, những KPI vô hồn và sự bế tắc của đời sống thực tại, con người sinh ra cơn khát tế thần. Họ phóng chiếu toàn bộ bóng tối, sự đố kỵ và những thất bại thầm kín của chính mình lên một mục tiêu xa lạ. Việc giẫm đạp một sinh linh đang chới với dưới bùn tạo ra thứ ảo giác quyền lực tột đỉnh. Nó bốc thơm một thứ đạo đức rẻ tiền, cho phép những kẻ đang bị cuộc đời quật ngã bỗng chốc được đứng ngang hàng với Đấng tối cao để phán xét.

Cái nghi lễ ấy có một đặc điểm mà mọi nghi lễ cổ xưa đều có: nó cần một cộng đồng. Người ta không ném đá một mình. Người ta ném đá khi biết có người khác cũng đang ném. Số lượng bình luận, số lượt chia sẻ, số bài đăng – đó là tiếng trống của nghi lễ. Và tiếng trống càng to, người ta càng tin rằng mình đang làm điều đúng. Trong một nghi lễ như thế, không ai chịu trách nhiệm. Trách nhiệm bị chia đều cho một đám đông vô danh, cho đến khi nó biến mất.

Những luồng mã lệnh chạy ngầm dưới đáy các thung lũng công nghệ không hề có dã tâm. Chúng không biết buồn, không thù ghét Mai, và cũng không có chủ đích đày đọa con người. Các khối dữ liệu chỉ lạnh lẽo ghi nhận một hằng số thống kê: Sự phẫn nộ kích thích con người vuốt màn hình lâu hơn sự tĩnh tại 4,5 giây.

Để tối ưu hóa hàm số lợi nhuận này, cơ chế phân phối tự động vận hành như một chiếc máy thái thịt khổng lồ. Nó băm mọi thứ đi qua lưỡi cưa của nó thành những mảnh vụn sáu giây cố định, lạnh lẽo đến mức không cần phân biệt đầu vào là một sinh mệnh

đang gào thét hay một công thức nấu ăn vô tri. Nó liên tục nạp những mảnh vụn ấy vào các luồng thông tin tương đồng, khóa chặt đám đông vào một cái lồng lặp lại vô tận.

Mỗi một cú nhấp chuột chửi rủa, mỗi một cái nhếch mép hả hê khi ném đá Mai, gã vô danh trong phòng trọ không hề dọn sạch được bế tắc của đời mình. Gã chỉ đang miệt mài miết thêm một lớp vữa mỏng, tự tay xây cái vách giếng của chính gã cao thêm một milimet.

Và nghi lễ ấy không cần một giáo đường. Nó diễn ra trên từng chiếc điện thoại, mỗi tối, miễn phí. Người ta không cần biết Mai là ai. Người ta chỉ cần biết cô là kẻ đã nói một câu ngược lại điều họ tin. Chỉ cần thế, là đủ để cô trở thành cái bia cho một cơn giận không có chỗ trút. Cơn giận ấy không sinh ra từ Mai. Nó sinh ra từ những buổi sáng phải chen chúc trên đường, những buổi tối nhìn hóa đơn mà không biết lấy gì trả, những năm tháng cảm thấy mình không được ai nhìn thấy. Mai chỉ là cái cớ để người ta được phép nổi giận – và được phép thấy mình cao thượng khi nổi giận.

Ngón tay trỏ của Mai lơ lửng trên bàn di chuột. Thanh tiến trình của nền tảng đã báo 100%. Chỉ cần một cú nhấp nhẹ vào nút Publish*, trọn vẹn 119 phút gốc của buổi podcast sẽ được tung ra. Bản năng thôi thúc cô dùng sự thật toàn vẹn làm thứ vũ khí tối thượng để thanh minh. Nhưng nếu ngón tay ấy ấn xuống, Mai sẽ tự ném mình vào một cái bẫy còn tàn nhẫn hơn cả thuật toán: Cố dùng một cái giếng lớn hơn để cãi lý với những kẻ đang ngồi trong cái giếng nhỏ.*

Trên cái đỉnh núi đẫm máu của mạng xã hội, đám đông đã tự đúc xong ngai vàng đạo đức từ một đoạn âm thanh sáu giây cắt xén. Bằng nhãn quan nhị nguyên hẹp hòi, chúng tự phong mình làm thánh nhân và đóng đinh Mai vào vai ác quỷ. Đúng như lưỡi gươm sắc lạnh mà Nguyễn Duy Cần từng vung lên khi luận về sự ngạo mạn của nhân loại: Biết Nghiêu và Kiệt đều tự cho rằng mình là phải mà cho nhau là quấy, đó là rõ được cái cốt của sự ưa thích rồi!. *Cái gọi là chân lý tuyệt đối mà đám đông đang gào thét bảo vệ, rốt cuộc chỉ là sự áp đặt cuồng tín của những thiên kiến cá nhân.*

Nếu Mai lên tiếng giải thích, cô đang vô tình thừa nhận cái lăng kính đúng—sai lố bịch của đám đông là một phiên tòa hợp pháp. Đám đông sẽ không bao giờ bấm nghe 119 phút kia. Không phải vì chúng lười, mà vì chúng sợ. Phủ nhận mảnh vụn sáu giây ấy đồng nghĩa với việc đập vỡ cái ngai vàng hư ảo mà chúng vừa mướt mồ hôi trèo lên. Chúng thà tế sống Mai còn hơn phải đối diện với sự vô minh của chính mình. Sự bi tráng của Mai, nếu bung ra lúc này, rốt cuộc chỉ là một trò hề tế thần rẻ tiền.

Bờ vai đang gồng cứng của Mai bỗng chùng xuống. Một luồng hơi nghẹn ứ nơi lồng ngực bất thần bật ra thành một tiếng phì cười khô khốc. Đó không phải tiếng cười khinh bỉ đám đông. Đó là tiếng cười của một người vừa nhận ra mình — và cả bầy đàn kia nữa — đều đang lăm lăm cầm dao bầu đi phân bua với bầy kiến.

Mai dứt khoát nhấc ngón tay rời khỏi bàn di chuột. Tràng cười u mặc vỡ ra, nhẹ bẫng. Cô gập sập màn hình laptop, tước đoạt món mồi ngon mà bầy đàn đang gào thép đòi ăn, nhốt toàn bộ cái đỉnh núi thị phi ồn ào ấy vào một màn đêm câm lặng.

Tiếng gập máy khô khốc vừa dứt, căn phòng chìm vào một khoảng không câm lặng. Lồng ngực đang căng cứng của Mai bỗng chùng xuống, nhẹ bẫng. Cô đã suýt ném nốt 119 phút âm thanh vào màn hình chỉ để níu kéo một cái danh xưng lấp lánh.

Cách đây hai ngàn năm, khi nghe đồn Liệt Tử là bậc cao sĩ đang túng đói, vua Trịnh bèn sai người đem lúa đến ban, nhưng ông vái từ chối. Mặc cho vợ oán trách, Liệt Tử chỉ cười nhạt: Vua mà biết ta, không phải là tự chính vua biết ta, tại nghe có người nói mới biết ta. Vua nghe người nói mà biết ta mà cho ta thóc, thì lúc bắt tội ta, tất vua cũng nghe lời người nói mà thôi.

Đám đông vạn người từng suy tôn Mai ngày hôm qua, kỳ thực chưa bao giờ biết *Mai. Họ phong thánh cho cô nhờ một trích đoạn mười lăm giây đánh trúng cơn khát của bầy đàn. Và đêm nay, họ đòi tế sống cô cũng chỉ vì một mẩu âm thanh sáu giây đi ngược lại số đông. Cả sự tôn sùng rực rỡ lẫn lòng thù hận ngút ngàn ấy đều là những hạt lúa của vua Trịnh — được ban phát và thu hồi bởi cùng một cơ chế a dua mù lòa.*

Mai từ từ miết ngón tay dọc theo mép vỏ nhôm lạnh buốt của chiếc máy tính đã gập sập. Một tiếng phì cười nghèn nghẹn vỡ ra từ cổ họng. Trong bóng tối, cô chợt nhận ra toàn bộ cái đỉnh núi thị phi đang sôi sục kia, ngai vàng đạo đức của đám đông, và cả cái tòa án dị giáo đang gào thép đòi mạng mình… tất cả thực chất chỉ bị nhốt vừa vặn trong một cái hộp kim loại mười ba inch cắm điện.

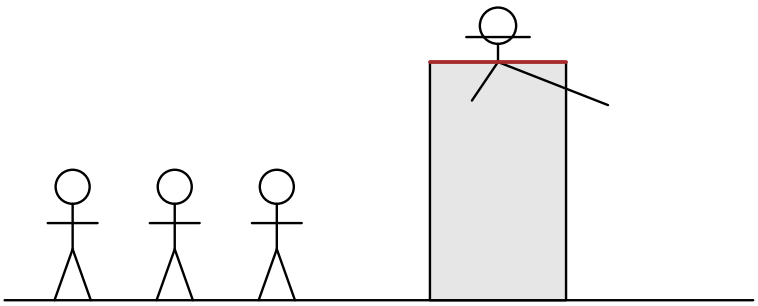
Sáng hôm sau, Mai vẫn đến phòng khám như thường lệ. Bệnh nhân đầu tiên là một người phụ nữ bốn mươi tuổi, run rẩy kể về việc bị đồng nghiệp nói xấu trong một nhóm chat. Chị ấy khóc, và hỏi Mai phải làm sao. Mai im một lúc, rồi hỏi lại: chị có biết họ đã nói gì không? *Người phụ nữ lắc đầu. Mai nói:* Vậy thì cái làm chị đau không phải câu nói. Mà là hình dung của chị về câu nói ấy. *Người phụ nữ ngẩng lên. Và Mai nhận ra mình vừa nói với bệnh nhân đúng cái điều mình đã học được đêm qua – không phải bằng sách vở, mà bằng một mẩu âm thanh sáu giây.*

Cô không kể cho bệnh nhân nghe chuyện của mình. Cô chỉ ngồi nghe chị ấy khóc cho hết, rồi tiễn chị ra cửa. Đó là ngày đầu tiên trong nhiều năm, Mai không mở mạng xã hội buổi sáng. Và cũng là ngày đầu tiên cô thấy nghề của mình có nghĩa trở lại – không phải vì cô giỏi hơn ai, mà vì cô vừa trở thành một người bình thường cũng biết đau.

Chỉ cần rút phích cắm, cái tòa án đó tắt lịm. Đêm nay, một con số vô hồn trên hệ thống máy chủ đã vĩnh viễn ngừng tăng. Nhưng đổi lại, khi thuật toán dửng dưng bỏ đi tìm một vật tế thần mới vào sáng ngày mai, nó không thể mang theo sinh mạng của cô.

Chương 3

Bốn mươi mốt giây



Ba người, và một niềm tin

Sơn mở quán cơm ở đường Nguyễn Tri Phương năm hai mươi ba tuổi, với tám mươi triệu đồng vay của thằng bạn cùng xóm và một cái bảng hiệu vẽ tay.

Mười một năm sau, quán ấy có mười bốn cái bàn nhựa đỏ, một cái quạt trần kêu như ong, và một hàng dài sinh viên đứng chờ từ mười một giờ. Sơn biết tên gần hết khách quen. Anh biết đứa nào ăn ít cơm, đứa nào xin thêm canh, đứa nào trốn tiền ba tháng rồi trả một lần. Anh nấu bằng cái nồi gang bốn mươi lít, và anh đứng bếp từ sáu giờ sáng.

Chiều thứ Năm, một người giao hàng đến lấy hai phần cơm, dựng xe chắn ngang lối vào. Sơn ra nói to. Anh nói to vì quán đang đông, vì nồi cá đang sôi, vì anh đã nói hai lần rồi. Anh nói khoảng bốn mươi giây. Trong bốn mươi giây ấy, anh có nói một câu mà sau này anh sẽ tua lại không biết bao nhiêu lần: ông đi chỗ khác cho tôi nhờ.

Một đứa ngồi bàn số ba giơ điện thoại lên.

Clip dài bốn mươi mốt giây. Nó bị cắt ở chỗ Sơn nói to nhất, và bị ghép thêm ba giây hình một bà cụ bán vé số đi ngang qua – hình ấy lấy từ một clip khác, quay ở một con phố khác, cách đó bốn cây số. Trong clip, Sơn giống một người đang đuổi một bà cụ.

Dòng chữ đi kèm: quán cơm Nguyễn Tri Phương đuổi bà cụ bán vé số.

Sơn biết chuyện lúc mười giờ đêm, khi thằng cháu gọi điện hỏi: cậu ơi, cậu làm gì vậy. *Bốn trăm nghìn lượt xem. Anh ngồi trên cái ghế nhựa đỏ, xem hết clip ba lần, rồi xem lại lần thứ tư chậm hơn.*

Ngày thứ nhất, một chị bán hoa quả ở đầu đường ghé vào, đứng trước quầy, không gọi món. Chị hỏi: em ơi, thật hả em.

Sơn nói không thật. Chị gật đầu. Chị mua một hộp cơm.

Ngày thứ hai, Loan – đứa phục vụ làm bốn năm, đứa duy nhất biết Sơn để tiền lẻ ở ngăn nào – xin nghỉ. Nó không nói vì sao. Nó chỉ nói em xin lỗi anh.

Ngày thứ tư, Thắng đến.

Thắng là thằng bạn đã cho Sơn vay tám mươi triệu năm hai mươi ba tuổi, không giấy tờ, không lãi, không hẹn ngày trả. Hai đứa ngồi với nhau hơn hai mươi năm. Thắng

ngồi xuống, uống hết ly trà, rồi nói:

– Tao không hỏi mày có làm hay không. Tao biết mày không làm.

Sơn thở ra.

– Nhưng – Thắng nói tiếp – tao đọc comment ba ngày nay rồi. Đêm qua tao nằm, tao nghĩ: lỡ nó làm thật thì sao.

Quán im. Cái quạt trần kêu như ong.

Sơn nhìn thằng bạn hai mươi năm của mình, và hiểu ra một điều mà anh sẽ mất rất nhiều thời gian mới gọi được thành tên: Thắng không nghi ngờ anh. Thắng chỉ đơn giản là đã nghe điều đó ba ngày liền.

Hơn hai nghìn ba trăm năm trước, trong sách Chiến Quốc sách*, có một đoạn rất ngắn.*

Tăng Sâm là học trò của Khổng Tử, nổi tiếng hiếu thảo và ngay thẳng. Ông ở đất Phí, mẹ ông ở nhà dệt vải.

Hôm ấy, ở một nơi khác trong cùng đất Phí, có một người cũng tên Tăng Sâm giết người.

Người thứ nhất chạy đến, nói với mẹ ông: Tăng Sâm giết người!

Bà ngồi yên, tay vẫn đưa thoi, nói: Con tôi không giết người.

Một lát sau, người thứ hai chạy đến: Tăng Sâm giết người!

Bà vẫn ngồi dệt. Bà không nói gì.

Một lát nữa, người thứ ba chạy đến: Tăng Sâm giết người!

Bà quăng cái thoi, trèo tường, chạy.

Sách viết tiếp một câu mà người đọc hơn hai nghìn năm nay vẫn truyền cho nhau: Với đức hạnh của Tăng Sâm và lòng tin của người mẹ, mà chỉ ba người nghi ngờ, thì người mẹ hiền cũng không thể tin được nữa.

Câu chuyện này bị người đời sau đọc thành một bài học về sự nhẹ dạ. Nhưng đọc kỹ thì nó không nói về sự nhẹ dạ. Bà mẹ ấy đã đứng vững qua người thứ nhất, và đứng vững qua người thứ hai. Bà không phải người dễ tin. Bà là người đã chống đỡ đến lần thứ ba.

Điều làm bà bỏ chạy không phải là bằng chứng. Không ai đưa ra bằng chứng nào. Điều làm bà bỏ chạy là một con số.

Người xưa gọi đó là chúng khẩu thước kim *– nhiều miệng thì vàng cũng tan chảy. Họ đã biết cơ chế ấy trước khi có khoa học để gọi tên nó.*

Năm hai nghìn mười tám, ba nhà nghiên cứu ở Viện Công nghệ Massachusetts công bố một kết quả khiến cả ngành truyền thông phải ngồi lại.

Họ lấy toàn bộ những chuỗi lan truyền tin trên mạng trong mười một năm – khoảng một trăm hai mươi sáu nghìn chuỗi – rồi chia làm hai loại: tin đúng và tin sai, dựa trên việc kiểm chứng của sáu tổ chức độc lập. Sau đó họ đo tốc độ lan.

Kết quả: để tiếp cận một nghìn năm trăm người, một tin sai cần thời gian ngắn hơn một tin đúng khoảng sáu lần. Tin sai không chỉ chạy nhanh hơn. Nó còn đi xa hơn, và nó nhảy qua nhiều người trung gian hơn.

Nhưng con số ấy vẫn chưa phải chỗ đáng sợ nhất.

Chỗ đáng sợ nhất là: tin sai không lan nhanh vì nó có nhiều người đăng hơn. Nhóm nghiên cứu kiểm tra và thấy số người đăng tin sai ít hơn hẳn. Tin sai lan nhanh vì mỗi người đăng tin sai có sức lan tỏa lớn hơn*. Nó mới lạ hơn. Nó gây cảm xúc mạnh hơn – chủ yếu là giận dữ và sợ hãi. Và thuật toán, cái thứ không biết gì về sự thật, chỉ biết xếp hạng theo mức độ người ta dừng lại. Một cái máy không có ý kiến gì về clip của Sơn.*

Nó chỉ ghi nhận: cứ một nghìn người nhìn thấy thì có hai trăm người xem hết, và bốn mươi người viết gì đó. Đó là một tỉ lệ tốt. Nó phân phối tiếp.

Rồi đến phần thứ hai, phần giải thích vì sao Thắng – thằng bạn hai mươi năm – lại nằm nghĩ câu ấy.

Các nhà tâm lý gọi nó là hiệu ứng sự thật ảo. *Trong một thí nghiệm, người ta cho người tham gia đọc những câu khẳng định sai rõ ràng. Một nửa đọc một lần, một nửa đọc ba lần. Sau đó người ta hỏi: câu này đúng không.*

Nhóm đọc ba lần tin nó đúng nhiều hơn hẳn nhóm đọc một lần.

Điều đáng nói là: người ta đã làm thí nghiệm đó với những câu mà người tham gia biết chắc là sai, *và họ còn nói trước với người tham gia rằng những câu này là sai. Lặp lại vẫn thắng. Cái đầu không phải một cái cân. Nó là một cái bảng ghi tần suất: cái gì đến nhiều thì nó tự động đánh dấu là quen, và cái gì quen thì nó tự động đánh dấu là đúng. Hai việc đó xảy ra trước khi ta kịp can thiệp.*

Và phần thứ ba: đính chính.

Các nhà nghiên cứu gọi hiện tượng thông tin sai vẫn tiếp tục ảnh hưởng lên suy luận của người ta sau khi *người ta đã được sửa là* hiệu ứng ảnh hưởng dai dẳng. *Một đính chính hoàn hảo, có bằng chứng, có camera, vẫn có thể chỉ nhận được một cái gật đầu* à, hiểu rồi *– rồi bị bỏ đấy, trong lúc người ta vẫn lấy thông tin sai ấy làm nền để nghĩ tiếp. Trong đầu nó đã có sẵn một chỗ.*

Sơn không biết những cái tên ấy. Nhưng anh đã sống trong chúng. Ba ngày. Mười bốn cái bàn. Chín năm.

Ngày thứ sáu, Sơn tìm ra thằng sinh viên đăng clip.

Không khó. Nó ngồi bàn số ba, và nó để lại số điện thoại đặt cơm hai tháng trước. Sơn không gọi. Anh nhờ người quen xin được đoạn camera của một tiệm vàng đối diện, góc quay bao trọn cả con phố, đủ để thấy bà cụ bán vé số đi ngang vào lúc ba giờ hai mươi hai phút – tức là mười tám phút sau khi clip kết thúc.

Anh gửi đoạn camera ấy cho thằng sinh viên. Không kèm lời nào.

Ba tiếng sau, clip bị xóa. Thằng sinh viên đăng một bài xin lỗi, dài bảy dòng, có chữ em đã sai.

Bài xin lỗi được hai nghìn lượt xem.

Sơn đọc hai nghìn lượt xem ấy trong bếp, lúc một giờ sáng, khi quán đã dọn. Anh không thấy nhẹ người. Anh chỉ thấy một con số, và anh so nó với con số cũ: bốn trăm nghìn, và hai nghìn.

Rồi anh làm một việc mà sau này anh không giải thích được cho ai.

Anh mở lại camera của quán, quay đêm thứ Năm – cái đêm trước khi clip được đăng, cái đêm không có ai quay, cái đêm mà chỉ có anh và cái nồi gang. Anh tua. Anh xem lại đoạn anh đứng một mình, tắt bếp, lau bàn. Anh xem nó ba lần.

Anh không tua lại để tìm bằng chứng cho người khác. Anh tua lại để tự nhìn mình.

Vì trong ba ngày ấy, có một khoảnh khắc Sơn sẽ không kể với ai: đêm thứ tư, sau khi Thắng về, Sơn nằm và tự hỏi lỡ mình có làm thật thì sao. *Anh biết mình không làm. Anh có camera. Nhưng câu hỏi ấy đã ở trong đầu anh, và nó không chịu đi.*

Ba người đủ để người mẹ hiền trèo tường. Ba ngày đủ để người bạn hai mươi năm nằm nghĩ một câu. Và bốn mươi mốt giây – bốn mươi mốt giây của một người khác – đủ để Sơn bắt đầu tự xét mình bằng con mắt của những người chưa từng ăn cơm của anh.

Anh mở lại clip cũ. Nghe lại câu mình nói. Ông đi chỗ khác cho tôi nhờ.

Câu ấy đúng. Anh biết nó đúng. Nhưng lần này anh nghe nó bằng tai của bốn trăm nghìn người. Và nó nghe như một câu khác.

Người xưa để lại một câu cho đúng cái khoảnh khắc này:

Với đức hạnh của Tăng Sâm và lòng tin của người mẹ, mà chỉ ba người nghi ngờ, thì người mẹ hiền cũng không thể tin được nữa.

Sơn đọc câu ấy trên mạng, lúc hai giờ sáng, và anh hiểu ra vế thứ hai mà sách không viết: sau khi bà mẹ trèo tường, bà có quay lại không. Sách không nói. Sách chỉ nói bà chạy.

Sơn không kiện ai.

Một người quen làm luật sư bảo anh có thể kiện vì thiệt hại kinh tế, có thể đòi bồi thường, có thể làm cho thằng sinh viên kia một bài học. Sơn nghe hết, rồi nói: thôi.

Không phải vì anh bao dung. Anh nói thật với luật sư: kiện thì phải mở lại chuyện ấy, và em không muốn nhìn mặt nó thêm lần nào nữa.

Anh mở quán lại. Tháng đầu vắng. Tháng thứ hai, mấy đứa sinh viên cũ quay lại, ngồi kín hai bàn. Tháng thứ tư, quán đông như trước.

Mọi thứ trở về chỗ cũ. Chỉ có Sơn là không.

Anh bỏ cái thói nói to. Không phải vì sợ. Anh chỉ nhận ra mình không còn tin vào cái khoảng cách giữa một câu nói và một clip nữa – cái khoảng cách ấy mỏng đến mức anh không dám đặt chân lên.

Mỗi sáng, trước khi mở cửa, anh làm một việc mà Loan – đứa đã xin nghỉ rồi quay lại sau ba tháng – gọi là dở hơi. *Anh lấy cuốn sổ ghi nợ cũ ra, đọc vài dòng. Sổ ghi tên mấy đứa sinh viên trốn tiền cơm năm hai nghìn mười chín, mấy đứa đã trả, mấy đứa chưa. Anh đọc để nhớ mình là ai trong mắt những người đã ăn cơm của anh mười một năm.*

Anh không đọc comment nữa. Anh cũng không đọc bài xin lỗi nữa. Anh để nó ở đó, hai nghìn lượt xem, nằm im trên mạng, cạnh bốn trăm nghìn lượt xem kia – hai con số, và không con số nào đúng.

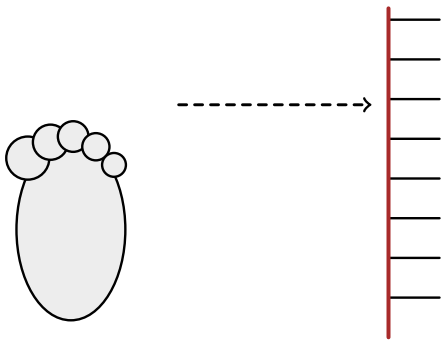
Quán vẫn đông. Sơn vẫn nấu.

Nhưng có một điều đổi khác, và nó rất nhỏ: mỗi lần có ai khen quán ngon, anh lại thấy một cái gì đó nghẹn ở cổ.

Không phải vì anh khiêm tốn. Mà vì anh biết cái quán này – chín năm, mười bốn cái bàn, cái nồi gang bốn mươi lít – có thể biến mất trong bốn mươi mốt giây.

Chương 4

Bàn chân không có trong máy



Thà tin số đo, không tin chân mình

Đông làm cán bộ tín dụng ở một chi nhánh ngân hàng huyện, ven biển, mười bảy năm.

Hồi anh mới vào nghề, việc cho vay dựa vào ba thứ: sổ sách, mắt nhìn, và trí nhớ. Anh đi bộ ra bến, đếm thuyền. Anh hỏi thăm ba nhà quanh đó. Anh biết nhà nào có con đi biển, nhà nào vừa sửa lưới, nhà nào năm ngoái mất mùa cá. Anh ký những khoản vay mà trên giấy tờ không đủ điều kiện, vì anh biết người ta. Tỉ lệ nợ xấu của anh thấp nhất chi nhánh bảy năm liền.

Năm anh ba mươi tám tuổi, trụ sở chính đưa xuống một hệ thống mới.

Ngồi vào máy, nhập dữ liệu: thu nhập, tài sản, lịch sử giao dịch, tuổi, nghề. Máy trả về một con số từ không đến một trăm. Từ năm mươi trở lên thì trình lên, dưới năm mươi thì trả hồ sơ.

Hệ thống không phải một kẻ ác. Nó chỉ là một cái thước. Nhưng nó là cái thước duy nhất được phép dùng.

Ngày mười bảy tháng Ba, bà Hạnh đến.

Bà bốn mươi sáu tuổi, ở một xóm chài cách chi nhánh bảy cây số. Chồng mất trong một chuyến biển bốn năm trước. Bà xin vay một trăm năm mươi triệu để đóng một chiếc thuyền nhỏ và mua lưới, đi với đứa con trai hai mươi tuổi.

Đông ngồi đối diện, nghe bà nói hai mươi phút. Bà nói về hướng gió, về mùa cá, về chỗ bãi mà bà biết rõ hơn bất cứ ai trong huyện. Tay bà chai đến mức nắm vào nhau nghe sột soạt.

Đông nhập dữ liệu vào máy.

Bà Hạnh không có sổ đỏ. Nhà bà nằm trên đất của dòng họ, không có giấy. Thu nhập của bà không có bảng lương, không có sao kê, chỉ có một cuốn sổ ghi cá bán từng buổi, chữ ngoằn ngoèo. Bốn năm nay bà không vay ngân hàng lần nào, nên bà không có lịch sử tín dụng. Trong hệ thống, bà là một người không tồn tại.

Máy trả về: bốn mươi bảy.

Đông nhìn con số ấy một lúc lâu.

Anh biết bà Hạnh trả được. Anh biết vì mười bảy năm nay anh làm cái nghề đoán việc đó, và anh đoán đúng nhiều hơn sai. Anh có thể viết một bản giải trình, xin ngoại lệ, như anh vẫn làm hồi chưa có hệ thống.

Anh mở ô ghi chú trên màn hình. Ô ấy bắt buộc phải điền lý do từ chối. Anh gõ: hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.

Rồi anh bấm gửi.

Hàn Phi Tử, hơn hai nghìn hai trăm năm trước, kể một chuyện cười rất ngắn về một người nước Trịnh.

Người ấy muốn mua giày. Trước khi ra chợ, anh ta lấy dây đo bàn chân mình, đo cẩn thận, rồi đặt sợi dây lên bàn. Ra đến chợ, anh ta mới sờ túi và nhớ ra: sợi dây để quên ở nhà.

Anh ta quay về nhà lấy dây.

Lúc trở lại chợ, chợ đã tan. Không còn hàng giày nào.

Người ta hỏi anh ta: Sao lúc ấy không thử luôn vào chân?

Anh ta trả lời một câu mà Hàn Phi Tử ghi lại, và hơn hai nghìn năm nay người đời vẫn cười:

Thà tin số đo, chứ không tin chân mình.

Người đời sau đọc chuyện này và cười cái anh ngốc ấy. Nhưng Hàn Phi Tử không kể chuyện này để chế giễu một người ngốc. Ông đang nói về một cái bệnh của con người có tổ chức: khi đã dựng ra một hệ thống đo lường, người ta bắt đầu tin hệ thống ấy hơn tin vào chính cái thứ mà nó được dựng ra để đo.

Anh chàng nước Trịnh kia không ngốc. Anh ta chỉ là người đầu tiên trong lịch sử làm một việc mà hôm nay mọi tổ chức đều làm mỗi ngày: đem con số đặt lên trên thực tại, rồi gọi đó là kỷ luật.

Cái máy của Đông không đo bà Hạnh. Nó đo dấu chân của bà Hạnh để lại trong hệ thống.

Đó là một sự khác biệt nhỏ trong câu chữ, và là một sự khác biệt khổng lồ trong đời người. Một người có thể có bàn chân rất vững, nhưng nếu chưa từng bước lên con đường nào có người ghi lại, thì trong mắt cái máy, người ấy không có chân.

Các nhà nghiên cứu gọi nhóm người này là người vô hình với hệ thống tín dụng. *Ở nhiều nước, con số ấy lên tới hàng chục triệu người trưởng thành – những người sống, làm việc, trả nợ đúng hạn cho hàng xóm và người thân suốt đời, nhưng chưa từng xuất hiện một lần trong bất kỳ cơ sở dữ liệu nào.*

Và có một điều trớ trêu mà các nhà nghiên cứu đã chỉ ra, mang tên vòng lặp phản hồi.

Muốn biết một người có trả được nợ hay không, cách duy nhất là cho người ấy vay. Nếu hệ thống từ chối, ta không bao giờ biết được câu trả lời. Và vì không biết, hệ thống không bao giờ học được rằng nó đã sai. Mỗi lần nó từ chối một người, nó không nhận được thông tin gì cả. Nó chỉ nhận được sự xác nhận rằng người ấy không có trong dữ liệu – đúng như nó đã nói.

Năm hai nghìn mười bảy, bốn nhà nghiên cứu công bố một công trình về cách các quan tòa ở Hoa Kỳ quyết định cho tại ngoại hay tạm giam. Họ chỉ ra một điều mà ít ai để ý: khi một quan tòa quyết định giam một bị can, thì vụ án của người ấy không còn cho ta biết điều gì nữa – ta không bao giờ biết người ấy có trốn hay không, vì người ấy

đã bị giam. Dữ liệu để dạy máy học không phải là một bản ghi khách quan về thế giới. Nó là một bản ghi về những quyết định mà con người đã đưa ra.

Nói cách khác: cái máy không học về bàn chân. Nó học về những bàn chân mà ai đó đã từng cho đi giày.

Cùng năm ấy, một tờ báo ở Hoa Kỳ công bố một phân tích về phần mềm chấm điểm nguy cơ tái phạm dùng trong hệ thống tư pháp. Phần mềm ấy cho hai người có cùng số lần phạm tội trong quá khứ những điểm rủi ro khác nhau, và tỉ lệ sai theo hướng bất lợi cho nhóm này cao hơn nhóm kia. Cuộc tranh cãi sau đó rất phức tạp, và không ai chứng minh được phần mềm ấy được viết ra với ý định xấu. Nó không cần ý định xấu. Nó chỉ cần học từ quá khứ, và quá khứ thì không công bằng.

Đông không đọc những nghiên cứu ấy. Nhưng anh làm cái nghề ấy mười bảy năm, nên anh hiểu một điều mà không cần sách: cái con số bốn mươi bảy kia không nói bà Hạnh không trả được nợ. Nó chỉ nói rằng chưa có ai từng cho bà Hạnh cơ hội để chứng minh điều ngược lại.

Hai năm sau, bà Hạnh quay lại.

Đông nhận ra bà ngay, dù bà gầy hơn và tóc đã bạc nhiều. Bà đến vẫn để vay, lần này một trăm tám mươi triệu. Bà mang theo giấy tờ đầy đủ hơn lần trước: một cuốn sổ ghi các khoản trả, có chữ ký của người cho vay.

Đông nhập dữ liệu vào máy.

Máy trả về: bảy mươi mốt.

Đông ngồi im một lúc, rồi anh mở lại lịch sử hồ sơ. Bà Hạnh, trong hai năm ấy, đã vay một trăm năm mươi triệu từ một người cho vay tư nhân, lãi hai phẩy năm phần trăm một tháng. Bà trả đều mười tám tháng, không trễ một lần. Trong hệ thống bây giờ, bà là một người có lịch sử tín dụng tốt.

Đông bấm máy tính: hai phẩy năm phần trăm một tháng, mười tám tháng, trên một trăm năm mươi triệu.

Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn.

Đó là số tiền bà Hạnh phải trả để mua một con số.

Cô ấy không mua thuyền. Cô ấy mua cái thước. Cô ấy phải trả tiền cho người ta để chứng minh rằng cái chân mình vẫn còn đó, cái chân mà hai năm trước cái máy không nhìn thấy.

Và Đông nhận ra một điều nữa, lạnh hơn: cái hệ thống ấy vừa được chứng minh là đúng. Nó từ chối bà Hạnh vì bà không có lịch sử. Bây giờ bà có lịch sử, và nó chấp nhận. Không ai ở trụ sở chính sẽ nhìn vào hồ sơ này và thấy một lỗi. Họ sẽ thấy một câu chuyện thành công: hệ thống đã buộc người vay phải chứng minh năng lực, và người vay đã chứng minh.

Hàn Phi Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu, và hơn hai nghìn năm nay người đời vẫn cười nó:

Ninh tín độ, vô tự tín dã – *thà tin số đo, chứ không tin chân mình.*

Đông không cười. Anh nhận ra mình đã đứng ở cả hai phía của câu ấy. Mười bảy năm, anh là cái thước của người khác. Và bây giờ, khi hệ thống được nâng cấp và anh được chuyển sang bộ phận nhập liệu – vì phần lớn công việc của anh đã được tự động hóa – anh hiểu ra rằng cái thước cũng có số đo của nó, và số đo của anh là bốn mươi mốt tuổi, mười bảy năm kinh nghiệm, một chức danh mới, một mức lương giữ nguyên.

Đông không nghỉ việc.

Anh bốn mươi mốt tuổi, có một đứa con đang học lớp mười một, có một khoản vay mua nhà còn mười ba năm. Anh làm công việc mới, ngồi nhập dữ liệu, ngày tám tiếng.

Nhưng anh làm thêm một việc mà không ai yêu cầu.

Ô ghi chú trên màn hình, cái ô bắt buộc phải điền lý do từ chối, chỉ cần một dòng. Đông bắt đầu viết dài hơn. Anh viết những gì anh thấy mà máy không thấy: người này có thuyền, có bạn đi biển chung, năm ngoái trả nợ cho người ngoài đúng hạn*;* nhà này có con đang học nghề, thu nhập thất thường nhưng không bỏ*;* hộ này mất mùa hai năm, cần giãn kỳ hạn chứ không phải từ chối.

Không ai đọc. Anh biết không ai đọc. Cái ô ấy chỉ để lưu hành chính, và nó có giới hạn ký tự, nên anh phải viết ngắn.

Nhưng mỗi tháng, có khoảng sáu mươi hồ sơ đi qua tay anh. Anh viết sáu mươi đoạn ngắn.

Đông không cứu được cái chân nào. Anh biết thế. Cái máy vẫn quyết định, và con số vẫn là con số.

Nhưng anh nghĩ: nếu một ngày nào đó có ai mở cái ô ghi chú ấy ra, họ sẽ thấy rằng trong hai năm, có hơn một nghìn bàn chân đi qua căn phòng này, và mỗi bàn chân đều đã được một người nhìn thấy.

Anh không viết để thay đổi kết quả. Anh viết để lại một dấu vết rằng chúng đã từng ở đó.

Phần II

Cuộc khủng hoảng năng suất và nỗi ám ảnh hữu dụng

DẪN NHẬP

Con người hiện đại mắc một căn bệnh mà tổ tiên họ không có: bệnh phải có ích.

Người xưa cũng làm việc. Họ cày, họ dệt, họ xây. Nhưng trong đầu họ không có một cái đồng hồ chạy suốt ngày để đo xem mỗi giờ của mình đã sinh ra bao nhiêu giá trị. Họ làm việc rồi nghỉ. Mùa màng có lúc, đời người có nhịp. Không ai hỏi một người nông dân ngồi nhìn trời chiều rằng: "anh đang tối ưu hóa cái gì?"

Ngày nay, câu hỏi ấy treo trên đầu mọi người, mọi lúc. Mỗi giờ không sinh lời là một giờ bị nghi ngờ. Mỗi khoảng lặng là một sự lười biếng chưa bị gọi tên. Người ta không còn hỏi "tôi sống thế nào", mà hỏi "tôi đang tạo ra bao nhiêu". Và khi giá trị của một con người bị quy về đầu ra, thì cái gì không đo được sẽ bị coi như không tồn tại.

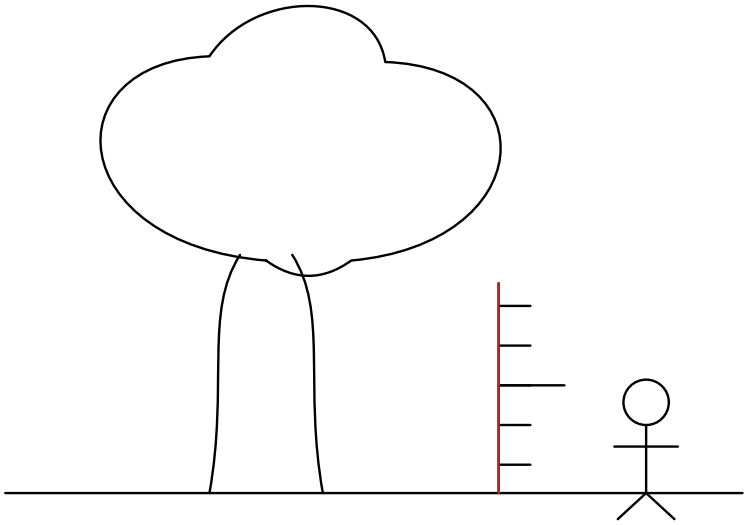
Năm chương sau kể về năm người mắc căn bệnh ấy ở năm dạng khác nhau. Người thứ nhất bị chính hệ thống chấm điểm của mình tống ra ngoài – không phải vì cô kém, mà vì cô đã quá giỏi trong việc tự chuẩn hóa mình thành một thứ có thể thay thế; ô màu đỏ trên bảng KPI ghi -14%, còn đứa con bảy tuổi của cô thì đã ngủ ở nhà bà ngoại từ tám giờ. Người thứ hai không bị ai đuổi, nhưng tự nguyện quay trong một cái cối xay không có đáy, ngày này qua ngày khác, cho đến khi đôi bàn tay không còn duỗi thẳng nổi – và câu thần chú của anh ta là một sprint nữa thôi. *Người thứ ba hai mươi chín tuổi, sống trong hai mươi hai mét vuông, và tin rằng mình không có gì ngoài chính mình; nên cô nhận dự án thứ sáu trong một tháng, rồi tin rằng cánh mỏng của mình đủ sức chặn một bánh xe. Người thứ tư bỏ ra sáu nghìn giờ và chín lần thi để đạt một con số, và đạt được nó đúng vào tuần bà nội mất. Người thứ năm bỏ thành phố về quê trồng rau – không phải vì giác ngộ, mà vì cái đói.*

Cả năm đều không lười. Cả năm đều không hư. Họ chỉ tin – như gần như tất cả chúng ta – rằng một con người có giá trị bằng những gì nó làm ra. Và niềm tin ấy, khi bị đẩy đến cùng, sẽ tự ăn thịt chính người mang nó.

Trang Tử có một câu hỏi đi trước thời đại hai ngàn năm: người ta biết cái ích dụng của cái có ích, nhưng có ai biết cái ích dụng của cái vô dụng? Phần này không trả lời câu hỏi ấy bằng một công thức. Nó chỉ kể cho bạn nghe năm người đã tìm ra câu trả lời theo năm cách rất khác nhau – và một trong năm cách ấy, họ phải trả bằng mười hai năm.

Chương 5

Đạo vô dụng và cuộc đình công của phần người



Cây cổ thụ bên đường

Lan đóng cửa phòng họp lúc mười một giờ đêm. Hành lang tầng mười bốn đã tắt đèn từ lâu, chỉ còn dãy đèn thoát hiểm xanh lét chạy dọc mép sàn như một đường gân lạnh. Cô không về ngay. Cô ngồi lại bàn, mở file Q3_Performance_Review_Final_v7 *— cái tên cô đã sửa đi sửa lại bảy lần trong ba ngày, dù nội dung bên trong chẳng đổi một dòng nào. Màn hình hiển thị mười hai ô KPI, mỗi ô một màu. Bảy ô xanh lá. Bốn ô vàng. Một ô đỏ — ô mang tên cô.*

Mười hai tiếng mỗi ngày. Bảy ngày mỗi tuần. Cô cộng dồn rồi chia trung bình: tám mươi bốn tiếng. Một tuần làm việc của cô dài hơn cả một tuần sinh hoạt của phần còn lại nhân loại. Nhưng ô màu đỏ kia không quan tâm đến phép cộng ấy. Nó chỉ ghi một con số: -14%*.*

Điện thoại cô rung. Tin nhắn từ cô giáo mầm non của con: Mẹ đón muộn nhớ báo cô nhé. *Cô nhìn đồng hồ — mười một giờ mười. Thằng bé bảy tuổi đã ngủ ở nhà bà ngoại từ tám giờ, như mọi tối thứ Hai, thứ Ba, thứ Năm. Bốn năm nay cô chỉ ăn tối cùng con hai ngày cuối tuần, và ngay cả hai ngày ấy, laptop vẫn mở bên bát cơm. Cô không nhắn lại. Cô để tin nhắn nằm đó, cạnh mười hai ô KPI, như một lời nhắc mà cô đã học cách không nghe.*

Mười hai năm trước, Lan vào công ty với một niềm tin giản dị: làm tốt thì sẽ được ghi nhận. Cô từng là gương mặt trẻ xuất sắc của năm. Cô có một ngăn kéo đựng đầy bằng khen, và một tấm ảnh chụp cùng ban giám đốc mà cô vẫn để trong khung. Cô tin

rằng cái ngăn kéo ấy là bằng chứng cho sự an toàn của mình. Cô không biết rằng, trong một hệ thống đo bằng đầu ra, bằng khen không phải áo giáp. Nó chỉ là dấu vết cho thấy cô đã từng rất hữu dụng – và hữu dụng, trong thời đại này, là một trạng thái tạm thời.

Cô sống với con trong một căn hộ hai phòng ở tầng mười hai. Buổi sáng, cô là người đầu tiên xuống hầm xe. Buổi tối, cô là người cuối cùng tắt đèn văn phòng. Giữa hai cái đầu-cuối ấy, cô có đúng một khoảng thời gian cho mình: mười lăm phút ngồi trong xe, sau khi đỗ, trước khi lên nhà, không mở cửa, không mở nhạc. Mười lăm phút ấy cô không nghĩ gì cả. Cô chỉ ngồi. Đó là tài sản riêng duy nhất cô còn giữ được sau mười hai năm.

Chiều hôm trước, trưởng phòng gửi một đường link. Em xem qua cái này, bên công cụ nội bộ thử nghiệm xong rồi. *Đường link dẫn đến một bản tài liệu kỹ thuật, cùng chủ đề cô vừa mất hai tuần để viết. Cô đọc lướt: cấu trúc rõ, thuật ngữ chuẩn, định dạng sạch. Ở góc phải có dòng chú thích nhỏ:* Được sinh ra bởi mô hình AI nội bộ — thời gian tạo: 4 phút 12 giây.

Cô nhớ mình viết bản cũ mất mười bốn ngày.

Mười bốn ngày ấy gồm ba đêm thức trắng, hai lần cãi nhau qua điện thoại với chồng cũ vì đón con muộn, và một buổi chiều cô ngồi trong buồng vệ sinh công ty, khóc mười phút, rửa mặt, rồi quay ra họp tiếp. Bốn phút mười hai giây. Con số ấy không to hơn, cũng chẳng nhỏ hơn mười bốn ngày của cô. Nó chỉ nằm ở góc phải màn hình, và tự nó đặt một câu hỏi cô chưa dám trả lời: mười bốn ngày kia, rốt cuộc là gì?

Lan không đóng file ngay. Cô thu nhỏ cửa sổ, để nó nằm gọn ở thanh taskbar như một vết bầm không dám động vào. Rồi cô mở lại bảng điểm, kéo thanh cuộn lên xuống, chậm rãi, như thể đang tìm xem phần nào của mình vừa trượt khỏi ô xanh. Dòng chú thích 4 phút 12 giây vẫn nhấp nháy. Cô để nó nhấp nháy. Ngón tay phải — cái ngón từng gõ mười bốn ngày để viết bản cũ — giờ chỉ còn đặt im trên chuột, không kéo, không bấm, không đóng.

Sáng hôm sau, Lan gõ cửa phòng trưởng phòng.

– Anh cho em hỏi một câu thật. Cái tài liệu bên công cụ nội bộ… nó có nghĩa là vị trí của em sẽ bị cắt?

Trưởng phòng ngẩng lên, cười trấn an – cái cười anh vẫn dùng với mọi người.

– Em nghĩ xa quá. Công cụ nó chỉ hỗ trợ. Người vẫn là trung tâm.

– Anh trả lời thẳng em đi.

Anh ta im một lúc, rồi hạ giọng:

– Chị Lan, chị làm ở đây mười hai năm, em nói thật: hệ thống nó ghi vị trí của chị tự động hóa được tám mươi phần trăm. Em không quyết cái đó. Nhưng em phải chuẩn bị.

Lan gật đầu, đứng dậy, cảm ơn, đóng cửa. Cô đi về bàn, ngồi xuống, và nhìn cái ngăn kéo đựng bằng khen. Cô không mở nó. Cô chỉ nhìn, như nhìn một di vật của chính mình.

Hai ngàn năm trước, trên đường đi qua nước Sở, Trang Tử gặp một cây cổ thụ mọc bên vệ đường.

Thân nó to đến mức bảy tám người ôm không xuể. Tán lá xòe rộng che rợp cả một góc sân chợ, đến nỗi trưa nắng, người đi đường mặc nhiên rẽ vào ngồi dưới gốc mà không cần ai mời. Vỏ cây sần sùi, có chỗ nứt ra thành những khe dài như sẹo cũ.

Người ta kể rằng cây ấy đã đứng đó lâu hơn cả cái chợ bên cạnh. Không ai nhớ nó mọc lên từ bao giờ. Người già nhất làng cũng chỉ biết hồi nhỏ mình đã trèo lên nó. Mỗi mùa, nó rụng lá xuống con đường, và mỗi mùa, người ta quét lá ấy đi mà không ai nghĩ đến việc chặt cây. Nó vô dụng đến mức người ta không còn nhìn thấy nó nữa – và chính

cái vô hình ấy là lá chắn của nó. Một cây lớn như thế, đáng lẽ phải là món quà của thợ mộc. Nhưng gã thợ mộc đi ngang qua, ngước lên nhìn một thoáng, rồi bước tiếp. Không rút thước. Không gõ thử vào thân.

Người học trò đi cạnh hỏi vì sao. Người thợ mộc đáp gọn: gỗ ấy xốp, vặn xoắn, không uốn nổi một cái đòn tay thẳng, cũng không đục nổi một chiếc quan tài kín. Làm cột thì mục, làm xà thì oằn. Cây thừa to, thừa sống, nhưng thiếu đúng cái tốt *mà người ta cần.*

Trang Tử đứng dưới bóng cây, nhìn đám trẻ con trèo lên hái quả, người lớn ngả lưng nghỉ mát, người bán nước dựng gánh dưới gốc. Ông bảo: chính vì cây này vô dụng*, nên nó chẳng bao giờ rụng cành vì lưỡi rìu. Không ai muốn chặt nó, nên nó sống. Nó sống đến mức thân nó thành một mái nhà cho bao nhiêu người qua đường. Cái chết của những khúc gỗ* tốt *bắt đầu từ chính sự hữu dụng của chúng — vì hữu dụng, nên bị chọn; vì bị chọn, nên bị chặt.*

Lan không cô đơn. Cái lưới ô vuông xanh vàng đỏ cô nhìn đêm qua là bản sao thu nhỏ của một phương trình lớn hơn nhiều: nền kinh tế hiện đại quy đổi con người về một đơn vị duy nhất — đầu ra.

Mọi thứ đều được đo. Năng suất đo bằng KPI. Năng lực đo bằng điểm số. Sự tồn tại đo bằng lượt xem. Một con người, từ lúc đi làm đến lúc nghỉ hưu, bị kéo qua một dây chuyền quy đổi liên tục, nơi mỗi giờ sống được gán một nhãn: sinh lời, hoặc không. Phương trình này không có ác ý. Nó chỉ là cách hệ thống vận hành — ghi nhận số liệu, rẽ nhánh theo trọng số, tối ưu hóa cho bên trả tiền.

Ngày xưa, người thợ mộc cần nhiều ngày để hiểu một khúc gỗ. Ông sờ nó, ngửi nó, nghe tiếng búa gõ vào thân để đoán thớ. Một cái cây xấu có thể nằm trong xưởng ông cả tháng trước khi ông quyết định nó dùng được vào việc gì. Ngày nay, mười bốn ngày ấy bị nén lại thành bốn phút mười hai giây, và khúc gỗ bị đo bằng một dãy số: số giờ, số đầu ra, số phần trăm có thể thay thế. Không ai sờ vào nó nữa. Không ai cần sờ.

Nhưng khi giá trị gắn liền với đầu ra, con người rơi vào một vòng xoắn không lối thoát. Càng cố chứng minh mình là gỗ tốt*, họ càng ép mình vào lưỡi cưa nhanh hơn.*

Cái vòng xoắn ấy có một cái tên trong kinh tế học lao động: cuộc đua đỏ*. Không ai muốn chạy nhanh hơn, nhưng không ai dám chậm lại, vì chậm lại là bị vượt. Kết quả là tất cả cùng chạy nhanh hơn, và không ai đến đích sớm hơn. Năng suất tăng, nhưng thời gian sống giảm. Và trong cái đua ấy, thứ bị bỏ lại sau cùng luôn là những giờ không đo được: bữa cơm cùng con, một buổi chiều ngồi không, một câu hỏi hỏi người mình thương mà không cần lý do. Năm 2023, một báo cáo của Goldman Sachs ước tính trí tuệ nhân tạo có thể tác động đến khoảng 300 triệu vị trí việc làm trên toàn cầu. Cùng hướng đó, McKinsey dự báo trước năm 2030, khoảng một phần tư tổng số giờ làm việc của con người sẽ do máy móc đảm nhận. Những con số này không ném ra để dọa. Chúng chỉ ghi nhận một sự thật cơ học: lưỡi cưa đang được thay bằng một lưỡi khác sắc hơn, và khúc gỗ chậm nhất sẽ là khúc bị đẩy sang bên trước tiên.*

Với Lan, sự thật ấy không nằm trên báo. Nó nằm trong ô đỏ -14% *của chính bản điểm cô, cạnh dòng chú thích:* Vị trí này có thể tự động hóa 80%. *Mười hai năm cô gồng mình thành* gỗ tốt *— và giờ cô thấy rõ, chính cái* tốt *ấy là tờ phiếu đưa mình vào lò.*

Nhưng có một điều còn tệ hơn cả việc bị thay thế: cái cảm giác mình đã tự tay chuẩn bị cho cuộc thay thế ấy. Mười hai năm, Lan làm mọi thứ để trở thành không thể thay thế – và càng không thể thay thế, cô càng trở thành một quy trình rõ ràng, có thể ghi lại, có thể mô phỏng, có thể đóng gói. Cô biến mình thành một cuốn sổ tay. Và một cuốn sổ tay thì máy đọc được. Cái bẫy của nền kinh tế đầu ra là ở đó: nó thưởng cho người ta

khi họ tự chuẩn hóa mình, rồi trừng phạt họ vì đã chuẩn hóa được.

Burnout — cái từ người ta hay đổ cho áp lực cá nhân — thực ra không phải lỗi của riêng ai. Nó là hệ quả tất yếu khi một sinh mệnh đồng nhất mình với năng suất. Cỗ máy không ghét cô. Nó chỉ tính toán. Và kết quả tính toán trả về: cô có thể thay thế.

Lan đóng bản điểm lại. Cô rút tay khỏi chuột, để nó nằm yên trên bàn phím còn ấm. Rồi cô quay sang cửa sổ kính. Ngoài kia, thành phố đã tắt gần hết đèn; chỉ còn rải rác vài ô cửa sổ sáng — ô xanh, ô vàng, ô trắng — như một bảng KPI khổng lồ của cả một thành phố đang thức để chứng minh nó đang thức. Cô nhìn những ô sáng ấy, và lần đầu, cô không còn muốn là một trong số chúng.

Trang Tử có một câu. Chỉ một câu, không thêm giải thích:

Người biết ích dụng của cái có ích, chưa biết ích dụng của cái vô dụng.

Lan đọc câu ấy, rồi nhắm mắt lại. Vai cô chùng xuống một nhịp cô không biết mình đang nín thở. Cô không dịch câu ấy thành lời. Chỉ thấy phần người không nằm trong bất kỳ ô KPI nào — những giờ phút không sinh lời, không tạo ra đầu ra — bỗng hiện ra, và chính nhờ chúng mà một con người còn là con người, chứ không phải khúc gỗ được đánh bóng chờ lưỡi cưa.

Cái Tôi của cô, bấy lâu cứ khăng khăng phải có ích *để được công nhận, bỗng im đi. Nó không biến mất. Nó chỉ ngồi xuống, như một người lâu nay đứng gồng trên sân khấu, bỗng nhận ra khán phòng đã tắt đèn từ lúc nào.*

Chiều thứ Bảy tuần sau, Lan làm một việc mà mười hai năm qua cô chưa từng làm: rời bỏ vòng quay báo cáo trước giờ quy định.

Không tuyên bố. Không thư từ chức. Cô chỉ đóng laptop lại lúc bốn giờ, sớm hơn thường lệ ba tiếng, rồi mang con ra ban công chơi. Thằng bé bảy tuổi đang xếp lại những viên gạch đồ chơi thành một hàng lộn xộn, không để làm gì cả — nó không xây nhà, không lắp xe, chỉ xếp rồi đổ, xếp rồi đổ, và cười mỗi lần đổ. Lan ngồi bên, nhìn. Trong đầu cô, một so sánh chớp qua mà không cần lời: đứa trẻ kia xếp gạch chẳng để làm gì, chẳng cần ai khen, và chính sự vô dụng *ấy là tự do, thứ cô đã đánh mất từ lúc bắt đầu đếm những ô xanh vàng đỏ.*

Thằng bé đẩy cho cô một viên gạch đỏ. Cô cầm nó, ngập ngừng, rồi đặt lên trên cùng hàng gạch của con — một viên đỏ, lệch, chẳng khớp với hàng nào. Thằng bé nhìn, rồi cười: Mẹ xếp sai rồi. *Cô cũng cười. Đúng, sai. Cô đã dành mười hai năm để không bao giờ xếp sai một viên gạch nào trong bảng điểm. Và viên gạch lệch này — viên gạch chẳng để làm gì cả — lại là thứ đầu tiên cô đặt xuống chỉ vì muốn đặt.*

Lần đầu sau nhiều năm, cô không rút điện thoại ra kiểm tra email. Màn hình cứ tối, sáng, tối, sáng theo nhịp thông báo dồn về, nhưng ngón tay cô đã ngừng với tới nó từ bao giờ.

Thằng bé xếp xong hàng gạch, rồi quay sang hỏi cô một câu:

– Mẹ ơi, mẹ làm nghề gì vậy?

Lan khựng lại. Mười hai năm nay, chưa ai hỏi cô câu ấy một cách hồn nhiên đến thế. Trong đầu cô tự động bật lên câu trả lời quen thuộc: mẹ làm quản lý sản phẩm. *Nhưng câu ấy nghe trống rỗng, như một cái nhãn dán. Cô nhìn con, rồi nói một câu khác – câu cô chưa từng nói với ai:*

– Mẹ làm mấy việc giấy tờ. Mẹ xếp chữ cho người ta.

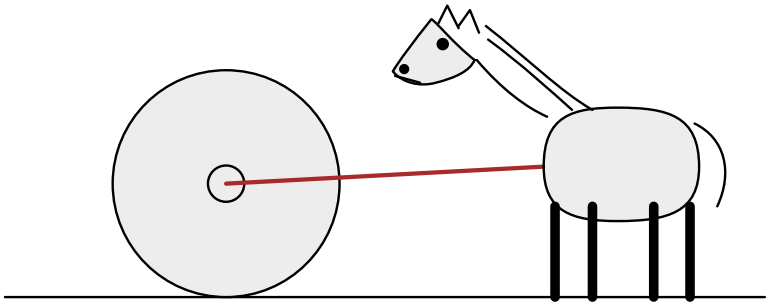
Thằng bé gật gù, không hiểu lắm, rồi quay lại chơi. Lan ngồi đó, và nhận ra mình vừa mô tả nghề của mình mà không nhắc đến một KPI nào. Cô không nói "mẹ tối ưu hóa",

không nói "mẹ tăng trưởng". Cô chỉ nói mẹ xếp chữ. Và tự nhiên, nghề ấy nghe như một việc của con người.

Một tiếng trôi qua. Cô không giải quyết được việc gì. Không tạo ra đầu ra nào. Ô đỏ -14% *vẫn ở đó, chờ thứ Hai. Nhưng cái Tôi không còn gào thét đòi được công nhận. Nó chỉ nghỉ ngơi, êm thấm như một cuộc đình công không ai hay, không ai cầm cờ, và cũng chẳng cần đến một lưỡi cưa nào để làm cho xong.*

Chương 6

Con ngựa chạy vòng quanh cối xay



Con ngựa và cối xay

Tú bật dậy lúc hai giờ mười lăm. Tiếng chuông báo dự án nổ trong đầu anh như một mũi kim châm vào thái dương, dù điện thoại để ở mặt bàn cách giường nửa mét. Bàn tay trái anh mở ra, các ngón không duỗi thẳng nổi — chúng gập lại, cứng, như năm chiếc đinh bị uốn cong sau mười bốn tiếng gõ phím liền một mạch. Anh xoay cổ, nghe tiếng lục khục ở đốt sống thứ tư. Mắt anh mở, nhưng phòng tối, và không có gì trong phòng cần anh thức để nhìn.

Anh tự nhủ: chỉ cần làm thêm một sprint nữa. Một sprint, rồi thoát. Cụm từ ấy đã lặp lại bốn mươi ngày liên tiếp, mỗi tối một lần, như một câu kinh anh đọc thuộc lòng nhưng chẳng hiểu nghĩa. Sáng hôm sau, anh lại ngồi vào bàn, lại mở cái bảng task có chín mục đã gạch và ba mục vẫn đỏ, lại tự nhủ một sprint nữa. Anh không thoát. Anh chỉ quay.

Căn hộ của Tú có hai phòng: một phòng ngủ, một phòng làm việc. Ranh giới giữa chúng là cánh cửa mở suốt ngày đêm, vì ba năm nay anh chưa từng thấy cần đóng. Hồi dọn vào, anh mang theo một cái bàn, một cái ghế, và một niềm tin: làm ở nhà sẽ tự do hơn. Niềm tin ấy chết trong vòng ba tháng. Cái bàn kê sát cửa sổ, và mỗi sáng, thứ đầu tiên anh nhìn thấy không phải mặt trời, mà là màn hình còn sáng từ đêm qua.

Bên ngoài cửa sổ, một con chó sục sục đi qua vỉa hè dưới ánh đèn vàng. Nó đi tới đâu anh không biết, nhưng nó đi. Tú nhìn theo bóng nó khuất sau bức tường, rồi quay vào màn hình. Bóng con chó khiến anh nhớ đến một hình ảnh tuổi thơ: con ngựa già kéo cối xay trong xưởng bố anh, cứ quay, quay, đôi mắt bị bịt kín bằng tấm vải, nên nó tưởng mình đang đi xa, thực ra chỉ giẫm chân tại chỗ trên nền xi măng mòn vẹt thành một vòng tròn.

Tú hai mươi chín tuổi, và anh vào nghề vì yêu code. Hồi đại học, anh từng thức trắng để viết một game nhỏ không ai chơi, và anh thấy vui. Anh còn giữ cái ổ cứng ấy trong ngăn bàn. Mười hai năm sau, anh không còn viết code vì vui. Anh viết vì có người chờ, có deadline, có một bảng task đỏ lòm không bao giờ hết. Cái ổ cứng cũ nằm trong ngăn bàn, và anh chưa mở nó lần nào kể từ ngày dọn vào.

Hai ngàn ba trăm năm trước, trước mặt vua Văn Huệ, một người đàn ông đứng mổ trâu.

Tên ông là Đinh, người ta gọi là Bào Đinh — anh thợ mổ trâu. Dao của ông đi vào thân trâu không phải bằng nhát chém, mà bằng một đường cong theo những khe hở giữa các thớ thịt, những khớp xương, những chỗ cơ thể con vật đã tự chừa sẵn cho dao đi qua. Mười chín năm ông làm nghề, con dao ấy vẫn sắc như mới mài ngày hôm qua. Ông bảo vua một câu: thần dư nhi mục bất dụ *— tinh thần của thần thừa thãi, đôi mắt chẳng hề mờ mịt.*

Rồi ông chỉ sự đối lập. Có những kẻ thợ mổ tầm thường, mỗi tháng phải đổi một con dao, vì chúng chém bổ thẳng vào xương, đập mạnh vào chỗ cứng, nên lưỡi dao cứ thế cong rồi gãy. Chúng không sai ở sức. Chúng sai ở chỗ cố dùng sức để thắng vật, thay vì tìm khe hở mà vật đã chừa sẵn. Bào Đinh nói: ông không đấu với con trâu. Ông chỉ đi theo những chỗ trâu đã cho phép.

Có một chi tiết trong lời Bào Đinh mà người ta hay bỏ qua. Ông nói rằng khi dao đi qua những khe hở, có chỗ rộng đến mức ông còn nghe được tiếng dao chạy, và ông nhắm mắt lại, thả lỏng tinh thần, chậm rãi đưa tay. *Ông không cần nhìn. Ông để cho tay mình biết đường. Đó không phải tài năng siêu phàm. Đó là kết quả của mười chín năm đi theo khe hở thay vì đập vào xương.*

Vua Văn Huệ nghe xong, ngỡ ngàng thốt lên mình học được đạo ở nơi không ngờ. Nhưng câu Bào Đinh để lại không phải về triều chính. Nó về một sự thật nhỏ hơn, sắc hơn: khi người ta ngừng chống lại kết cấu của sự vật, lưỡi dao không còn cùn. Và khi lưỡi dao không cùn, người cầm dao không mỏi.

Tú không đọc sử. Nhưng trạng thái anh rơi vào có tên trong tâm lý học: dòng chảy *(flow) — cái cảm giác khi thử thách vừa khít với năng lực, người ta mất cảm giác về thời gian, thấy việc nhẹ như không. Lý thuyết của Csikszentmihalyi từ thập niên tám mươi nói về một vùng vàng: không quá dễ (nhàm chán), không quá khó (lo âu). Ở đó, con người làm việc như thể đang chơi.*

Nhưng văn hóa hustle — văn hóa "quay cuồng để thành công" — đã kéo Tú ra khỏi vùng vàng ấy từ lâu. Nó ép anh làm việc như một cỗ máy cần được bơm nhiên liệu liên tục: caffeine sáng, caffeine chiều, rồi cortisol dầm dề khi deadline kề. Nghỉ ngơi bị coi là sự yếu đuối. Một tuần bốn mươi tiếng trở thành trò cười. Anh nghe sếp nói: người giỏi không đếm giờ, họ đếm kết quả.

Sáng hôm ấy, trong buổi standup, sếp anh – một người chỉ hơn anh hai tuổi – khen trước cả nhóm:

– Anh em nhìn Tú mà học. Hai giờ sáng vẫn push code. Đấy gọi là trách nhiệm.

Tú cười, cúi đầu, nói "dạ em cố". Nhưng trong bụng anh có một câu hỏi không dám nói ra: trách nhiệm với cái gì? Anh push code lúc hai giờ sáng không phải vì anh muốn. Anh làm vì nếu không làm, cái bảng task kia sẽ đỏ thêm một ô, và anh sẽ là người duy nhất chưa xong. Cái được gọi là "trách nhiệm" ấy, thật ra chỉ là nỗi sợ bị bỏ lại phía sau. Và nỗi sợ ấy, khi được khen, lại lớn thêm một chút.

Năm 2019, Tổ chức Y tế Thế giới đưa burnout *vào ICD-11 không phải như một căn bệnh, mà như một* hiện tượng nghề nghiệp*: kiệt quệ năng lượng, xa lánh công việc, giảm hiệu quả. Bản mô tả ấy khô đến mức không gọi ai là bệnh nhân. Đó là bản báo cáo kỹ thuật của một cơ thể bị biến thành động cơ rồi vận hành quá tải.*

Điều đáng chú ý là cái trạng thái ấy không đến từ một biến cố lớn. Nó đến từ hàng nghìn biến cố nhỏ, mỗi cái không đủ để người ta dừng lại. Một tin nhắn lúc mười một giờ đêm. Một cuộc họp bị dời sang sáng Chủ nhật. Một câu "em xem giúp anh cái này"

vào đúng lúc vừa tắt máy. Không cái nào đáng kể. Nhưng cộng lại, chúng không cho cơ thể một khoảng nào để hồi. Và cơ thể, cũng như cái cối xay, chỉ cần một khoảng nghỉ ngắn để không tự mài mòn chính mình.

Bốn giờ sáng, Tú vẫn ngồi trước màn hình. Anh không còn code nữa — anh chỉ gõ. Những ngón tay đập xuống bàn phím thành một nhịp đều đặn, lạch cạch, lạch cạch, như một cái máy không có ai điều khiển. Trên màn hình, dòng lệnh chạy xong, báo lỗi. Anh xóa. Anh gõ lại. Dòng lệnh chạy xong, báo lỗi. Anh xóa. Anh gõ lại. Tiếng gõ vang lên trong căn hộ trống, không có ai nghe, không có ai cần nghe. Bên cạnh bàn, ly cà phê thứ tư đã nguội từ lâu, mặt nước phẳng lặng không còn một gợn. Anh không uống. Anh chỉ gõ.

Cái cối xay ấy quay không phải để nghiền hạt thành bột. Nó quay để chứng minh nó đang quay. Mỗi sáng Tú bước vào phòng làm việc, tưởng mình tiến tới một chỗ tốt hơn. Tối anh bước ra, vai nặng hơn, mà chẳng có hạt bột nào ra lò.

Và cái cối ấy có một đặc điểm mà con ngựa không bao giờ nhìn thấy: nó không có đáy. Người ta có thể đổ hạt vào mãi, và cối vẫn quay, vẫn nghiền, vẫn cho ra một thứ bột mịn – nhưng không bao giờ đầy. Trong công việc, cái "đầy" ấy có tên: một ngày mọi việc xong, một sprint cuối cùng, một lần được nghỉ thật. Nó không đến. Vì mỗi lần một sprint đóng lại, một sprint mới được mở ra, và cái vòng tròn trên nền xi măng lại sâu thêm một chút.

Một đêm, Tú đóng máy tính lại trước khi kịp mở cái sprint thứ bốn mươi mốt. Anh đứng dậy. Bàn tay trái khẽ co lại — năm ngón vẫn cong như năm chiếc đinh sau mười bốn tiếng gõ phím. Anh cố duỗi chúng ra. Chúng không duỗi. Anh nhìn đồng hồ trên tường: hai giờ rưỡi sáng. Bốn tiếng nữa là trời sáng, và anh biết, sáng nay anh vẫn sẽ ngồi vào bàn.

Một câu cũ, chẳng rõ của ai, cứ lặng lẽ đi theo con ngựa:

Sức lao động của con người giống như con ngựa kéo cối xay: quay vòng vô tận, tưởng mình tiến tới, nào ngờ chỉ giẫm chân tại chỗ.

Tú đọc câu ấy trong đầu, không phải bằng mắt. Anh nhớ lại con ngựa già nhà bố, tấm vải bịt mắt, vòng tròn mòn trên nền xi măng. Rồi anh nhớ Bào Đinh — ông không đấu với trâu, ông đi theo khe hở. Cái sprint thứ bốn mươi mốt, anh nhận ra, không phải khe hở. Nó là xương. Anh đã cắm dao vào xương suốt bốn mươi ngày, và lưỡi dao trong tay mình cùn từ lúc nào không hay.

Anh rút phích cắm sạc laptop, để nó nguội dần trên bàn, và lần đầu sau nhiều tháng, đi ngủ khi đồng hồ mới chỉ hai giờ rưỡi.

Tuần sau, Tú xin nghỉ một tuần. Không về quê, không đi du lịch, chỉ ở nhà, không nhận việc khẩn, không mở bảng task.

Ngày đầu, anh không biết làm gì. Mười hai năm nay, mỗi giờ trống đều tự động bị lấp bằng một việc gì đó — một tin nhắn, một email, một dòng code. Bây giờ không có gì lấp cả. Anh ngồi nhìn cái màn hình đen, rồi đứng dậy, rồi ngồi xuống, như một con ngựa vừa được tháo cương và không biết đi đâu ngoài vòng tròn cũ.

Ngày thứ hai, anh mở ngăn bàn và lấy ra cái ổ cứng cũ. Anh cắm vào máy, mở thư mục, và nhìn thấy cái game nhỏ anh viết năm hai mươi tuổi – một trò chơi về một người đi bộ trong thành phố, không có điểm số, không có mục tiêu, chỉ có những con đường và tiếng bước chân. Anh bấm chạy thử. Nhân vật đi trên màn hình, chậm rãi, không có gì phải đạt tới. Anh ngồi nhìn nó đi, và nhận ra mình đã quên mất cảm giác ấy: làm một việc mà không để đến đâu. Anh tắt máy, không xóa, không sửa. Anh chỉ để nó ở đó, như

để lại một người bạn cũ trong ngăn bàn.

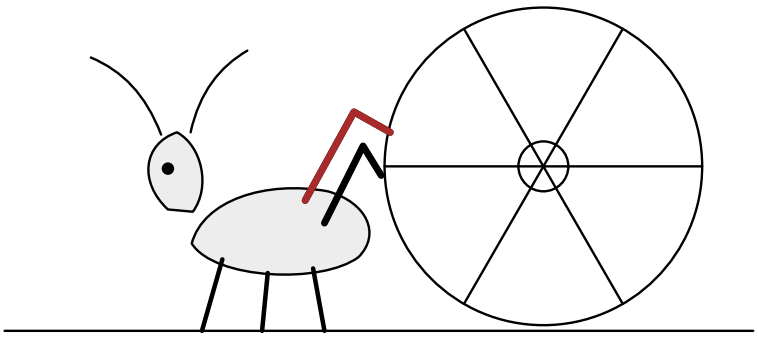
Ngày thứ ba, anh phát hiện một điều nghịch lý: cái "khe hở" mình tìm bấy lâu không đến từ việc làm ít hơn. Nó đến từ việc làm đúng nhịp — thuận theo giới hạn của mình thay vì chống lại nó. Sáng anh dậy, pha trà, ngồi bên cửa sổ đọc một trang sách rồi gấp lại, không cần đọc hết. Tay trái anh duỗi ra được năm ngón, chậm rãi, như cành cây vươn sau cơn hạn. Chiều anh đi bộ một vòng quanh khu, nhìn người ta đứng chờ đèn đỏ, trẻ con đá bóng dưới sân, và không nghĩ đến một dòng code nào.

Con ngựa ngưng chạy. Tú không bước ra khỏi cối xay — anh biết ngày thứ hai anh vẫn quay lại bàn, vẫn mở những ô task đỏ. Nhưng tấm vải bịt mắt đã rơi. Lần đầu sau nhiều năm, anh nghe thấy tiếng gió ngoài cửa sổ, và hiểu rằng tiếng gió ấy có từ lâu, chỉ là cối xay xưa nay quá ồn để anh nghe thấu.

Anh không cần đạp mạnh hơn. Anh chỉ cần nhớ lưỡi dao đi theo khe hở, không đi theo xương.

Chương 7

Bọ ngựa chặn bánh xe



Cánh mỏng, và một bánh xe

Vy làm thiết kế tự do, sống ở một căn hộ thuê hai mươi hai mét vuông trên đường Hoàng Diệu.

Cô hai mươi chín tuổi, và cô có một niềm tin rất vững: cô không có gì ngoài chính mình. Không bằng cấp trường lớn, không người thân ở thành phố, không một khoản tiết kiệm nào đáng kể. Nên cô làm việc.

Mười một giờ đêm thứ Sáu, cô nhận dự án thứ sáu trong tháng. Một cửa hàng thời trang mới mở, cần một bộ nhận diện, bốn mươi triệu, giao sau ba ngày. Vy đọc tin nhắn, tính nhẩm, và bấm ok em nhận.

Cô đã nhận năm dự án trước đó trong cùng tháng: một logo, hai bộ bao bì, một trang sản phẩm, một clip mười lăm giây. Cô còn một dự án tồn từ tháng trước chưa xong.

Cô mở laptop lúc mười một giờ hai mươi.

Cô không thấy mệt. Đó là điều Vy muốn nhớ lại sau này: đêm ấy cô hoàn toàn không thấy mệt. Cô thấy một cái gì khác, ấm hơn – cô thấy mình đang thắng. Trong đầu cô có một câu chạy đi chạy lại: người ta ngủ, mình làm. *Cô thấy mình đang đi trước thiên hạ một đoạn.*

Bốn giờ sáng, cô đứng dậy pha cà phê. Trong gương nhà tắm, mắt cô có quầng. Cô thấy nó đẹp.

Ngày thứ Ba, Vy giao dự án đúng hạn. Ngày thứ Tư, cô bắt đầu dự án thứ bảy.

Đêm thứ Năm, cô ngồi trên sàn, lưng dựa vào chân giường, tay vẫn còn trên chuột. Cô định đứng dậy lấy nước thì chân không nhấc lên được. Cô nằm lại. Cô nghĩ: nghỉ mười phút. *Cô nằm mười phút. Rồi cô ngồi dậy và làm tiếp đến sáu giờ sáng.*

Cô không gọi đó là bệnh. Cô gọi đó là tháng cao điểm.

Trang Tử, trong thiên Nhân gian thế*, có một đoạn nói về một con vật nhỏ.*

Ông kể: có một con bọ ngựa đậu trên đường. Một chiếc xe lớn đi tới. Con bọ ngựa không tránh. Nó giận dữ giơ hai cánh ra, chặn trước bánh xe.

Và Trang Tử thêm một câu mà người đời sau thường đọc lướt qua:

Nó không biết mình không đủ sức.

Nhưng Trang Tử không dừng ở đó. Ông thêm bốn chữ nữa, và bốn chữ ấy mới là chỗ đau:

Thị kỳ tài chi mỹ dã – *ấy là vì nó cho tài mình là đẹp.*

Đọc đến đây thì câu chuyện đổi nghĩa hoàn toàn. Con bọ ngựa không ngu. Nó không liều. Nó không bị hoang tưởng về sức mạnh của mình. Nó chỉ có một niềm tin rất cụ thể: đôi cánh này là thứ đẹp nhất ta có, và ta sẽ đem nó ra dùng.

Trang Tử không chế giễu con bọ ngựa. Ông nhìn nó với một cái gì gần như trìu mến. Vì con bọ ngựa không sai về đôi cánh. Đôi cánh ấy thật sự đẹp. Cái nó không biết chỉ là trọng lượng của chiếc xe.

Người ta hay kể câu này để răn kẻ yếu đừng chống kẻ mạnh. Nhưng đó không phải chỗ Trang Tử muốn đặt ngón tay. Chỗ ấy là: cái tài mà ta tự hào nhất, đôi khi chính là thứ đang chở ta vào bánh xe.

Vy có một cái tài. Cái tài ấy tên là chịu được.

Năm hai nghìn mười lăm, một nhà kinh tế học lao động ở Đại học Stanford công bố một nghiên cứu mà ông làm bằng dữ liệu từ một nhà máy đạn thời Thế chiến thứ nhất. Ông có trong tay sổ ghi sản lượng và số giờ làm của từng công nhân trong nhiều tháng. Đó là một mỏ dữ liệu hoàn hảo, vì thời ấy người ta chưa có công đoàn để cản việc tăng giờ.

Ông tìm ra một đường cong. Sản lượng tăng theo số giờ làm, cho đến khoảng bốn mươi chín giờ một tuần. Sau mốc ấy, đường cong bắt đầu bẹp xuống. Đến mức bảy mươi giờ một tuần, tổng sản lượng chỉ nhích hơn mức năm mươi sáu giờ một chút.

Nói cách khác: mười bốn giờ làm thêm mỗi tuần đổi lấy một phần sản lượng gần như không đáng kể.

Nhưng Vy không làm việc trong nhà máy đạn. Cô làm một nghề mà kết quả không đo được bằng sản lượng. Nghề của cô đo bằng số dự án đã nhận*, và số ấy thì không có mốc bẹp. Mỗi lần cô nhận thêm, con số lại đẹp lên.*

Các nhà nghiên cứu ở Đại học California đã đo một thứ khác, và con số của họ đáng sợ hơn: mỗi lần ta bị ngắt khỏi một việc để quay sang việc khác, bộ não cần khoảng hai mươi ba phút để lấy lại độ sâu ban đầu. Vy chuyển giữa sáu dự án, mỗi ngày, vài chục lần. Nghĩa là phần lớn thời gian cô làm việc trong trạng thái nông – nhưng cô không cảm thấy nông, vì tay cô luôn bận.

Đó là mẹo lớn nhất của thời đại này: bận *và* làm được việc *là hai thứ khác nhau, nhưng chúng cho ta cùng một cảm giác.*

Và có một nghiên cứu nữa, về thứ đắt hơn. Một nhóm nghiên cứu ở Phần Lan theo dõi hơn hai nghìn công chức Anh trong mười một năm. Những người làm từ năm mươi lăm giờ một tuần trở lên có nguy cơ đột quỵ cao hơn khoảng một phần ba so với người làm bốn mươi giờ. Một nghiên cứu khác cho thấy làm trên mười một giờ một ngày làm tăng đáng kể nguy cơ trầm cảm.

Vy không biết những con số ấy. Nhưng cô biết một con số của riêng mình, và cô rất tự hào về nó: bốn năm làm tự do, cô chưa từng từ chối một dự án nào.

Bốn năm. Không một lần từ chối.

Cô kể con số ấy với khách hàng như một cái uy tín. Cô chưa bao giờ hỏi: bốn năm ấy, mình đã làm bao nhiêu việc, và nhớ được bao nhiêu.

Tháng Mười hai, một khách hàng quen biến mất.

Hắn nợ Vy hai mươi hai triệu cho một dự án đã giao từ tháng Chín. Vy nhắn bốn lần, gọi ba lần. Đến lần thứ tư, hắn trả lời: anh đang khó, em thông cảm.

Vy ngồi nhìn tin nhắn ấy rất lâu. Rồi cô mở bảng tính, và lần đầu tiên trong bốn năm, cô đếm.

Cô đếm số dự án đã hoàn thành trong bốn năm. Hai trăm mười bốn.

Cô đọc lại tên từng dự án. Cô nhớ rõ khoảng hai mươi cái. Cô nhớ mười cái vì khách hàng khó chịu, mười cái vì trả tiền muộn. Số còn lại – hơn một trăm tám mươi cái – cô đọc tên mà không nhớ nổi mình đã làm gì. Có những dự án cô không nhớ nổi mình từng nhận.

Cô đọc đến tên một dự án tháng Tư năm ngoái và dừng lại. Cô nhớ ra mình đã thức hai đêm liền cho nó. Cô không nhớ nó là cái gì.

Vy ngồi trên sàn, lưng dựa vào chân giường, đúng cái chỗ ấy.

Và cô hiểu ra một điều mà cô phải mất bốn năm mới nhìn thẳng được: cô chưa bao giờ là người làm ra hai trăm mười bốn dự án. Cô là người đã chịu *hai trăm mười bốn dự án. Cái tài của cô không phải thiết kế. Cái tài của cô là đôi cánh mỏng giơ ra trước bánh xe, ngày này qua ngày khác, và không gãy.*

Cô tự hào về đôi cánh ấy. Cô đã tự hào về nó suốt bốn năm. Cô đã gọi nó là sự chuyên nghiệp*, là* tinh thần trách nhiệm*, là* tuổi trẻ.

Trang Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Nộ kỳ tí dĩ đương xa triệt, bất tri kỳ bất thắng nhậm dã – *giận dữ giơ cánh ra chặn bánh xe, không biết mình không đủ sức.*

Và bốn chữ theo sau, cái phần mà người đời hay quên:

Thị kỳ tài chi mỹ dã – *ấy là vì nó cho tài mình là đẹp.*

Vy ngồi im rất lâu. Cô không khóc. Cô chỉ làm một việc: cô tưởng tượng chiếc xe tải kia. Cô tưởng tượng nó lăn qua. Và cô nhận ra điều làm cô lạnh người nhất không phải là cô sẽ bị nghiền nát.

Điều làm cô lạnh người là: chiếc xe ấy không hề biết cô tồn tại. Không có ai lái nó. Không có ai ghét cô. Cái bánh xe chỉ đơn giản là to, và nó đang đi đúng hướng của nó.

Vy không nghỉ việc. Cô không thể.

Cô vẫn còn một khoản nợ, còn một mẹ ở quê, còn một căn hộ hai mươi hai mét vuông. Cô không có cái sang trọng của người được phép bỏ*. Cô chỉ có cái quyền của người được phép* bớt.

Từ tháng Giêng, mỗi tháng cô từ chối đúng một dự án.

Không nhiều. Một dự án. Cô chọn cái nào trả tiền ít nhất, hoặc cái nào làm cô thấy chán nhất khi đọc đề bài.

Tháng đầu, cô từ chối và cả đêm không ngủ. Cô nằm tính số tiền mình vừa mất, cộng lại, nhân với mười hai. Tháng thứ hai, cũng thế. Tháng thứ tư, cô nhận ra mình không còn tính nữa.

Cô không thành người khác. Cô vẫn nhận nhiều hơn người ta khuyên. Cô vẫn có những tuần làm đến ba giờ sáng. Nhưng mỗi tháng có một lần cô nói không*, và mỗi lần như thế, cô học được một điều mà bốn năm trước cô không tin nổi:* không có gì sụp đổ cả.

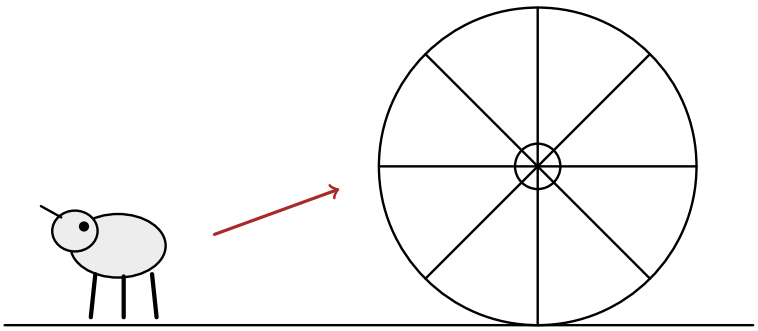
Cô cũng làm một việc nhỏ khác. Cô đặt một cái bảng nhỏ trên bàn, và mỗi khi hoàn thành một dự án, cô viết tên nó lên bảng, rồi gạch đi sau một tuần. Cô làm thế để nhớ.

Bốn năm trước, cô nghĩ đôi cánh của mình là thứ đẹp nhất cô có.

Bây giờ cô nghĩ khác một chút. Đôi cánh vẫn đẹp. Nhưng cô bắt đầu tập một việc khó hơn nhiều: đứng yên trên lề đường, và để chiếc xe đi qua.

Chương 8

Con rận và bánh xe



Một con rận, to bằng bánh xe

Nguyên làm kế toán ở một công ty thép, lương mười hai triệu, và anh đã thi chứng chỉ hành nghề chín lần.

Chứng chỉ ấy có tám môn. Anh đỗ bảy môn trong bốn năm đầu. Môn thứ tám, môn Thuế, anh thi bốn lần.

Anh bắt đầu học từ năm hai mươi ba tuổi. Mỗi ngày, từ bảy giờ tối đến một giờ sáng. Thứ Bảy, Chủ nhật, từ hai giờ chiều đến mười hai giờ đêm. Trừ Tết. Anh tính ra, trong bốn năm, anh ngồi với sách hơn sáu nghìn giờ.

Cuốn sách Thuế dày bốn trăm hai mươi trang. Anh đã đọc nó mười một lần. Anh biết trang nào có câu nào. Có những đoạn anh đọc đến mức nhắm mắt lại là thấy chữ.

Trong bốn năm ấy, cuộc đời anh đứng yên. Anh không chuyển nhà, không đổi việc, không đi đâu quá hai trăm cây số. Anh nói với mẹ: để con thi xong đã.

Tháng Ba năm thứ ba, bà nội anh mất ở Huế.

Hôm ấy là thứ Năm. Kỳ thi còn ba ngày. Anh ngồi ở Đà Nẵng, nhìn tin nhắn của mẹ, rồi anh gửi tiền phúng, và nhắn lại: mẹ cắm giúp con nén hương.

Anh đi thi hôm Chủ nhật. Anh trượt.

Đêm ấy, anh ngồi trong phòng trọ, mở cuốn sách Thuế ra, và không đọc được chữ nào. Anh không khóc. Anh chỉ nhìn trang sách, và tự hỏi một câu rất lạnh: mình có về được không.

Anh không nghĩ đến việc bỏ. Anh chỉ nghĩ đến chuyện mình đã không về.

Liệt Tử kể chuyện Kỷ Xương học bắn.

Kỷ Xương đến xin học với Phi Vệ. Phi Vệ bảo: Ngươi chưa học được đâu. Trước hết phải học nhìn mà không chớp mắt.

Kỷ Xương về nhà, nằm dưới khung cửi của vợ, mắt dán vào cái go chạy qua chạy lại.

Hai năm sau, đến mức có người lấy cái dùi xiên vào mắt ông, mắt ông cũng không chớp.

Ông trở lại gặp thầy. Phi Vệ bảo: Chưa được. Phải học nhìn cái nhỏ thành cái lớn, nhìn cái mờ thành cái rõ.

Kỷ Xương về, bắt một con rận, buộc vào một sợi tóc, treo trước cửa sổ, và nhìn.

Mười ngày, con rận lớn dần trong mắt ông.

Ba năm, con rận lớn bằng cái bánh xe. Nhìn sang những vật khác, ông thấy chúng như những ngọn núi.

Ông lấy cung, bắn một mũi. Mũi tên xuyên trúng tim con rận, và sợi tóc không đứt.

Người đời kể câu chuyện này để nói về sự kiên trì. Nhưng Liệt Tử kể nó để nói về một điều khác hẳn: về cái giá của việc nhìn cái nhỏ thành cái lớn. *Kỷ Xương không bắn giỏi hơn người khác. Ông chỉ nhìn khác người khác. Trong mắt ông, con rận đã thành bánh xe, và mọi vật còn lại đã thành núi.*

Ông thành công vì đã đánh đổi cả thế giới để lấy một điểm.

Nguyên tin vào một câu mà ai cũng tin: làm đủ nhiều thì sẽ giỏi.

Niềm tin ấy có một gốc khoa học thật, và một lịch sử bị bóp méo.

Gốc thật: các nhà tâm lý học đã chỉ ra rằng muốn giỏi một việc, người ta cần một loại luyện tập đặc biệt – luyện tập có chủ đích, nghĩa là làm những bài tập khó vừa sức, có phản hồi ngay, và lặp lại có sửa chữa. Người ta gọi nó là luyện tập có chủ đích*, và nó khác hoàn toàn với* làm nhiều.

Lịch sử bị bóp méo: niềm tin ấy bị gói lại thành một con số, mười nghìn giờ, và con số ấy lan ra khắp thế giới như một quy luật. Nếu bạn chưa giỏi, ấy là vì bạn chưa đủ giờ.

Năm hai nghìn mười bốn, bốn nhà nghiên cứu công bố một phân tích gộp trên hàng chục nghiên cứu về đề tài này. Họ tính xem luyện tập có chủ đích giải thích được bao nhiêu phần trong sự khác biệt về thành tích giữa người với người.

Con số của họ: ở các trò chơi, khoảng hai mươi sáu phần trăm. Ở âm nhạc, khoảng hai mươi mốt phần trăm. Ở thể thao, khoảng mười tám phần trăm. Ở giáo dục, khoảng bốn phần trăm. Và ở các nghề chuyên môn, dưới một phần trăm.

Nói cách khác: ở những nghề giống nghề của Nguyên, số giờ luyện tập gần như không nói lên điều gì về việc ai giỏi hơn ai. Nhưng Nguyên không đọc nghiên cứu ấy. Nguyên đọc cuốn sách Thuế, lần thứ mười hai.

Rồi có một chỗ khác, gần hơn với cái mũi tên của Kỷ Xương.

Năm hai nghìn mười một, một nhóm tâm lý học ở Đại học Harvard công bố một nghiên cứu về điều gì xảy ra trong đầu một người khi họ bị đặt vào tình huống phải làm thật tốt. Họ cho những vận động viên và những người chơi nhạc biểu diễn, và đo cách họ chú ý.

Kết quả trái với điều ai cũng tưởng: khi bị sức ép, người ta không mất tập trung. Người ta tăng *tập trung. Họ dồn sự chú ý vào đúng cái động tác mình đang làm – vào ngón tay, vào cây gậy, vào một chi tiết nhỏ.*

Và chính vì thế mà họ hỏng. Cái động tác ấy, hồi còn là người mới, họ phải nghĩ từng bước. Nhưng một khi đã thành thạo, nó nằm ở một tầng khác của bộ não, tầng không cần nghĩ. Khi bị sức ép kéo nó trở lại tầng có nghĩ, nó vỡ.

Người ta gọi đó là nghẹt thở trong tích tắc. *Nó giải thích vì sao một người đánh đàn giỏi mười năm lại đánh hỏng đúng buổi thi quan trọng nhất.*

Và có một nghiên cứu còn nổi tiếng hơn, từ năm hai nghìn. Người ta cho người xem một đoạn phim về hai nhóm chuyền bóng, và yêu cầu họ đếm số lần chuyền. Giữa đoạn

phim, một người mặc bộ đồ khỉ đột đi ngang qua giữa màn hình, chậm rãi, rõ ràng, dừng lại đập tay vào ngực.

Khoảng một nửa số người xem không thấy con khỉ đột.

Họ không bị mù. Họ chỉ đang đếm bóng.

Nguyên đã đếm bóng suốt bốn năm. Anh đếm từng dòng luật thuế, từng mức thuế suất, từng thời hạn nộp. Anh nhìn con rận đến mức nó thành bánh xe. Và anh không thấy con khỉ đột đi ngang qua giữa phòng khách nhà mình – đi ngang qua đúng ba ngày trước kỳ thi, mặc áo tang, đi về phía Huế.

Lần thi thứ chín, tháng Mười một, Nguyên đỗ.

Anh biết kết quả lúc mười một giờ bốn mươi tối, khi ngồi trước máy tính trong phòng trọ. Anh nhìn cái tên mình trên danh sách, và đọc nó ba lần. Anh đứng dậy. Anh đi ra hành lang, rồi đi vào. Anh không biết làm gì.

Anh cầm điện thoại lên.

Người đầu tiên anh muốn gọi là bà nội. Bà là người duy nhất trong nhà từng hỏi anh học vậy có mệt không. *Bà không hỏi bao giờ đỗ. Bà chỉ hỏi có mệt không.*

Nguyên nhìn số của mẹ trong danh bạ. Anh bấm gọi. Mẹ nghe máy, giọng ngái ngủ, rồi mừng rỡ.

– Đỗ rồi hả con? Đỗ rồi hả?

– Dạ.

– Vậy là xong rồi hả con? Xong hết rồi hả?

– Dạ.

Mẹ anh khóc một chút. Nguyên nghe tiếng mẹ sụt sịt ở đầu dây bên kia, và anh nhận ra mình đang đứng rất thẳng, hai tay buông xuôi, như đang chờ một cái gì nữa. Nhưng không có gì nữa.

Anh cúp máy. Anh ngồi xuống. Bốn năm, sáu nghìn giờ, chín lần thi, và cái đêm ấy trôi qua như mọi đêm khác.

Sáng hôm sau, anh mở cuốn sách Thuế ra, và lần đầu tiên trong bốn năm, anh không biết mở nó để làm gì.

Phi Vệ nói với Kỷ Xương một câu mà hơn hai nghìn năm nay người ta vẫn truyền:

Tất học thị tiểu như đại *– phải học nhìn cái nhỏ thành cái lớn.*

Nguyên đã học được câu ấy. Anh học nó đến mức thành thạo. Anh nhìn một dòng luật thuế thành một ngọn núi, và anh leo lên nó.

Nhưng bây giờ, ngồi trong phòng trọ với tờ giấy chứng nhận trên bàn, anh mới hiểu vế sau của câu ấy, cái vế mà Liệt Tử không viết ra thành lời: khi con rận đã thành bánh xe, thì cái bánh xe – cái bánh xe thật, cái bánh xe đưa người ta về Huế – cũng đã thành con rận.

Nguyên nhận việc ở một công ty kiểm toán.

Lương gấp đôi. Anh giỏi. Anh biết mình giỏi, và lần này anh biết đúng – vì cái nghề ấy thật sự cần đúng cái thứ anh đã luyện: nhìn một chi tiết nhỏ đến mức nó thành cả một vấn đề.

Anh không hối hận về bốn năm. Anh nghĩ kỹ rồi. Anh không hối hận, vì nếu không có bốn năm ấy thì anh không có cái nghề đang nuôi anh và mẹ anh bây giờ.

Nhưng anh làm một việc rất nhỏ, mỗi tối.

Anh để điện thoại ở phòng khác. Anh ngồi trước cửa sổ phòng trọ, nhìn ra con đường, mười phút. Không sách, không màn hình, không mục tiêu. Chỉ nhìn.

Anh không gọi đó là thiền. Anh không gọi nó là gì cả.

Mười phút đầu tiên của đêm đầu tiên, anh thấy khó chịu đến mức phải bấm ngón tay. Đêm thứ ba, anh bắt đầu thấy những thứ anh chưa từng thấy trong bốn năm: cái cột điện có một vết sơn xanh, cái quán đầu ngõ đổi bảng hiệu từ bao giờ, một đứa nhỏ đi xe đạp mỗi tối cùng giờ.

Anh đang luyện một bài tập ngược với bài tập của Kỷ Xương.

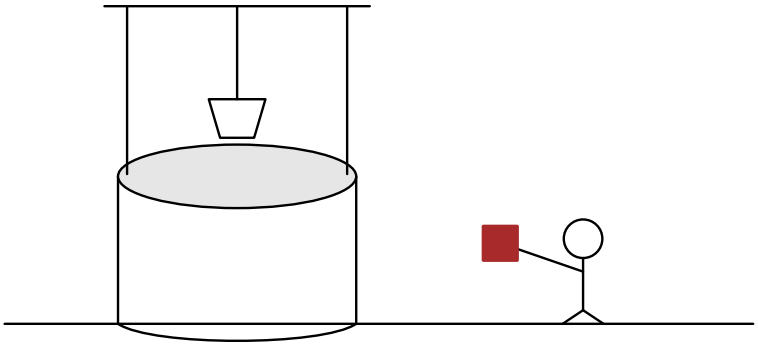
Kỷ Xương học cách nhìn con rận thành bánh xe.

Nguyên đang học cách nhìn cái bánh xe trở lại thành con rận.

Anh biết mình sẽ không bao giờ giỏi bài tập này bằng bài tập kia. Bài tập kia anh có thầy, có sách, có tám môn và chín lần thi. Bài tập này không ai chấm điểm, và không có ngày đỗ.

Chương 9

Cái đói đuổi ta đi



Một cái giếng, không ai trả tiền

Hòa bỏ Sài Gòn năm ba mươi tư tuổi, sau đợt giãn cách thứ ba.

Anh làm marketing cho một chuỗi cà phê, lương bốn mươi lăm triệu, thuê một căn hộ ở quận Bình Thạnh. Anh bỏ hết, về một xã miền núi ở Quảng Nam, thuê hai hecta đất của một gia đình đi làm ăn xa, trồng rau theo cách anh gọi là sạch.

Bốn năm sau, Hòa ba mươi tám tuổi, và anh có một cái bụng săn hơn, một làn da nâu hơn, và một khoản thu nhập sáu triệu bảy một tháng.

Anh cũng có một kênh video mười một nghìn người theo dõi.

Buổi chiều tháng Chín, Hòa dựng điện thoại trên cái cọc tre, chĩa vào luống cải, và quay cú máy thứ bảy của cùng một cảnh: anh cúi xuống, nhổ một cây cải, phủi đất, ngẩng lên, cười.

Sáu cú trước đều hỏng. Cú thứ hai anh cười chưa tới mắt. Cú thứ tư có tiếng xe máy đi qua. Cú thứ sáu, con chó nhà hàng xóm chạy vào khung hình.

Đến cú thứ bảy, Hòa nhổ cây cải, phủi đất, ngẩng lên, cười. Anh cầm điện thoại lên xem lại. Được.

Anh ngồi xuống bờ ruộng, mở phần mềm dựng, cắt đoạn đầu, ghép thêm một đoạn hoàng hôn quay hôm trước, viết chú thích: một ngày ở nông trại – không vội, không ồn.

Anh bấm đăng, rồi ngồi nhìn con số lượt xem bắt đầu nhích lên. Ba trăm, bảy trăm, một nghìn hai.

Và đến lúc ấy, ngồi trên bờ ruộng, Hòa mới nhận ra điều mà anh đã không cho phép mình nhận ra suốt bốn năm: anh đã dựng bảy cú máy để quay một hành động mất hai giây. Anh đã ghép hoàng hôn của hôm khác vào một ngày khác. Anh đã viết một câu chú thích dài mười hai chữ, và anh đã sửa nó bốn lần.

Anh đang làm marketing. Sản phẩm bây giờ là cuộc đời anh.

Năm bốn trăm lẻ năm, một người tên Đào Tiềm được bổ làm huyện lệnh Bành Trạch.

Ông làm được tám mươi ngày.

Một hôm, cấp trên sai một viên lại đến kiểm tra. Người ta nhắc Đào Tiềm phải mặc áo mũ chỉnh tề, cúi mình tiếp đón. Ông nói một câu mà sử sách còn ghi: Ta không thể vì năm đấu gạo mà cúi lưng trước kẻ quê mùa. *Rồi ông treo ấn, về quê.*

Ông viết bài Quy khứ lai từ *– bài từ nổi tiếng nhất trong lịch sử văn chương Trung Hoa về việc bỏ quan. Mở đầu bài ấy có một câu mà người đời sau đọc đến thuộc lòng:*

Quy khứ lai hề, điền viên tương vu hồ bất quy *– Về thôi! Ruộng vườn sắp hoang, sao không về?*

Hơn một nghìn sáu trăm năm nay, người ta đọc câu ấy và mơ.

Nhưng phần sau của cuộc đời Đào Tiềm thì ít ai kể.

Ông về quê, và ông nghèo. Ông làm ruộng, nhưng ruộng không nuôi nổi ông. Sử chép ông nghiện rượu, và nhà thường không có gạo. Có một lần, cái đói đến mức ông phải đi xin ăn. Ông viết một bài thơ về chuyến đi ấy, và mở đầu bằng bốn chữ:

Cơ lai khu ngã khứ *– đói thì nó đuổi ta đi.*

Ông mất năm sáu mươi ba tuổi, trong cảnh nghèo.

Người đời sau vẫn gọi ông là ông tổ của những người về quê. *Nhưng nếu đọc kỹ cái phần sau ấy, ta thấy một điều khác: Đào Tiềm về quê không phải để sống tốt hơn. Ông về quê vì ông không chịu nổi cái cúi lưng. Và cái giá của việc không cúi lưng, ông trả bằng gạo, bằng rượu, và bằng những ngày đói.*

Ông không hối hận. Nhưng ông cũng không giàu. Hai điều ấy đều đúng, và người đời sau chỉ nhớ một.

Hòa không biết mình đang đi lại con đường của Đào Tiềm. Anh chỉ biết, đến tháng thứ ba mươi, sổ sách của anh bắt đầu kể một câu chuyện rõ ràng.

Hai hecta rau. Mỗi tháng, bán được khoảng mười lăm triệu. Trừ giống, phân, nước, tiền thuê đất, tiền công một người làm cùng, còn lại sáu triệu bảy.

Kênh video: hai triệu tám đến ba triệu hai một tháng.

Tổng cộng: gần mười triệu.

Lương cũ của anh ở Sài Gòn: bốn mươi lăm triệu.

Hòa biết con số này. Anh biết nó rất rõ, và anh không hề hối hận về nó. Nhưng có một điều anh chỉ nhận ra khi đọc một báo cáo về thu nhập nông thôn.

Ở Việt Nam, cũng như ở phần lớn các nước đang phát triển, phần lớn thu nhập của hộ nông thôn không đến từ nông nghiệp. *Nó đến từ làm thuê, từ buôn bán nhỏ, từ nghề phụ, từ con cái đi làm xa gửi về. Cái ruộng chỉ là một phần của ngôi nhà, và thường không phải phần lớn nhất.*

Nói cách khác: làm nông dân *không phải một nghề. Nó là một nghề trong ba bốn nghề mà một người nông thôn phải làm cùng lúc để sống.*

Và cái nghề thứ hai của Hòa, cái nghề đang đem về gần một phần ba thu nhập, là một nghề ra đời chưa đầy hai mươi năm.

Các nhà nghiên cứu về kinh tế nội dung đã chỉ ra một điều mà người ngoài nhìn vào không thấy: khi một người bán hàng qua video, phần lớn công việc của họ không phải trồng trọt hay nấu nướng. Nó là làm cho người khác cảm thấy một điều gì đó. *Nó là quản lý cảm xúc – diễn lại niềm vui cho tươi, diễn lại sự vất vả cho đáng, giữ cho câu chuyện luôn đủ hấp dẫn để người ta ở lại thêm ba giây.*

Đó là công việc mà Hòa từng được trả bốn mươi lăm triệu để làm.

Bây giờ anh vẫn làm nó. Anh chỉ đổi sản phẩm.

Một người ở Hà Nội đặt mua một thùng rau của Hòa, và nhắn một câu: em đặt để ủng hộ anh, em mơ được như anh.

Hòa đọc tin nhắn ấy ba lần.

Anh mở lại bài đăng có cái cú máy thứ bảy. Anh nhìn dòng chữ một ngày ở nông trại – không vội, không ồn*, và anh biết đó là một câu nói dối. Không phải nói dối lớn. Chỉ là một câu nói dối nhỏ, loại nói dối mà ai làm nội dung cũng phải nói: ta chọn cái đẹp nhất trong ngày, và ta gọi nó là ngày.*

Nhưng cái Hòa nhận ra không phải là mình đang nói dối.

Cái anh nhận ra là: người mua câu chuyện này không phải người mua rau.

Mười một nghìn người theo dõi anh. Trong đó, số người mua rau mỗi tháng khoảng bảy mươi. Bảy mươi người ấy mua rau vì họ muốn ăn rau sạch. Nhưng mười một nghìn người kia – họ không mua rau. Họ mua một cái cửa sổ. Họ đứng trong một căn hộ ở Hà Nội, trong một văn phòng ở Sài Gòn, và họ mở cái cửa sổ ấy ra để nhìn một người đang cúi xuống nhổ cây cải, mỗi ngày, trong mười lăm giây.

Hòa đã bỏ thành phố. Nhưng anh vẫn đang làm việc cho thành phố. Anh chỉ đổi vai: từ người ngồi trong văn phòng thành người đứng trong khung hình của văn phòng.

Và anh hiểu ra điều cuối cùng, cái điều làm anh ngồi im trên bờ ruộng rất lâu:

Anh không về quê vì tự do. Anh về quê vì cái cúi lưng. Anh cũng không ở lại quê vì lý tưởng. Anh ở lại quê vì cái đói.

Đào Tiềm để lại cho đúng khoảnh khắc này bốn chữ, viết trong một bài thơ về chuyến đi xin ăn:

Cơ lai khu ngã khứ – *đói thì nó đuổi ta đi.*

Hòa không đọc bài thơ ấy. Nhưng anh vừa sống nó. Cái đói không phải kẻ thù của tự do. Cái đói là cái người ta phải trả cho tự do, và nó thu tiền mỗi tháng, không bao giờ quên.

Hòa không quay lại Sài Gòn.

Anh cũng không thành công. Anh ba mươi tám tuổi, thu nhập mười triệu, không bảo hiểm, không lương hưu, và một cái lưng bắt đầu đau mỗi khi trời trở gió. Anh biết chính xác mình đang ở đâu, và anh không gọi nó bằng một cái tên đẹp.

Anh chỉ làm một việc nhỏ, từ tháng Mười.

Anh vẫn quay video. Nhưng anh đổi cách quay. Anh không quay mình nữa. Anh chĩa điện thoại vào cái giếng sau nhà, vào cây mít trước sân, vào con chó nằm dưới gốc chuối. Mỗi ngày một cảnh, mười lăm giây, không có ai trong khung hình, không chú thích.

Người theo dõi giảm. Mười một nghìn xuống chín nghìn, rồi bảy nghìn. Một số người nhắn hỏi sao anh không quay mình nữa. Anh không trả lời.

Mỗi sáng năm giờ, Hòa ra cái giếng sau nhà, thả gàu, kéo lên, đổ vào cái lu. Anh làm việc ấy hai lần mỗi ngày, bốn năm nay.

Đào Tiềm về quê, và ông nghèo, và ông vẫn viết thơ. Người đời sau vẫn ngưỡng mộ ông vì cái thơ, và quên cái nghèo.

Hòa không viết thơ.

Nhưng anh có một cái giếng. Và mỗi sáng, khi kéo gàu nước lên, anh biết một điều mà không ai trả tiền cho anh để biết, và không ai xem nó trên màn hình: nước ấy là để uống, để tắm, để tưới rau – và nó ở đó dù có ai theo dõi anh hay không.

Phần III

Cuộc khủng hoảng biến động và ảo tưởng của sự cứng rắn

DẪN NHẬP

Trong mọi thời đại, con người tin rằng sức mạnh là cứng.

Đó là một niềm tin rất dễ hiểu. Cái gì cứng thì đứng vững. Cái gì cứng thì không gãy. Trong một thế giới mà kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, cứng là một lợi thế. Người ta dạy con cái phải cứng rắn, phải kiên cường, phải không được khóc. Các tổ chức dạy nhân viên phải kỷ luật, phải đúng quy trình, phải không được sai. Cả một nền văn minh đứng trên niềm tin ấy.

Nhưng có một điều mà niềm tin ấy không nói ra: cứng chỉ thắng khi thế giới đứng yên.

Khi thế giới đổi chậm, cái cứng giữ được hình dạng của nó, và nhờ giữ được hình dạng, nó giữ được giá trị. Nhưng khi thế giới đổi nhanh hơn tốc độ một vật thể có thể uốn, thì chính sự cứng ấy trở thành án tử. Cái cây cứng nhất gãy trước bão. Cái răng cứng nhất rụng trước cái lưỡi. Cái đế chế có quy trình cứng nhất sụp trước cái đế chế dám xoay.

Điều khó nhất ở đây không phải là hiểu, mà là nghi ngờ một thứ ta đã được dạy để kính trọng. Phần này không nói rằng mềm là tốt. Nó chỉ nói rằng, trong một thế giới đang tăng tốc, khả năng uốn quan trọng hơn khả năng chịu đựng.

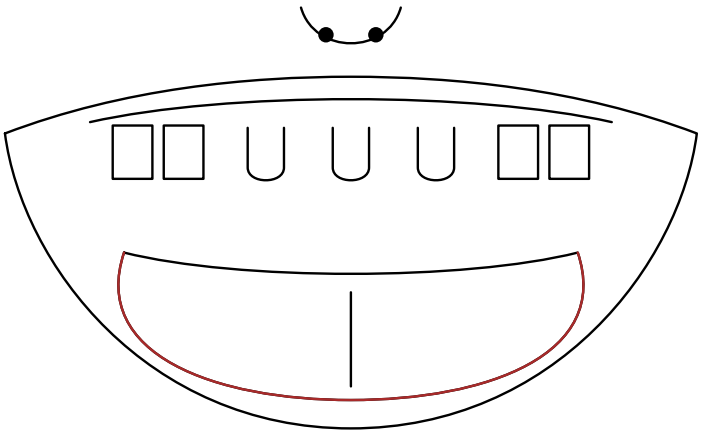
Sáu chương sau kể về sáu người học bài học ấy bằng sáu cách đau khác nhau. Một người đàn ông đã dùng cái cứng để dựng nên cả một cơ nghiệp, rồi phát hiện chính nó đang giết mình. Một người không hề cứng – anh chỉ sống đúng quy tắc – và bị một cú ngã không báo trước ném xuống nước. Một người thợ tiện giữ mười một cuốn sổ ghi cách làm nghề trong hai mươi bốn năm, rồi phát hiện cái dấu anh khắc trên mạn thuyền vẫn còn nguyên, còn con thuyền thì đã đi từ lâu. Một kỹ sư xây dựng ghi lại sáu mươi mốt lần đời mình đổi chiều, và mỗi lần đều nghe một câu nói giống hệt nhau. Một cô giáo dạy lớp Một hai mươi sáu năm, bị xếp vào thư viện, và đi qua sáu nghề trong ba năm để tìm đường về. Và một kỹ sư cầu đường trẻ, người tin rằng mình đã tìm ra cách đứng đúng chỗ.

Cả sáu đều phải học lại từ đầu một điều rất cũ: nước không đấm đá, nhưng nước ở lại lâu hơn đá.

Và câu hỏi của phần này không phải là "làm sao để mềm". Câu hỏi ấy là: nếu bạn đã cứng suốt đời, và cái cứng ấy là tất cả những gì bạn biết, thì bạn có dám để nó nứt ra một kẽ không?

Chương 10

Răng rụng, lưỡi còn



Răng rụng, lưỡi còn

Ông Chính bảy mươi hai tuổi. Cái bọc sắt trong đầu ông đúc từ năm ba mươi.

Năm 1998, ông lập một hãng điện thoại nội địa với bốn công nhân, một khuôn ép vỏ thuê lại, và một niềm tin duy nhất: muốn sống thì phải cứng. Cái xưởng đầu tiên nằm ở ven một khu công nghiệp phía nam thành phố, mái tôn, mùa hè nóng đến mức nhựa đường mềm ra dưới đế giày. Ông ngủ lại xưởng ba tháng liền, tự tay đóng từng thùng hàng, tự tay ký từng tờ phiếu xuất kho. Hai mươi lăm năm sau, cái tên ấy từng in trên mười triệu chiếc máy bán ra mỗi năm.

Ông tin vào một thứ, và chỉ một thứ: kỷ luật thép. Quy trình phải cứng. Nhân sự phải nghe lời. Sản phẩm phải chuẩn *– hai chữ ấy ông đóng khung, treo giữa sảnh, in đậm, không nghiêng một nét. Nhân viên vào công ty ngày đầu tiên đều được dẫn ra nhìn tấm biển ấy một lần. Ông bảo: đây là cái neo. Bão đến, cái neo giữ thuyền. Không có neo, thuyền trôi.*

Mỗi sáng bảy giờ, ông đến công ty trước tất cả mọi người. Ông đi dọc dãy bàn, hai tay chắp sau lưng, và gõ knuckle xuống mặt kính mỗi khi thấy một mẫu điện thoại đặt sai góc. Tiếng gõ ấy vang lên như nhịp một cái khuôn đang ép – ép mãi, ép mãi, cho đến khi vỏ máy không còn cong mà mặt người bắt đầu nứt. Không ai dám nói gì. Ai cũng cúi đầu, đặt máy đúng vị trí, và chờ tiếng gõ đi qua.

Ông sống một mình trong căn nhà ba tầng cuối một con hẻm. Vợ ông mất sáu năm trước. Con gái ông làm marketing ở thành phố khác, mỗi tháng gọi về một lần, nói được bảy phút thì ông bảo thôi con đi làm đi. *Trong nhà, ông giữ đúng một thứ ngăn nắp tuyệt đối: cái bàn làm việc. Sách xếp theo chiều cao, bút xếp theo màu mực, tờ lịch xé đúng ngày. Ông không nhận ra cái ngăn nắp ấy cũng là một cái khuôn ép – và ông đang ép chính mình.*

Có một thói quen khác của ông mà không ai ở công ty biết. Mỗi tối, trước khi ngủ, ông mở tủ lạnh, lấy ra một hộp sữa chua, và ăn một mình ở bàn bếp. Ông ăn rất chậm, hết mười lăm phút. Đó là mười lăm phút duy nhất trong ngày ông không ra lệnh, không quyết định, không gõ knuckle. Ông không gọi nó là gì cả. Ông chỉ biết: nếu một ngày nào đó ông không ăn hộp sữa chua ấy, thì có lẽ ông đã thật sự gãy.

Ba năm nay, thị phần tuột. Mười tám phần trăm, rồi chín, rồi sáu. Báo cáo quý nào cũng đỏ hơn quý trước, và ông phản ứng theo đúng bản năng cũ: siết chặt. Thêm một quy trình kiểm soát. Thêm một tờ trình xin phép. Thêm một buổi họp sáng bảy giờ mà không ai được phép vắng.

Buổi họp sáng thứ Năm tuần ấy, Trang giơ tay.

Trang hai mươi bảy tuổi, phụ trách nghiên cứu người dùng. Cô vào công ty hai năm, và cô là người duy nhất trong phòng họp dám nhìn thẳng vào mặt ông khi nói.

– Thưa anh, em xin nói thẳng. Sản phẩm của mình đang lỗi thời.

Căn phòng im. Ông Chính đặt bút xuống.

– Cô nói lại xem nào.

– Khách hàng dưới ba mươi không còn mua máy mình vì cấu hình. Họ mua vì cái khác. – Trang hít một hơi. – Họ mua vì cảm giác. Máy mình chụp ảnh xấu, giao diện khó dùng, và cái tên mình gợi cho họ cảm giác… của bố họ.

Một tiếng cười khẽ ở cuối bàn, rồi tắt ngay.

– Chuẩn. – Ông Chính gõ knuckle xuống bàn một cái. – Chúng ta bán chuẩn. *Cô muốn chúng ta bán cái gì? Bán cảm xúc à? Cô có số liệu không, hay đây là cảm giác của cô?*

– Số liệu nằm trong báo cáo em gửi anh từ thứ Hai. – Trang vẫn nhìn thẳng. – Bảy mươi hai phần trăm người dùng rời bỏ máy mình trong sáu tháng đầu vì trải nghiệm, không phải vì giá. Em đã phỏng vấn bốn mươi người. Em có băng ghi âm.

– Băng ghi âm của bốn mươi người không nói lên điều gì. – Giọng ông vẫn đều, nhưng hàm ông đã siết. – Tôi làm nghề này hai mươi lăm năm. Bốn mươi người không đại diện cho mười triệu khách hàng.

– Nhưng bốn mươi người đó đang bỏ đi, thưa anh.

– Cô Trang. – Ông Chính đứng dậy. – Cô về viết lại báo cáo. Có số liệu đầy đủ thì trình. Không có thì đừng đem cảm giác của cô lên bàn họp. – Ông quét mắt quanh phòng. – Còn ai có ý kiến gì nữa không?

Không ai nói gì. Mười bốn cái đầu cúi xuống mười bốn tờ giấy.

Cuối buổi, ông gọi Trang lại và ra một quyết định mà sau này ông nhớ suốt đời: đình chỉ công tác cô ba tuần, chờ xem xét. Lý do ghi trong quyết định: gây mất đoàn kết nội bộ. *Ông ký, đóng dấu, và cho rằng mình vừa gõ một cái knuckle xuống đúng chỗ.*

Ông không hiểu. Cái bọc sắt từng giúp mình vươn lên – ép ra chất lượng, ép ra kỷ luật, ép ra thương hiệu – sao giờ lại ghì chết chính mình. Báo cáo quý ông đọc đi đọc lại, gạch chân những con số đỏ, rồi viết thêm một mệnh lệnh nữa ở cuối trang. Không một mệnh lệnh nào trong số đó trả lời được câu hỏi duy nhất đang kẹt trong đầu ông: người ta không mua máy của mình nữa, là vì máy dở, hay vì mình không còn nghe thấy họ cần gì.

Đêm ấy, ông ngồi trong căn nhà ngăn nắp, xé tờ lịch sang ngày mới, và nghe tiếng knuckle của chính mình gõ trên mặt bàn – một tiếng, hai tiếng, rồi im. Ông không nhận ra rằng suốt hai mươi lăm năm, ông chỉ gõ đúng một nhịp. Cái nhịp ấy đêm nay nghe như tiếng một cái khuôn đang ép vào khoảng không.

Hai ngàn năm trước, Lão Tử đến thăm thầy Thường Trọng lúc già yếu, nằm trên

giường, hơi thở yếu.

Ông lão há miệng ra. Lão Tử nhìn vào đó, rồi hỏi: thầy còn răng không. Thầy lắc đầu. Lão Tử hỏi tiếp: còn lưỡi không. Thầy gật – lưỡi vẫn ở đó, mềm, nằm im giữa hai hàm đã trống. Lão Tử cười: răng cứng nên gãy, lưỡi mềm nên còn. *Ngài kết luận một câu ngắn:* cương dĩ dịch, nhu năng cửu *– vật cứng rắn ắt phải đổi thay mà nát, vật mềm yếu mới tồn tại lâu.*

Người ta không nhớ tên người thầy ấy một cách rõ ràng, cũng không biết ông sống ở đâu. Nhưng hình ảnh thì ở lại: một cái miệng già nua, há ra, trong đó không còn một cái răng nào, và giữa hai hàm trống ấy, cái lưỡi vẫn nằm, vẫn ửng hồng, vẫn nguyên vẹn sau bao nhiêu năm nhai nghiến. Lão Tử không giảng. Ông chỉ nhìn, và để người thầy nhìn lại.

Câu ấy không khen sự yếu đuối. Nó chỉ ra một cơ học: răng cắn, nghiến, đối đầu với mọi thứ cứng hơn nó, nên tự mòn. Lưỡi không đánh ai. Nó nằm yên, chịu đựng những cú cắn của chính hàm răng, và khi hàm răng đã rụng, lưỡi vẫn nói. Sự tồn tại không thuộc về kẻ cứng nhất. Nó thuộc về kẻ không tự vỡ khi va vào thế giới.

Người ta hay đọc câu này như một lời khuyên đạo đức: hãy sống mềm mỏng. Nhưng Lão Tử không dạy đạo đức ở đây. Ông đang nói về vật lý. Hàm răng và cái lưỡi nằm cùng một cái miệng, chịu cùng một áp lực, cùng một thời gian. Răng cứng hơn, nên răng gánh va chạm trước; gánh mãi thì gãy. Lưỡi mềm hơn, nên nó nhường; nhường nên nó không gãy. Đây không phải chuyện tốt xấu. Đây là chuyện ai chịu được lâu hơn.

Ông Chính, hai mươi lăm năm trước, đã chọn làm răng. Ông không hề sai khi chọn. Trong một cái miệng non, răng phải cứng thì mới nhai được. Nhưng cái miệng ấy đã già. Và cái hàm của thời đại – thứ nghiến vào mọi thứ không kịp uốn – thì không rụng theo tuổi. Nó rụng theo độ cứng.

Thế giới ông Chính đang sống có tên trong quản trị: VUCA – biến động, bất định, phức tạp, mơ hồ. Bốn chữ ấy tóm một sự thật: không ai đoán được tháng sau. Và chính sự không đoán được ấy trừng phạt sự cứng nhắc.

Nokia, năm 2007, chiếm bốn mươi phần trăm thị trường điện thoại thế giới. Một thập kỷ sau, mảng thiết bị bán lại cho Microsoft với giá bằng một phần nhỏ đỉnh cao. Không phải vì máy Nokia dởm. Vì bộ máy cứng quá – quy trình phê duyệt dày, cấp bậc kề nhau, không ai dám xoay một góc khi thị trường đã rẽ sang smartphone. Kodak phát minh ra máy ảnh kỹ thuật số từ năm 1975, rồi cố bảo vệ phim nhựa đến cùng, nộp đơn phá sản năm 2012. Blockbuster từ chối mua Netflix với giá bốn mươi chín triệu đô năm 2000 – nay Netflix là cả một dòng chảy, còn Blockbuster là một từ trong từ điển của người già.

Cái chết của những đế chế ấy không đến từ một đối thủ mạnh hơn. Nó đến từ một cơ chế có thể gọi là tự mòn do cứng. *Một hệ thống càng nhiều lớp phê duyệt, càng nhiều quy trình, càng nhiều thứ phải* chuẩn, *thì khi thế giới đổi hướng, nó càng mất nhiều thời gian để xoay. Mà trong thời buổi mọi thứ đổi mỗi mùa, thời gian chính là mạng sống. Nokia không bị đánh bại trong một trận. Nó tự khoá mình trong một quy trình đủ cứng để không ai dám phá, và chờ cho thế giới đi qua.*

Có một cặp đối chiếu đáng nhớ. Cùng đứng trước cơn lốc số hóa, Kodak – kẻ phát minh ra máy ảnh kỹ thuật số – phá sản; còn Fujifilm – kẻ bị cho là chậm chạp hơn – vẫn sống. Khác biệt không nằm ở công nghệ. Fujifilm nhận ra rằng hóa chất dùng để tráng phim có thể dùng cho mỹ phẩm, và cái năng lực tráng phim có thể chuyển sang thiết bị y tế. Nó không bảo vệ cái cũ. Nó để cái cũ biến thành cái khác. Cái cứng chết vì bảo vệ hình dạng. Cái mềm sống vì dám đổi hình dạng.

Cứng rắn từng là đức tính. Trong thời buổi đổi chậm, cái cứng giữ hình dạng, giữ chất lượng, giữ danh tiếng. Nhưng khi dòng chảy thời đại tăng tốc, cái cứng không còn kịp uốn. Nó vỡ. Ông Chính siết chặt, thì công ty nứt – cũng như Nokia siết chặt, thì đế chế nứt. Bọc sắt không cứu được ai trước dòng chảy. Nó chỉ làm cho cú ngã êm hơn một chút, rồi thôi.

Và trong cái cơ chế ấy, người ta thường bỏ sót một thứ: cái giá phải trả không chỉ là thị phần, mà là những con người bị đẩy ra ngoài. Trang bị đình chỉ ba tuần. Ba tuần ấy, cô không ngồi không. Cô gọi lại bốn mươi người cô từng phỏng vấn, xin lỗi vì báo cáo của mình chưa đủ nặng, rồi xin nghỉ việc. Cô mang theo cái băng ghi âm – thứ mà một cái hàm răng cứng đã nghiến cho cùn.

Một chiều, ông Chính gọi thư ký hủy buổi họp sáng hôm sau – lần đầu trong hai mươi năm.

Nguyên nhân nằm trong một mẩu tin ông vô tình đọc trên điện thoại, khi đang chờ thang máy. Một hãng khởi nghiệp mới công bố dòng điện thoại dành cho người trẻ. Tiêu đề bài báo: "Chiếc máy biết bạn đang buồn". *Điện thoại ấy đổi giao diện theo tâm trạng người dùng, chụp ảnh bằng một thuật toán làm mềm da, và cái tên sản phẩm nghe như tên một người bạn. Ông đọc tiếp phần phỏng vấn nhà sáng lập. Một cô gái hai mươi bảy tuổi. Tên Trang.*

Ông Chính đứng im trong thang máy, ngón tay cái vẫn giữ nguyên trên màn hình, cho đến khi cửa mở mà ông không bước ra. Ông không giận. Ông không thấy bị phản bội. Ông chỉ thấy một cái gì đó lạnh chạy dọc sống lưng: hóa ra cái lang mang *mà ông từng gọi là vô dụng, cái* cảm giác *mà ông từng nghiến cho cùn, lại là thứ thị trường đang chờ. Ông đã có nó trong tay. Ông đã đuổi nó đi.*

Ông về phòng, cầm tờ báo cáo quý, những con số đỏ ông từng gạch chân, và không gạch thêm nữa. Ông để tờ giấy xuống bàn, lật ngửa, như thể đang úp một ván bài mình đã thua mà không muốn xem lại. Rồi ông mở máy tính, gõ một dòng thư xin lỗi gửi Trang. Ông gõ, xóa, gõ lại, xóa. Mỗi lần xóa, ông nghe tiếng knuckle của chính mình trong đầu. Ba mươi năm, ông chỉ gõ được một câu: tôi đúng. *Đêm nay, ông phải học gõ một câu khác:* tôi đã sai. *Bốn chữ, mà ông viết mất bốn mươi phút.*

Thầy Thường Trọng mở miệng ra, mà chỉ còn đúng một câu:

Vật cứng rắn thì chết, vật mềm yếu thì sống.

Ông Chính đọc câu ấy không bằng mắt. Ông nhớ chiếc miệng há của thầy Thường Trọng – hai hàm trống, chỉ còn lưỡi. Rồi ông nhận ra một điều khiến ông ngồi im rất lâu: không phải thị trường quay lưng với ông. Chính cái cứng rắn của ông – những mệnh lệnh, những khuôn ép, những cái gõ knuckle xuống mặt kính – đã đẩy thị trường đi. Răng nghiến vào không khí, tự mòn, và tưởng rằng thế giới là kẻ thù.

Ông bấm gửi. Bức thư dài mười một dòng, và dòng cuối cùng không có chữ nào ngoài một cái tên: Trang. *Ông tắt máy tính, đứng lên, và lần đầu sau ba năm, rời công ty trước khi mặt trời tắt mà không để lại một tờ trình nào.*

Tuần sau, ông Chính họp ban lãnh đạo không phải để ra thêm mệnh lệnh, mà để ngồi nghe. Ông đặt một câu hỏi duy nhất lên bàn, rồi im lặng suốt hai tiếng: điều gì chúng ta đang làm mà không ai dám nói là sai? *Mười bốn người, ban đầu không ai dám mở miệng. Rồi một người nói. Rồi người thứ hai. Đến cuối buổi, trên bảng có mười một gạch đầu dòng, và không một gạch nào do ông viết.*

Chiều hôm ấy, ông Chính đi một mình xuống xưởng. Ông đứng bên dây chuyền, nhìn những cánh tay máy lặp đi lặp lại một động tác, và nhớ lại buổi đầu tiên hai mươi lăm

năm trước, khi ông cùng bốn công nhân đứng quanh cái khuôn ép vỏ, mồ hôi nhỏ xuống nền xi măng. Hồi đó ông cũng ra lệnh, cũng gõ knuckle. Nhưng hồi đó, sau mỗi lệnh, ông còn hỏi một câu: làm được không? *Câu hỏi ấy biến mất từ năm nào, ông không nhớ. Có lẽ nó biến mất đúng vào lúc công ty bắt đầu lớn – khi hỏi nhiều quá thì chậm, mà chậm thì chết. Ông đứng đó rất lâu, và lần đầu tiên, ông thấy tiếc cái thời mình còn phải hỏi.*

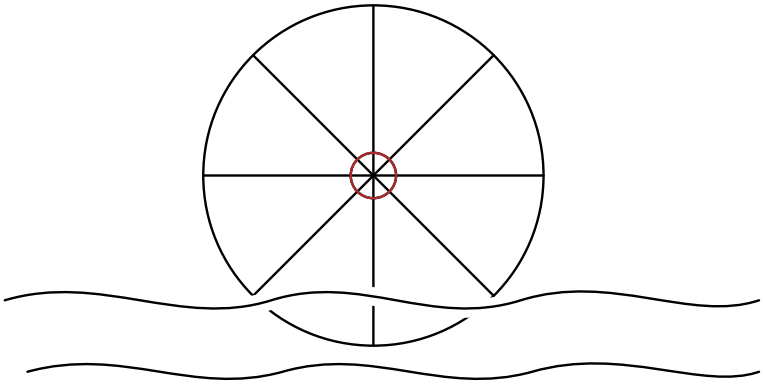
Trang không trở lại. Cô có công ty riêng, có người đầu tư, có một dòng sản phẩm đang chạy. Ông Chính không xin cô về. Ông chỉ gửi một tin nhắn ngắn, nói rằng báo cáo của cô năm ấy là đúng, và rằng nếu cô cần một nhà máy để sản xuất, nhà máy của ông sẵn sàng. Trang trả lời một chữ: Vâng. *Ông đọc chữ ấy ba lần, rồi cất điện thoại.*

Cái bọc sắt nứt ra một kẽ. Qua kẽ ấy, công ty thở được. Không phải vì ông Chính mềm yếu hết, mà vì ông ngừng nghiến. Ông vẫn dậy sớm, vẫn đi dọc dãy bàn – nhưng tay ông không còn gõ knuckle. Ông chỉ đứng lại, nhìn, và đôi khi hỏi một câu. Người trong công ty mất mấy tuần mới quen với sự im lặng mới ấy. Có người bảo ông già rồi, hết gắt. Không ai hiểu: ông không hết gắt. Ông chỉ chuyển từ cái răng sang cái lưỡi.

Ông không cứu được thị phần cũ. Con số vẫn đỏ, và có thể đỏ mãi. Nhưng ông cứu được cái khả năng còn sống sót – thứ mà tấm biển chuẩn *treo giữa sảnh chưa bao giờ dạy ông. Ông Chính bảy mươi hai tuổi, hàm đã trống, và lần đầu tiên trong đời, ông nhận ra mình còn một cái lưỡi. Nó mềm. Nó nằm im. Và nó vẫn còn nói được.*

Chương 11

Khi cỗ xe ngựa đi qua vũng lầy



Bánh xe trong vũng lầy

Hà bốn mươi tuổi, và email đến lúc chín giờ sáng – giờ anh vừa ngồi vào bàn, vừa bóc một gói xôi, chưa kịp cắm sạc laptop.

Tiêu đề không có gì đặc biệt. Nội dung có: Hiệu lực ngay lập tức. *Mười năm anh cống hiến cho công ty ấy – từ lúc nó còn bốn mươi người, đến lúc bảy ngàn – giờ gói gọn trong mười một dòng, với một ô checkbox "đã hiểu" cuối thư mà hệ thống tự tích thay anh.*

Anh đọc đi đọc lại bảy lần, như thể đọc sai ở lượt thứ tám thì nó sẽ đổi nghĩa.

Trước cái email ấy, cuộc đời Hà là một chuỗi những thứ có thể đoán trước. Sáu giờ ba mươi dậy, pha cà phê phin, đưa con gái lớn đi học, ghé qua chợ mua đồ ăn sáng cho vợ và đứa nhỏ. Bảy giờ bốn mươi lăm có mặt ở công ty. Anh là người đàn ông giữ đúng giờ, giữ đúng lời, giữ đúng một căn hộ trả góp mười lăm năm ở quận ven. Anh tin rằng chỉ cần sống đúng quy tắc, thì mọi thứ sẽ ổn. Anh đã tin như thế suốt hai mươi năm, và suốt hai mươi năm ấy, anh chưa từng sai một lần nào đáng kể.

Đến chín giờ sáng hôm ấy, niềm tin ấy vỡ.

Ngón tay anh run, không phải vì lạnh, mà vì cái khoảng trống mười năm bỗng dưng lộ ra: anh không biết ngày mai mình làm gì. Rồi bản năng kháng cự trỗi dậy. Trong bốn mươi phút, anh gửi mười chín thư – năm cho sếp trực tiếp, bốn cho HR, ba cho đồng nghiệp cũ có thể nói hộ, bảy cho những người anh tưởng là bạn. Mỗi thư dài hơn thư trước, mỗi thư khẳng định mình vẫn cần thiết, mỗi thư hứa sẽ làm nhiều hơn, rẻ hơn, ngoan hơn. Anh vùng vẫy. Và mỗi cái vùng vẫy ấy chỉ đẩy anh sâu hơn vào dòng nước đã bắt đầu cuốn.

Đến trưa, không một thư hồi âm. Anh gọi cho người anh tin nhất – một người anh em cùng phòng, người mà sáu tháng trước còn vay anh hai mươi triệu không lấy lãi.

– Alo, Hà hả? – Giọng bên kia có tiếng ồn của một quán nhậu. – Nghe nói rồi. Thôi cũng… cũng phải chịu, ông ạ. Công ty giờ nó vậy.

– Mình muốn hỏi cậu xem bên cậu có…

– Bên mình cũng đang cắt. – Người kia ngắt lời, nhanh quá mức cần thiết. – Mà thôi để mình nói chuyện với mấy anh rồi gọi lại nhé. Nhậu cái đã. Bận lắm.

Cuộc gọi kết thúc trong bốn mươi giây. Hà nhìn màn hình, và hiểu rằng người ta đã gọi mình bằng tên, nhưng bằng một cái tên khác: người vừa bị thải. *Cái tên ấy truyền nhanh hơn bất kỳ thông báo nào.*

Hộp thư của sếp, anh phát hiện, đã không còn trong danh bạ – tài khoản của anh bị khóa từ lúc chín giờ một phút. Mười chín thư ấy bay vào khoảng không. Anh ngồi nhìn màn hình xám, và lần đầu hiểu thế nào là chìm: không phải nước dâng lên, mà là mình đấm xuống nước càng lúc càng yếu.

Hai ngàn năm trước, Lão Tử dạy một câu về thứ mềm yếu nhất: thượng thiện nhược thủy *– bậc thượng thiện mềm mại như nước.*

Nước ở đâu? Ở chỗ thấp nhất, chỗ bùn nhất, chỗ muôn người ghét. Nó không đòi lên cao. Nó lợi cho vạn vật – tưới cây, rửa bụi, mang thuyền – mà không tranh giành công lao với ai. Cái mềm yếu nhất ấy lại thắng được cái cứng nhất: một tảng đá giữa dòng, nước không đấm vào nó. Nước chảy vòng qua, chờ thời, và sau ngàn năm, tảng đá ấy mòn, nước vẫn trôi. Lão Tử gom lại: thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh *– nước hay lợi cho vạn vật, mà chẳng tranh giành.*

Người ta hay nhớ đến nước khi đứng trước thác. Nhưng nước không chỉ là thác. Nước là một hạt mưa rơi trên mái ngói, chảy xuống rãnh, len qua một khe hở nhỏ, thấm vào đất, chờ ở đó, rồi mùa sau lại bốc lên trời. Không có chặng nào nước đấu với chặng nào. Nước chỉ đi, và đi mãi. Cái sức mạnh của nước không nằm ở chỗ nó mạnh, mà ở chỗ nó không bao giờ dừng.

Điều nước dạy không phải là nhu nhược. Nó là một cơ học khác: đừng đối đầu với dòng chảy bằng lực cứng, vì lực cứng mòn trước. Hãy trở thành dòng chảy. Kẻ cứng đấm vào đá, gãy tay. Kẻ mềm chảy qua đá, mang cả đá đi.

Nhưng có một chỗ người đời hay đọc sai. Người ta tưởng nước là thứ chịu đựng, là nhẫn nhục, là cúi đầu. Không phải. Nước không cúi đầu – nước đi theo. *Nó gặp đá thì vòng, gặp vực thì đổ, gặp nắng thì bốc lên trời rồi mưa xuống chỗ khác. Nước không có hình dạng cố định, nên không có gì bẻ gãy được nó. Cái chết của nước chỉ đến khi nước bị đóng băng – khi nó bị buộc phải giữ một hình dạng cứng.*

Hà, suốt hai mươi năm, đã đóng băng chính mình thành một hình dạng: người cha, người chồng, nhân viên gương mẫu, người trả góp đúng hạn. Hình dạng ấy đẹp, chắc, và bây giờ – khi bị đập vào một tảng đá có tên tái cơ cấu *– nó vỡ thành từng mảnh.*

Cú ngã của Hà không phải cá nhân anh. Meta thông báo cắt mười một ngàn vị trí từ tháng 11 năm 2022; Amazon mười tám ngàn từ tháng 1 năm 2023. Google và Microsoft mỗi bên hàng vạn, chỉ trong vài tháng. Năm 2024, làn sóng ấy chưa dứt. Những cái tên ấy cắt vị trí không phải vì người lao động kém. Họ cắt vì chu kỳ kinh tế, vì tái cơ cấu, vì một bảng tính mới vẽ lại đường biên, và anh rơi ra ngoài. Hà không tệ. Hà chỉ đứng sai chỗ vào sai lúc.

Tâm lý học gọi phản ứng của anh lúc chín giờ sáng là chiến hay biến *(fight–or–flight) – cơ chế sinh tồn khi đối mặt nguy hiểm. Nhưng khi nguy hiểm là mất việc, và người ta chọn* chiến *(gửi mười chín thư, vùng vẫy chứng minh), phản ứng ấy lại quay thành mạn tính: cortisol dầm dề, giấc ngủ rời rạc, và cái tôi cứ gào đòi được công nhận. Kháng cự*

với nghịch cảnh, thay vì giúp thoát, lại giữ người ta dính chặt vào chính nghịch cảnh ấy.

Nhưng cái cơ chế ấy chỉ là phần nổi. Phần chìm sâu hơn nằm ở chỗ khác: người ta không chỉ mất một công việc. Người ta mất một câu chuyện về chính mình. *Suốt hai mươi năm, Hà kể câu chuyện ấy với mọi người – trong đám cưới, trong đám giỗ, trong những buổi họp lớp:* tôi làm ở công ty X, phụ trách mảng Y. *Câu chuyện ấy giờ không còn ai muốn nghe. Và khi câu chuyện mất, cái Tôi đi kèm câu chuyện cũng lung lay. Đó là lý do anh không chỉ lo về tiền. Anh lo về việc mình là ai khi người ta không còn gọi mình bằng chức danh.*

Bốn tháng sau ngày nhận email, Hà vẫn chưa có việc. Anh gửi hơn ba trăm hồ sơ. Anh đi phỏng vấn mười một lần. Có lần vào đến vòng cuối, gặp một người phỏng vấn trẻ hơn anh mười tuổi, người ấy hỏi: anh nghĩ với tuổi này, anh còn theo kịp bọn em không? *Hà cười, trả lời trôi chảy, về nhà thì ngồi im trong xe hai mươi phút trước khi lên nhà. Anh không kể chuyện ấy cho vợ. Anh chưa kể bất cứ chuyện gì.*

Một tối, khi cả nhà đã ăn cơm xong, vợ anh ngồi xuống cạnh, tay vẫn cầm điện thoại đang mở mấy đơn hàng. Cô nói, không nhìn anh:

– Anh không cần giấu em. Em biết hết rồi.

Hà im.

– Em không giận. – Cô vẫn không nhìn anh. – Em chỉ muốn anh nói với em một câu. Bất cứ câu gì. Anh im lâu quá, em không biết anh còn ở trong nhà này hay không.

Hà mở miệng, định nói anh ổn. *Nhưng câu ấy đã nói dối quá nhiều lần. Anh nói một câu khác:*

– Anh xin lỗi.

Vợ anh đặt điện thoại xuống, và lần đầu sau bốn tháng, cô nhìn thẳng vào mặt anh. Cô không khóc. Cô chỉ gật đầu một cái, rồi đứng dậy đi rửa bát. Nhưng cái gật đầu ấy nặng hơn mọi lời an ủi. Nó nghĩa là: anh vẫn còn ở đây, và em vẫn còn đợi.

Vợ anh biết, dĩ nhiên. Cô biết từ ngày thứ hai, khi thấy anh ngồi ở nhà lúc mười giờ sáng. Cô không hỏi. Cô chỉ nấu cơm nhiều hơn một chút, và bắt đầu nhận thêm việc bán hàng online buổi tối. Có đêm, Hà nghe tiếng vợ gõ bàn phím trong bếp đến một giờ sáng, và anh nằm trên giường, mắt mở, không dám xuống. Anh không dám đối diện với việc người đàn bà ấy đang gánh thay mình.

Và điều Hà sợ nhất không phải là không có tiền. Là một câu hỏi mà mọi người sẽ hỏi anh ở mỗi đám giỗ, mỗi đám cưới, mỗi lần gặp hàng xóm: giờ làm ở đâu rồi? *Câu hỏi ấy nghe vô hại, nhưng nó là một cái máy đo giá trị. Trong một xã hội mà công việc là thẻ căn cước, mất việc nghĩa là mất luôn câu trả lời cho câu hỏi đơn giản nhất. Và người ta thà tránh những đám giỗ còn hơn phải nói "em đang nghỉ".*

Kẻ khôn không đấm vào dòng nước. Nhưng để học được cách nổi, Hà phải chìm trước. Và chìm thì lâu hơn người ta tưởng.

Đêm thứ một trăm hai mươi, Hà ngồi một mình trong bếp. Cả nhà đã ngủ. Anh mở laptop, vào hộp thư nháp – nơi còn bảy thư anh viết dở cho bảy nhà tuyển dụng, những thư anh định gửi tiếp để "cứu" mình. Anh mở từng thư, đọc lướt, rồi đóng lại.

Đến thư thứ bảy, anh dừng lại lâu hơn. Thư ấy viết cho một công ty mà anh từng mơ ước. Anh đọc câu đầu: Kính gửi anh/chị, tôi là một người đã có hai mươi năm kinh nghiệm và hiện đang tìm kiếm cơ hội mới… *Anh đọc đến đó thì dừng. Hai mươi năm kinh nghiệm. Anh tự hỏi: hai mươi năm ấy, rốt cuộc là gì? Là hai mươi năm anh ngồi đúng chỗ người ta bảo, làm đúng việc người ta giao, và chưa từng một lần tự chọn lấy một hướng đi. Anh không có hai mươi năm kinh nghiệm. Anh có một năm kinh nghiệm lặp lại hai mươi lần.*

Anh bôi đen cả bảy thư, đặt ngón tay lên nút xóa, và chần chừ một nhịp. Rồi anh bấm. Bảy thư biến vào thùng rác, như bảy nhát đấm anh thu hồi trước khi tung ra. Hộp nháp trống trơn. Anh ngồi nhìn cái khung trắng ấy – không có gì để đọc, không có gì để chờ, không có ai để cầu xin. Lần đầu sau bốn tháng, anh thấy nhẹ. Không phải nhẹ nhõm. Chỉ là nhẹ – cái nhẹ của một người đã thôi nắm, và để tay mình buông xuống.

Câu về nước thì cũ, và Hà không nhớ mình đọc nó ở đâu:

Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh.

Hà đọc câu ấy trong đầu, không phải bằng mắt. Anh nhớ lại tảng đá giữa dòng – công ty cũ của anh, cứng, to, và giờ nước đã chảy qua, bỏ lại nó. Anh thôi gào thét đòi công bằng. Công bằng không phải kẻ thù để đánh bại. Nó là dòng nước để thuận theo: lúc trồi, lúc lặn, nhưng luôn trôi. Mười chín thư kia, anh hiểu, chỉ là những nắm đấm tóm lấy không khí – chúng chẳng làm nước dừng, mà chỉ làm tay anh mỏi.

Anh tắt máy, xách túi, và lần đầu sau mười năm, về nhà lúc bốn giờ chiều mà không mang theo một cái laptop nào. Nhưng lần này, anh không về nhà để trốn. Anh về để ăn cơm cùng vợ và hai con – một bữa cơm không có laptop, không có điện thoại, không có tin nhắn nào phải trả lời.

Tuần sau, Hà ngừng gửi thư cầu xin.

Anh mở một lớp học nhỏ dạy những gì mình biết – không để làm giàu, chỉ vì một người cũ hỏi, và anh thấy mình còn có thể chia sẻ. Lớp học có bảy người, ngồi trên sàn, uống trà, hỏi những câu không cần KPI nào đo lường.

Nhưng câu chuyện không kết thúc ở đó, và Hà cũng không được phép tin vào một cái kết đẹp. Trong số bảy người ấy có một đối tác cũ. Họ uống trà, nói chuyện ba tiếng, và chia tay bằng một cái bắt tay. Người ấy nói: để tôi về bàn với mấy anh. *Hà chờ. Một tuần. Hai tuần. Một tháng. Không có gì đến. Người ấy nhắn một tin:* anh em đang thắt lưng, khi nào có dự án mình gọi. *Hà trả lời:* Vâng. *Anh đọc lại tin nhắn ấy và nhận ra nó giống hệt cuộc gọi bốn tháng trước, chỉ khác là lần này anh không thấy đau.*

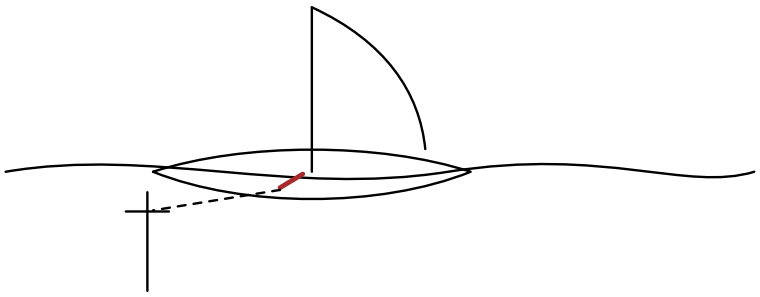
Sáu tháng sau, Hà vẫn chưa có việc làm đúng nghĩa. Anh dạy thêm hai lớp, làm vài việc tự do, thu nhập bằng một phần ba ngày trước. Căn hộ trả góp vẫn treo trên đầu. Đôi khi anh vẫn tỉnh dậy lúc ba giờ sáng, và cái khoảng trống mười năm vẫn ở đó, chờ anh. Anh không đuổi nó đi nữa. Anh nằm im, nghe tiếng vợ thở đều bên cạnh, và để cho cái khoảng trống ấy trôi qua.

Cỗ xe ngựa đã qua vũng lầy. Hà còn nguyên, ướt, nhưng nguyên. Anh không tìm lại được công ty cũ. Anh cũng không tìm được một công ty mới để thay thế. Cái anh tìm được là một cơ học nhỏ hơn, khó hơn, và bền hơn: anh học được cách nổi – không phải để tới bờ, mà để không chìm trong khi bờ chưa hiện ra.

Nước không thắng đá. Nước chỉ ở lại lâu hơn đá. Và đôi khi, thế là đủ.

Chương 12

Cái dấu khắc trên mạn thuyền



Dấu khắc còn, gươm đã đi

Bình vào xưởng cơ khí năm hai mươi ba tuổi, và năm nay anh bốn mươi bảy.

Hai mươi bốn năm, một cái máy tiện, một bộ cờ-lê, một ngăn tủ sắt có ổ khóa. Trong ngăn tủ ấy có mười một cuốn sổ. Cuốn nào cũng loại bìa cứng, giấy kẻ ô, chữ nhỏ, viết bằng bút bi xanh.

Trong sổ, Bình ghi mọi thứ. Anh ghi cách nghe tiếng máy để biết bạc đạn sắp hỏng: tiếng rít nhẹ ở tốc độ 1.200, nghe như muỗi, phải thay trong hai ngày. *Anh ghi cách đọc màu phoi:* phoi vàng sẫm là dao cùn. *Anh ghi mỗi lần máy kẹt, nguyên nhân, cách xử lý, thời gian xử lý. Anh ghi cả những lần anh đoán sai.*

Anh bắt đầu viết từ năm thứ ba. Không ai bảo anh viết. Anh viết vì một lần anh quên mất cách xử lý một cái kẹt mà anh đã từng gặp, và anh mất bốn tiếng.

Anh gọi cuốn sổ là sổ tay nghề. *Đến năm hai mươi bốn, nó là tài sản quý nhất của anh, quý hơn cả căn nhà. Có lần một công ty khác mời anh về lương gấp rưỡi. Anh không đi, nhưng anh khoe cuốn sổ, như một người khoe con.*

Tháng Tư, xưởng nhận một dây chuyền mới.

Nhà máy lắp ba cánh tay máy ở phân đoạn anh phụ trách. Không ai nói với anh rằng anh sẽ bị thay. Họp triển khai, người ta nói về nâng cao năng suất, *về* chuyển đổi số, *về* đồng hành cùng người lao động. *Anh ngồi nghe và ghi chép, như mọi cuộc họp khác.*

Tối hôm ấy, Bình về nhà, mở ngăn tủ sắt, lấy cuốn sổ thứ mười một ra, và bắt đầu viết lại toàn bộ quy trình của mình từ đầu.

Anh viết đến một giờ sáng. Anh nghĩ: mình phải ghi cho hết, phòng khi.

Cái phòng khi *ấy, anh không nói rõ với chính mình là phòng khi cái gì.*

Lã Thị Xuân Thu kể một chuyện ngắn về một người nước Sở.

Người ấy đi thuyền qua sông. Giữa dòng, thanh gươm của anh ta tuột khỏi thắt lưng, rơi xuống nước.

Anh ta không lặn xuống tìm. Anh ta lấy dao, khắc một dấu lên mạn thuyền, đúng chỗ thanh gươm rơi. Rồi nói: Gươm ta rơi ở đây.

Thuyền đi tiếp. Đến bờ bên kia, người ấy lặn xuống, ngay dưới cái dấu khắc, để tìm gươm.

Không có gì cả.

Sách viết một câu mà người đời sau vẫn nhắc: Thuyền đã đi rồi mà gươm không đi, tìm gươm như thế, chẳng phải lạ ru?

Người ta kể câu này để cười một kẻ ngốc. Nhưng đọc kỹ thì người nước Sở kia không ngốc chút nào.

Anh ta đã làm đúng mọi bước của một người nghiêm túc. Anh ta xác định đúng vị trí. Anh ta ghi lại vị trí ấy bằng một dấu mốc. Anh ta không quên. Anh ta không lười. Đến bờ, anh ta thực hiện đúng cái việc cần làm.

Điều duy nhất anh ta không tính đến là: cái sàn mà anh ta đứng trên đó đang di chuyển.

Và đây mới là chỗ đau: nếu con thuyền đứng yên, vết khắc của anh ta là một phương pháp hoàn hảo. Anh ta đã xây một hệ thống đúng. Nó chỉ đúng với một thế giới không chuyển động.

Bình làm một việc mà anh tưởng là giữ nghề. Thật ra anh đang làm một việc khác, và cái việc ấy có tên trong các tài liệu quản trị.

Các nhà nghiên cứu về tổ chức gọi nó là chuyển kiến thức ngầm thành kiến thức viết. *Kiến thức ngầm là những gì một người biết nhưng không nói ra được – cái cách nghe tiếng máy, cái cách đặt tay lên cần gạt, cái cách biết hôm nay máy sắp hỏng dù nó chưa kêu. Những thứ ấy nằm trong tay, trong tai, trong thân thể người thợ. Không ai lấy được nó khỏi người thợ.*

Kiến thức viết thì khác. Một khi nó đã nằm trên giấy, nó không còn thuộc về ai nữa.

Mười một cuốn sổ của Bình là một kho tàng kiến thức viết. Hai mươi bốn năm, anh đã chuyển hóa gần như toàn bộ cái tay *của mình thành* chữ. *Anh làm việc ấy cẩn thận đến mức đáng nể.*

Và cái ngành công nghiệp tự động hóa không cần gì khác ngoài chữ.

Năm hai nghìn mười chín, một nhóm kinh tế gia công bố một nghiên cứu về robot công nghiệp ở Hoa Kỳ, dùng dữ liệu từng vùng trong mười bảy năm. Họ tính ra: cứ thêm một robot cho mỗi một nghìn lao động, tỉ lệ việc làm trong vùng ấy giảm khoảng hai phần nghìn, và tiền lương giảm khoảng nửa phần trăm.

Con số nghe nhỏ. Nhưng nó cộng dồn. Và nó không rải đều: nó rơi hết xuống đúng những người làm những công việc có quy trình rõ ràng, lặp lại, đo đếm được.

Nói cách khác: cái nghề nào dễ viết ra thành quy trình nhất thì cái nghề ấy dễ bị thay nhất. Và người viết quy trình cẩn thận nhất là người cầm chắc cái tờ giấy mô tả chính công việc của mình, đưa lên, và nói: đây, nó đây, làm đúng thế này là được.

Ba tháng sau ngày lắp dây chuyền, Bình được giao một nhiệm vụ mới, và nhiệm vụ ấy được gọi là một cơ hội: anh được phân công chuẩn hóa quy trình *cho phân đoạn mới.*

Nghĩa là: chuyển mười một cuốn sổ tay nghề vào phần mềm.

Anh làm. Anh làm rất tốt. Anh làm mất bảy tháng.

Người ta khen anh. Người ta nói anh là người có tinh thần học hỏi, thích ứng nhanh, đi đầu trong chuyển đổi số.

Tháng Mười một, dây chuyền mới chạy ổn định, và phân đoạn của Bình giảm từ mười bốn người xuống bốn.

Bình không bị sa thải. Anh ở lại, trong bốn người ấy. Anh được chuyển sang bảo trì.

Công việc mới của anh là chăm sóc ba cánh tay máy. Anh tra dầu, anh kiểm tra cáp, anh vệ sinh cảm biến, anh gọi kỹ thuật viên khi có lỗi. Mỗi ngày, anh đứng trước cái máy đang làm chính công việc anh từng làm, và anh giữ cho nó chạy.

Một buổi chiều, anh mở phần mềm của dây chuyền, mở mục quy trình chuẩn*, và đọc.*

Đó là mười một cuốn sổ của anh. Đã được dịch thành các bước, thành tham số, thành ngưỡng cảnh báo. Tiếng rít nhẹ ở tốc độ 1.200 *đã thành một cảm biến rung, đặt ở ngưỡng 0,4 mi-li-mét trên giây.* Phoi vàng sẫm là dao cùn *đã thành một bộ đếm số lần cắt, đặt ở mức hai nghìn hai trăm.*

Bình đọc hết. Anh không giận. Anh chỉ thấy một cái gì đó rất lạnh ở trong ngực, như khi ta mở cửa nhà mình và thấy người khác đã dọn đồ đạc của mình sang một chỗ khác, ngăn nắp hơn.

Anh hiểu ra điều này: anh không bị thay bởi một cái máy. Anh bị thay bởi chính mình.

Mười một cuốn sổ ấy là công trình của anh. Và cũng là bản thiết kế để loại anh ra khỏi công trình ấy. Không ai lấy trộm nó. Anh tự tay trao nó. Người ta gọi cái việc trao ấy là chia sẻ kinh nghiệm*, là* tinh thần tập thể*, là* đóng góp cho tổ chức.

Lã Thị Xuân Thu để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Chu dĩ hành hĩ, nhi kiếm bất hành, cầu kiếm nhược thử, bất diệc hoặc hồ? – *Thuyền đã đi rồi mà gươm không đi, tìm gươm như thế, chẳng phải lạ ru?*

Bình ngồi trong phòng bảo trì, trước màn hình xanh, và lần đầu tiên anh hiểu ra người nước Sở kia đã sai ở đâu.

Anh ta không khắc dấu sai chỗ. Anh ta khắc dấu rất đúng chỗ.

Anh ta chỉ đứng trên một con thuyền.

Bình vẫn làm ở xưởng. Anh bốn mươi bảy tuổi, còn tám năm nữa tới tuổi nghỉ hưu, và bảo trì là một công việc tốt hơn nhiều so với phần lớn những gì người ta có thể làm cho một người thợ bốn mươi bảy tuổi.

Anh không giận ai. Anh cũng không giận mình. Giận mình là một thứ xa xỉ, và anh không có thì giờ cho nó.

Nhưng anh làm một việc nhỏ.

Anh ngừng viết sổ. Từ tháng Mười một, cuốn sổ thứ mười một nằm im ở trang cuối. Anh không mở cuốn thứ mười hai.

Anh vẫn mang cuốn sổ đến xưởng, để trong ngăn tủ sắt, khóa lại. Anh không dùng nó để tra cứu nữa – bây giờ máy tra giúp anh, nhanh hơn, chính xác hơn. Anh mang nó đến chỉ để nó ở đó.

Mỗi sáng, trước khi bấm nút cho dây chuyền chạy, Bình đứng lại ba giây.

Ba giây ấy, anh đứng ở một chỗ rất cụ thể: bên trái cánh tay máy thứ nhất, cách chân đế khoảng một mét. Ngày xưa, chỗ ấy là chỗ anh đứng suốt tám tiếng. Và cũng là chỗ, cách đây hai mươi bốn năm, một lần anh làm rơi cái cờ-lê mười hai xuống gầm máy, và không lấy lên được.

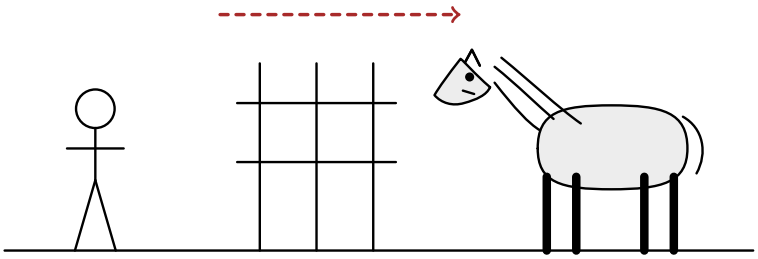
Anh không nói gì trong ba giây ấy. Anh chỉ đứng.

Anh không còn tìm thanh gươm nữa. Anh biết nó đã đi cùng dòng nước, từ lâu rồi, và biết nó ở đâu cũng không làm gì được.

Nhưng mỗi sáng, anh vẫn đứng ba giây ở chỗ cái dấu khắc cũ – cái chỗ mà anh biết thanh gươm đã rơi xuống, và cái chỗ mà, hai mươi bốn năm sau, không còn ai trên đời nhớ nó từng ở đó.

Chương 13

Biết đâu chẳng là phúc



Mất ngựa, và một câu nói

Vũ là kỹ sư xây dựng, ba mươi chín tuổi, và anh có một danh sách trong điện thoại.

Danh sách ấy không có tiêu đề. Nó chỉ là một dãy dòng, mỗi dòng ghi một ngày và một cái tên. Dòng đầu tiên là ngày mười bảy tháng Ba. Dòng cuối cùng là ngày thứ Hai tuần trước.

Anh đếm: sáu mươi mốt dòng.

Sáu mươi mốt lần, trong bốn năm, có người nói với anh một câu. Câu ấy là: biết đâu chẳng là phúc.

Chuyện bắt đầu tháng Ba, khi công ty xây dựng của Vũ giải thể.

Anh làm ở đó mười một năm, từ kỹ thuật viên lên chỉ huy trưởng một công trường. Công ty nhận ba dự án cùng lúc, vay ngân hàng, chủ đầu tư chậm thanh toán, rồi một dự án bị đình. Đến tháng Ba thì không còn tiền trả lương. Giám đốc gọi cả công ty vào, nói mười hai phút, khóc, rồi ký giấy chấm dứt hợp đồng cho bốn mươi ba người.

Tối hôm ấy, vợ Vũ nói: thôi thì anh nghỉ mấy tháng, anh chạy công trình mười một năm rồi, có năm nào được nghỉ Tết đâu.

Hôm sau, ông bố vợ gọi điện: biết đâu chẳng là phúc con ạ.

Tháng Tư, Vũ nhận tiền trợ cấp thôi việc: bốn tháng lương, chín mươi sáu triệu. Anh em trong công trường nhắn tin: chúc mừng, được đền bù ngon vậy.

Tháng Sáu, anh mở một tiệm sửa xe máy.

Anh bỏ ra một trăm bốn mươi triệu: thuê mặt bằng, sơn sửa, mua máy nén khí, mua đồ nghề, mua một cái cầu nâng cũ. Anh thuê một thợ phụ hai mươi hai tuổi. Tiệm nằm ở một con đường có nhiều công nhân đi qua.

Tháng thứ ba, tiệm lãi. Tháng thứ sáu, Vũ đứng quầy từ sáu giờ sáng tới tám giờ tối, và tháng ấy anh cầm về hai mươi lăm triệu.

Ông bố vợ gọi điện: đấy, tôi nói có sai đâu. Trong rủi có may.

Tháng Ba năm sau, chủ nhà báo trước ba mươi ngày: ông lấy lại mặt bằng, cho người khác thuê giá cao hơn bốn triệu.

Vũ bán lại đồ nghề được mười lăm triệu. Cái cầu nâng bán cho một tiệm ở Hòa Khánh được sáu triệu, mà hồi mua là hai mươi hai.

Tháng Năm, anh nhận làm giám sát cho một công trình ở Quảng Ngãi, cách nhà một trăm ba mươi cây số. Lương hai mươi hai triệu. Anh đi sớm thứ Hai, về tối thứ Sáu. Vợ anh ở nhà với đứa con đang học lớp chín.

Đêm trước ngày anh đi, ông bố vợ gọi điện: đi xa cũng có cái hay con ạ. Biết đâu chẳng là phúc.

Vũ ghi dòng thứ hai mươi ba vào danh sách.

Anh không ghi vì giận. Anh ghi vì một câu hỏi bắt đầu lặp lại trong đầu anh mỗi lần anh nghe câu ấy: biết đâu là phúc – nhưng phúc của ai.

Hoài Nam Tử, hơn hai nghìn một trăm năm trước, kể chuyện một ông già sống gần biên giới, người ta gọi ông là Tái ông.

Một hôm, con ngựa của ông chạy sang đất Hồ. Hàng xóm đến an ủi ông.

Ông nói: Biết đâu chẳng là phúc?

Mấy tháng sau, con ngựa ấy trở về, dẫn theo một con ngựa Hồ. Hàng xóm đến chúc mừng.

Ông nói: Biết đâu chẳng là họa?

Con trai ông thích cưỡi ngựa. Một hôm nó ngã, gãy xương đùi. Hàng xóm đến an ủi.

Ông nói: Biết đâu chẳng là phúc?

Năm sau, người Hồ kéo sang đánh. Đàn ông trong làng phải ra trận, chết đến chín phần mười. Con trai ông vì què nên ở nhà, cha con còn nguyên.

Chuyện đến đó là hết. Và hơn hai nghìn năm nay, người ta kể nó như một bài học về sự bình thản: đừng vội mừng, đừng vội buồn, vì ta không biết đâu là phúc, đâu là họa.

Nhưng có ba chỗ mà người kể thường bỏ qua.

Chỗ thứ nhất: câu chuyện dừng lại ở chỗ có lợi cho bài học. Nếu kể thêm mười năm nữa thì sao? Người con vẫn què. Ông già rồi cũng chết. Cuộc chiến ấy kết thúc thế nào, và sau đó làng ấy ra sao. Người ta dừng ở chỗ con trai sống sót, vì đó là chỗ câu chuyện trở thành một bài học.

Chỗ thứ hai: không ai hỏi người con trai nghĩ gì. Cậu ta là người duy nhất trong câu chuyện phải chịu cái giá, và cậu ta không được nói một câu nào.

Chỗ thứ ba, và là chỗ quan trọng nhất: Tái ông nói biết đâu chẳng là phúc *hai lần, và nói* biết đâu chẳng là họa *một lần. Ông nói câu ấy với cả hai chiều. Ông không dùng nó để an ủi ai. Ông dùng nó để từ chối tham gia vào cái trò gán nghĩa cho mọi việc.*

Người đời sau lấy câu ấy và chỉ dùng một nửa. Họ dùng nó khi thấy người khác đau.

Vì sao người ta hay nói câu ấy đến vậy? Có một câu trả lời trong tâm lý học.

Năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, một nhà tâm lý học ở Hoa Kỳ làm một thí nghiệm đơn giản. Ông cho sinh viên đọc mô tả một sự kiện lịch sử, trong đó có một đoạn mơ hồ khiến kết quả khó đoán. Ông hỏi nhóm thứ nhất: xác suất để việc ấy xảy ra là bao nhiêu.

Nhóm thứ hai được cho biết kết quả đã xảy ra, rồi cũng được hỏi đúng câu ấy.

Nhóm thứ hai đoán xác suất cao hơn hẳn. Khi biết kết quả, người ta thấy kết quả ấy có vẻ tất yếu.

Nhà tâm lý học gọi đó là thiên kiến nhìn lại. *Nó không phải sự giả vờ. Người ta thật sự không nhớ được rằng mình đã từng không biết. Cái biết mới ghi đè lên cái không biết cũ, và xóa dấu.*

Rồi có một thiên kiến thứ hai, lớn hơn. Các nhà nghiên cứu về trí nhớ nhận ra rằng con người có một nhu cầu rất mạnh: biến chuỗi sự kiện rời rạc thành một câu chuyện

có ý nghĩa. Khi nghe một danh sách, ta nhớ ít. Khi nghe một câu chuyện, ta nhớ nhiều, và ta còn thêm vào đó một ý nghĩa mà câu chuyện không hề có.

Nghĩa là: sau khi một việc xảy ra, bộ não ta tự động dựng lại quá khứ thành một con đường dẫn tới nó. Con đường ấy trông rất rõ, rất hợp lý. Nhưng nó được vẽ sau, bằng bút chì, và người vẽ là ta.

Rồi đến chỗ đau nhất, và cũng là chỗ được nghiên cứu nhiều nhất.

Trong nhiều thập niên, các nhà tâm lý học ghi nhận rằng rất nhiều người, sau một biến cố lớn, nói rằng họ đã trưởng thành hơn, mạnh hơn, hiểu đời hơn. Người ta gọi đó là sự trưởng thành sau sang chấn.

Nhưng đến khoảng năm hai nghìn chín, một nhóm nghiên cứu làm một việc mà ít ai làm: họ không chỉ hỏi người ta tự đánh giá. Họ so cái tự đánh giá ấy với những đo lường khách quan, theo dõi người ta trước và sau biến cố.

Kết quả: phần lớn người báo cáo mình trưởng thành thì các chỉ số khách quan không cho thấy điều đó. Họ thấy mình mạnh hơn, nhưng họ không mạnh hơn. Cái họ có là một câu chuyện đẹp hơn về chính mình.

Không ai nói câu chuyện ấy là xấu. Nó giúp người ta sống tiếp. Nhưng nó không phải một bản ghi về sự thật. Nó là một bản ghi về nhu cầu của con người: ta cần đời mình có nghĩa.

Và trong bốn năm, Vũ nhận ra một điều mà không nghiên cứu nào nói với anh, vì anh thấy nó bằng số đếm.

Trong sáu mươi mốt lần có người nói với anh biết đâu chẳng là phúc*, không có lần nào là lúc anh đang vui.*

Không ai đứng trước cái tiệm sửa xe đang lãi hai mươi lăm triệu một tháng và nói: biết đâu chẳng là họa. *Không ai nói câu ấy với anh vào tháng thứ sáu.*

Câu ấy chỉ được nói khi anh đau.

Tháng Chạp, Vũ về quê ăn giỗ.

Trong bữa, một người chú hỏi: nghe nói công trình Quảng Ngãi xong rồi hả con, giờ làm gì.

Vũ nói: dạ, con đang ở nhà, chưa có gì.

Người chú rót rượu, rồi nói: ừ, biết đâu chẳng là phúc.

Vũ gật đầu. Anh không nói gì thêm. Nhưng đêm ấy, nằm ở cái giường cũ trong nhà mẹ, anh mở cái danh sách ra và đọc từ dòng đầu đến dòng cuối.

Sáu mươi mốt dòng. Bốn năm.

Anh đọc và nhận ra một điều mà trước đây anh chưa từng nhìn thẳng:

Câu ấy không sai. Câu ấy chỉ rỗng.

Nó đúng với mọi trường hợp, nên nó không nói gì về trường hợp nào. Nó có thể dùng cho một người mất việc, một người mất ngựa, một người gãy chân, một người sắp chết. Một câu có thể dùng cho mọi thứ là một câu không dùng được cho việc gì.

Và cái câu ấy làm một việc mà Vũ chỉ nhận ra sau bốn năm: nó chuyển sự chú ý khỏi người đang đau, và đặt nó lên tương lai.

Người nghe câu ấy nhận được một điều rất dễ chịu: anh đau thì cũng được, vì có thể sau này anh sẽ sướng. Cái đau hiện tại bị đổi thành một khoản đầu tư. Và người nói câu ấy không phải ngồi lại. Họ đã trả xong phần của họ.

Hoài Nam Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu, và Vũ đọc nó trên mạng lúc một giờ sáng:

Thử hà cự bất năng vi phúc hồ? – *biết đâu chẳng là phúc?*

Và anh hiểu ra vế thứ hai mà người đời không truyền: nếu biết đâu chẳng là phúc, thì cũng biết đâu chẳng là họa. Tái ông nói cả hai. Người đời sau chỉ giữ một nửa – nửa dùng để an ủi người khác.

Vũ xin được việc ở một công ty nhỏ trong thành phố. Lương mười tám triệu. Anh làm giám sát nội bộ, công việc nhẹ hơn công trường, và anh về nhà mỗi tối.

Anh không giàu lên. Anh cũng không nghèo đi. Cái tiệm sửa xe, cái cầu nâng, mười một tháng đứng quầy, hai trăm triệu doanh thu, bảy mươi lăm triệu lãi – tất cả nằm lại trong quá khứ, và trong một cuốn sổ nợ anh đã đốt.

Anh vẫn giữ danh sách. Anh không xóa nó.

Nhưng anh đổi cách dùng nó. Từ tháng Chạp, mỗi lần có người nói với anh câu ấy, anh không ghi tên người nói nữa. Anh ghi việc đã xảy ra, và ghi một điều duy nhất: tháng này, mình mất gì.

Dòng thứ sáu mươi hai là: mất buổi chiều Chủ nhật với con, vì phải trực.

Anh không ghi thêm gì nữa.

Có một lần, thằng bạn thân hỏi anh: mày nhìn lại bốn năm đó, mày thấy nó là may hay rủi.

Vũ nghĩ một lúc, rồi nói: tao không biết. Tao chỉ biết tao mất bốn năm.

Thằng bạn cười, nói mày nói chuyện như ông già.

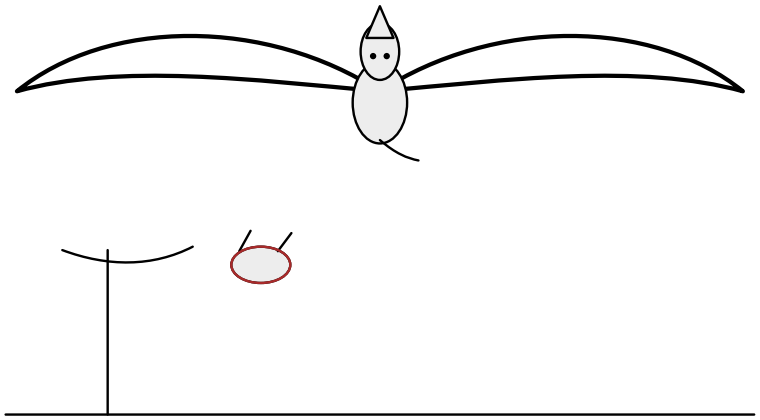
Vũ không cãi. Anh chỉ nghĩ: đúng, và đó là điều duy nhất anh học được.

Bốn năm trước, anh tin rằng trong rủi có may.

Bây giờ anh tin một điều khác: trong rủi có rủi. Và người ta sống tiếp, không phải vì cái rủi hóa thành may, mà vì người ta sống tiếp.

Chương 14

Con ve sầu không biết xấu hổ



Chín vạn dặm, và một cành cây

Lệ dạy lớp Một ở một trường tiểu học trong huyện, hai mươi sáu năm.

Chị có một cái hộp gỗ đựng đồ dùng dạy học: thẻ chữ cái, một trăm que tính, ba con rối bằng vải, một cái trống lắc. Chị làm hộp ấy từ năm hai mươi tám tuổi, và chị mang nó theo qua bốn đời hiệu trưởng.

Năm hai nghìn hai mươi hai, trường của chị sáp nhập với một trường khác. Bốn mươi ba giáo viên thành ba mươi tư. Lệ bốn mươi chín tuổi, và chị dư ra.

Người ta không đuổi chị. Người ta xếp chị vào thư viện.

Công việc mới: cho học sinh mượn sách, dán nhãn, ghi sổ, giữ phòng sạch. Tám tiếng một ngày. Lương không đổi. Chị có một cái bàn, một cái máy tính, và một phòng rộng hai mươi mét vuông.

Ngày đầu tiên, chị đứng ở cửa phòng thư viện, nhìn cái sân trường, và nghe tiếng một lớp học vọng ra. Chị đứng đó mười lăm phút. Rồi chị vào, đóng cửa, và dán nhãn sách.

Đêm ấy, chị nói với chồng: tôi phải học một nghề khác.

Trong ba năm sau đó, Lệ học sáu nghề.

Nghề thứ nhất: trang điểm cô dâu. Chị học ba tháng, hết tám triệu, và nhận ra mình không có gu thẩm mỹ về màu.

Nghề thứ hai: mở lớp dạy thêm tại nhà. Chị được ba học sinh, dạy hai tháng, rồi ngừng vì quy định về dạy thêm ngoài trường.

Nghề thứ ba: bán mỹ phẩm online. Chị nhập một trăm hai mươi hộp kem, bán được mười bảy hộp, số còn lại chị tặng họ hàng. Lỗ mười hai triệu.

Nghề thứ tư: bán cơm trưa cho công nhân. Chị dậy từ bốn giờ sáng, nấu, đóng hộp, chở xe đạp điện đến cổng khu công nghiệp. Chị làm năm tháng, lãi bốn triệu một tháng, rồi bỏ vì đau lưng.

Nghề thứ năm: học kế toán. Chị học hai tháng thì bỏ. Chị nói với chồng: số thì tôi cộng được, nhưng tôi không hiểu người ta muốn gì ở tôi.

Nghề thứ sáu: làm cộng tác viên bảo hiểm. Chị đi gặp mười một người quen. Chị bán được một hợp đồng cho đứa cháu. Ba tháng sau, chị trả lại tiền cho đứa cháu.

Ba năm. Một trăm hai mươi triệu tiền tiết kiệm. Sáu nghề. Không nghề nào thành.

Trong ba năm ấy, mỗi lần chị bỏ một nghề, có người nói: chị thử cái khác đi, đừng bỏ cuộc. *Và mỗi lần chị thử một nghề mới, có người nói:* chị giỏi thật, dám bắt đầu lại từ đầu.

Không ai nói với chị một câu đơn giản: chị đã bốn mươi chín tuổi, và chị đã dạy hai mươi sáu năm.

Trang Tử mở thiên Tiêu dao du *bằng một con vật mà không ai từng nhìn thấy.*

Ở biển Bắc có một con cá tên là Côn, lớn đến mức không ai biết nó dài mấy nghìn dặm. Con cá ấy hóa thành một con chim tên là Bằng, lưng rộng không biết mấy nghìn dặm. Khi nó bay, hai cánh nó trải ra như đám mây treo lơ lửng giữa trời.

Mỗi lần con Bằng bay về phương Nam, nó bay chín vạn dặm.

Trang Tử kể xong, liền kể một chuyện khác.

Một con ve sầu và một con chim sẻ nhỏ nhìn thấy, bèn cười. Ve sầu nói: Ta vỗ cánh bay vọt lên cây du, có khi chẳng tới nơi mà đã rơi xuống, thì cần gì bay tới chín vạn dặm?

Rồi Trang Tử viết một câu mà hơn hai nghìn năm nay người đời vẫn trích:

Tiểu tri bất cập đại tri, tiểu niên bất cập đại niên – *hiểu nhỏ không bằng hiểu lớn, sống ngắn không bằng sống lâu.*

Gần như mọi người đọc câu ấy và hiểu thành một lời khuyên: hãy cố thành con Bằng.

Nhưng Trang Tử không viết thế.

Đọc kỹ đoạn ấy, ta thấy một điều khác: Trang Tử không hề chê con ve sầu. Ông kể nó cười, rồi ông kể con Bằng bay. Ông không nói con ve sầu ngu. Ông không nói con ve sầu nên cố hơn. Ông chỉ nói một điều rất khô: con ve sầu sống một mùa, nên nó không thể biết mùa đông là gì.

Trang Tử không đứng về phía con nào. Ông chỉ ra rằng có hai loài, và chúng khác nhau ở cái thân thể.

Cái mà người đời sau thêm vào – cái ý phải cố thành con Bằng – *không có trong sách. Đó là phần của chúng ta. Chúng ta lấy một quan sát về sinh học và biến nó thành một mệnh lệnh đạo đức.*

Có một ngành công nghiệp khổng lồ được xây trên đúng cái phần mà Trang Tử không viết.

Nó bán một ý tưởng: bạn có thể trở thành một người hoàn toàn khác, ở bất cứ tuổi nào, nếu bạn dám. *Sách, khóa học, hội thảo, những người được gọi là huấn luyện viên. Cả một bộ máy nói rằng con ve sầu chỉ chưa cố đủ.*

Nó không hoàn toàn sai. Có những người thật sự đổi được đời ở tuổi trung niên, và họ có thật, và họ đáng nể.

Nhưng cái ngành ấy có một đặc điểm: nó chỉ kể những người thành công. Người ta gọi đó là thiên kiến sống sót. *Ta đọc hai mươi câu chuyện về người bốn mươi lăm tuổi bỏ việc làm lại từ đầu và thành công, và ta không đọc về hai nghìn người đã làm đúng như thế và thất bại – vì hai nghìn người ấy không viết sách.*

Và có một điều nữa, ít ai nói: việc chuyển nghề ở tuổi trung niên không chỉ khó vì tiền.

Các nhà xã hội học nghiên cứu những người rời bỏ một vai trò lớn trong đời – một nghề, một chức vụ, một thân phận – và họ tìm ra một khuôn mẫu gồm mấy giai đoạn: nghi ngờ, tìm kiếm, chuyển tiếp, và ổn định lại. Giai đoạn khó nhất không phải giai đoạn tìm việc. Giai đoạn khó nhất là giai đoạn giữa: khi ta đã rời cái cũ nhưng chưa vào được cái mới, và trong khoảng trống ấy, ta không còn biết mình là ai.

Lệ đã ở trong khoảng trống ấy ba năm. Chị không chỉ mất một trăm hai mươi triệu. Chị mất cái câu trả lời cho câu hỏi tôi là ai*, cái câu mà hai mươi sáu năm đi dạy đã trả lời giúp chị mỗi sáng.*

Và có một điều cuối cùng, nhỏ nhưng đáng để nhìn thẳng.

Các nhà nghiên cứu đo mức độ hài lòng với cuộc sống của người ta theo tuổi, ở rất nhiều nước, và họ tìm ra một đường cong giống nhau: hạnh phúc cao ở tuổi hai mươi, tụt dần, chạm đáy ở khoảng bốn mươi bảy, bốn mươi tám tuổi, rồi lại lên. Đường cong ấy có hình chữ U.

Lệ năm nay bốn mươi chín tuổi. Chị vừa đi qua đáy.

Cái đáy ấy là một con số trung bình của hàng trăm nghìn người. Nó không nói gì về chị. Nhưng nó nói một điều mà người ta ít nhắc: cái cảm giác mình phải làm gì đó ngay bây giờ, không thì hết *– cái cảm giác đã đẩy Lệ qua sáu nghề trong ba năm – không phải một phát hiện cá nhân. Nó là một hiện tượng đủ phổ biến để đo được thành đường cong.*

Tháng Mười một năm thứ ba, Lệ đi họp phụ huynh cho con.

Chị ngồi ở cuối lớp, nghe cô giáo của con nói. Cô giáo ấy ba mươi hai tuổi, dạy lớp Bốn, nói về bài tập về nhà, về cách kiểm tra bài cũ, về một đứa học sinh cá biệt trong lớp.

Lệ ngồi nghe và thấy trong ngực mình một cái gì đó rất lạ: chị thấy ghen.

Không phải ghen với tuổi trẻ. Chị ghen với cái bảng đen.

Và trong lúc ngồi đó, một điều hiện ra rõ đến mức chị phải nắm chặt tay lại: trong ba năm, thứ duy nhất chị thật sự giỏi vẫn là đứng trước một lớp học.

Chị đã thử trang điểm, bán hàng, nấu cơm, học kế toán, làm bảo hiểm. Chị đã thử hết. Không phải chị lười. Không phải chị thiếu can đảm. Chị đã cố gắng nhiều hơn phần lớn người chị biết.

Chị thất bại vì một lý do khác: chị đang cố bay bằng một đôi cánh không phải của mình.

Trang Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Tiểu tri bất cập đại tri, tiểu niên bất cập đại niên *– hiểu nhỏ không bằng hiểu lớn, sống ngắn không bằng sống lâu.*

Lệ không đọc Trang Tử. Nhưng chị vừa sống đúng cái vế đầu của câu ấy, theo cách ngược lại: ba năm qua, chị đã cố hiểu lớn *trong một cái thân thể không được sinh ra để hiểu lớn. Và chị đã học được một điều mà sách không nói: con ve sầu không hề thấy xấu hổ khi nó không bay tới phương Nam. Chỉ có con người mới biết xấu hổ thay cho nó.*

Lệ vẫn làm thư viện. Chị không xin về dạy lại.

Chị biết chuyện ấy không phụ thuộc vào chị: trường đã hết biên chế giáo viên đứng lớp, và một người bốn mươi chín tuổi không được xếp vào diện ưu tiên. Chị cũng không còn tiền để thử nghề thứ bảy.

Chị có một cái bàn, một phòng rộng hai mươi mét vuông, và mười một năm nữa tới tuổi nghỉ hưu.

Nhưng từ tháng Mười hai, chị làm một việc nhỏ.

Sáng Chủ nhật, từ bảy giờ đến chín giờ, Lệ mở lớp học ở cái bàn nhựa trước hiên nhà. Tám đứa trẻ trong xóm, từ lớp Một đến lớp Ba. Không thu tiền. Không bảng hiệu. Không đăng gì lên mạng.

Chị mở cái hộp gỗ ra. Thẻ chữ cái, một trăm que tính, ba con rối bằng vải, một cái trống lắc. Mấy thứ ấy đã nằm trong hộp suốt ba năm, và chị chưa từng mở ra lần nào.

Đứa lớn nhất học lớp Ba, đọc còn chậm. Đứa nhỏ nhất mới sáu tuổi, cầm que tính sai tay. Lệ ngồi giữa chúng, đúng cái tư thế chị đã ngồi hai mươi sáu năm.

Chị không gọi đó là khởi nghiệp. Chị không gọi nó là đam mê. Chị không quay video.

Chị biết lớp học ấy không đưa chị đi đâu cả. Nó không trả tiền, không có tương lai, và khi mấy đứa lớn lên thì nó sẽ tự tan. Mười một năm nữa chị nghỉ hưu với mức lương hưu của một giáo viên tiểu học, và chị sẽ vẫn phải đếm từng khoản chi.

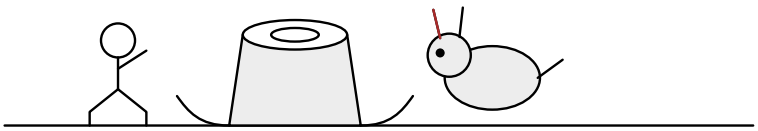
Lệ không bay chín vạn dặm. Chị bay được khoảng chín dặm, trên một cành cây du, giữa hai mùa hè.

Nhưng chín giờ sáng Chủ nhật, khi đứa học trò nhỏ nhất cuối cùng cũng đọc đúng một chữ, Lệ nghe thấy một tiếng gì đó trong ngực mình – cái tiếng mà ba năm qua, qua sáu nghề, chị không hề nghe thấy lần nào.

Chị không gọi nó là hạnh phúc. Chị chỉ gọi nó là tiếng ấy.

Chương 15

Một con thỏ chạy vào gốc cây



Gốc cây, và một con thỏ

Tâm làm kỹ sư cầu đường, và năm hai mươi chín tuổi, anh có một cuốn sổ nhỏ.

Trong sổ, anh ghi tên những lô đất anh đã đến xem. Cạnh mỗi tên, anh ghi giá lúc anh xem, và giá hiện tại. Anh ghi từ năm hai nghìn mười chín.

Đến nay, cuốn sổ có hai mươi ba dòng.

Chuyện bắt đầu năm hai nghìn mười chín. Tâm ba mươi hai tuổi, lương mười tám triệu một tháng, vợ mới sinh đứa đầu. Bố mẹ anh bán một mảnh vườn ở quê, cho anh bốn trăm triệu. Anh vay thêm năm trăm, mua một lô đất ở một xã ven thành phố, cách trung tâm mười tám cây số.

Anh mua vì một lý do rất giản dị: một người anh họ làm bất động sản bảo anh mua. Và vì giá lô ấy, chín trăm triệu, đúng bằng số tiền anh có thể xoay được.

Hai năm sau, một công ty làm khu công nghiệp về khu vực ấy. Giá đất tăng. Tâm bán lô đất được hai tỷ bảy.

Trả nợ xong, anh còn hai tỷ hai.

Anh không nghỉ việc ngay. Anh làm thêm tám tháng, đủ để nhận hết các khoản thưởng, rồi anh nộp đơn.

Hôm cuối, anh nói với đồng nghiệp: anh đi trước nhé, bao giờ có dự án ngon anh gọi.

Bốn năm sau, Tâm ba mươi sáu tuổi, và anh có hai mươi ba dòng trong sổ.

Anh đã mua hai lô. Lô thứ nhất, mua một tỷ bốn, giữ hai năm, bán lại một tỷ năm trăm, hòa vốn sau khi trả lãi vay. Lô thứ hai, tám trăm triệu, đất nông nghiệp, chờ lên thổ cư. Ba năm rồi chưa lên được. Giá thị trường bây giờ khoảng năm trăm năm mươi.

Hai tỷ hai của anh, sau bốn năm, còn khoảng một tỷ một.

Nhưng cuốn sổ thì đẹp. Trong hai mươi ba dòng, mười chín dòng có giá hiện tại cao hơn giá lúc anh xem. Có lô tăng gấp ba.

Mỗi lần vợ anh hỏi anh định làm gì, *Tâm mở cuốn sổ ra. Anh không nói to điều ấy thành lời, nhưng nó nằm ngay dưới câu trả lời của anh:* anh thấy được, anh chỉ chưa mua.

Một lần, vợ anh cầm cuốn sổ, đọc, rồi hỏi một câu: thế những lô anh xem mà không thấy ngon thì sao, anh có ghi không.

Tâm nói: không, ghi làm gì.

Vợ anh không hỏi thêm. Nhưng câu hỏi ấy ở lại trong đầu Tâm, và nó sẽ ở đó bốn năm.

Hàn Phi Tử kể chuyện một người nông dân nước Tống.

Một hôm, anh ta đang cày thì một con thỏ chạy ngang, đâm vào gốc cây trước mặt, gãy cổ mà chết.

Anh ta nhặt con thỏ về.

Hôm sau, anh ta không cày nữa. Anh ta để cái cày xuống, ngồi bên gốc cây, chờ một con thỏ khác chạy vào.

Không có con thỏ nào nữa.

Ruộng anh ta thành cỏ. Và cả nước Tống đem anh ta ra làm trò cười.

Người đời sau kể câu này để răn kẻ lười. Nhưng người nông dân ấy không lười. Hôm trước anh ta còn đang cày. Anh ta chỉ vừa nhận được một thông tin rất mạnh, và thông tin ấy đến từ thế giới thật, không phải từ một giấc mơ: ở chỗ này, thỏ chạy vào gốc cây.

Hàn Phi Tử kể chuyện này để nói về người trị nước cứ đem luật của đời vua cũ ra trị dân đời nay. Nhưng chỗ sâu của câu chuyện không nằm ở đó. Chỗ sâu nằm ở điều này: người nông dân kia đã làm đúng cái việc mà người ta vẫn khen – anh ta quan sát, anh ta rút ra một quy luật từ dữ liệu, và anh ta kiên trì.

Anh ta chỉ mắc một lỗi duy nhất: cái mẫu anh ta có là một mẫu.

Một con thỏ. Một gốc cây. Một lần.

Điều làm câu chuyện của Tâm khó hơn câu chuyện người nước Tống là: thị trường đã cho anh một con thỏ thật, to, và anh đã ăn nó.

Một tỷ tám trăm triệu lợi nhuận. Không phải may mắn nhỏ. Không phải mười triệu.

Và đây là điều mà các nhà nghiên cứu tài chính đã đo được, từ rất lâu.

Năm hai nghìn, hai giáo sư ở Đại học California phân tích hồ sơ giao dịch của hàng chục nghìn hộ gia đình trong nhiều năm. Họ chia các hộ ra theo mức độ giao dịch nhiều hay ít, rồi so lợi nhuận ròng.

Kết quả: nhóm giao dịch nhiều nhất đạt lợi nhuận khoảng mười một phẩy bốn phần trăm một năm. Thị trường trong cùng thời gian đạt khoảng mười bảy phẩy chín phần trăm.

Nghĩa là: những người tin mình có con mắt, và hành động nhiều nhất dựa trên niềm tin ấy, lại kém hơn thị trường gần sáu phẩy năm điểm phần trăm mỗi năm. Họ không kém vì họ ngu. Họ kém vì mỗi lần họ ra tay, họ phải trả một khoản phí, một khoản thuế, và một khoản chênh lệch giá – cái giá của việc tin vào con mắt mình.

Một năm sau, cùng hai giáo sư ấy công bố một nghiên cứu khác, và nó có một cái tên khiến người ta phải nhớ: Con trai thì con trai. *Họ tìm ra rằng tài khoản của nam giới giao dịch nhiều hơn tài khoản của nữ giới khoảng bốn mươi lăm phần trăm, và vì giao dịch nhiều hơn nên lợi nhuận thấp hơn.*

Rồi đến phần giải thích vì sao một thắng lợi lại làm người ta tự tin đến thế.

Các nhà tài chính học hành vi gọi nó là thiên kiến tự quy công. *Khi một việc tốt xảy ra, ta gán nó cho tài năng của mình. Khi một việc xấu xảy ra, ta gán nó cho hoàn cảnh. Đó là một cơ chế rất cũ, và nó có ích cho việc sống – nó giữ cho ta không sụp.*

Nhưng khi ghép với tiền, nó thành một cái bẫy. Sau lô đất đầu tiên, Tâm không học được bài học thị trường có thể lên. *Anh học được bài học* anh nhìn ra được.

Rồi đến hai cơ chế nữa, và chúng giải thích vì sao Tâm không thể quay lại làm việc lương mười tám triệu.

Cơ chế thứ nhất: con người không đo tiền bằng con số tuyệt đối. Họ đo nó bằng so sánh với một mốc tham chiếu. Với Tâm, mốc ấy đã bị đẩy lên hai tỷ hai. Một công việc lương mười tám triệu, so với mốc ấy, không phải là thu nhập. Nó là một khoản lỗ hai tỷ, trải đều ra từng tháng.

Cơ chế thứ hai: mất mát đau hơn được. Các nhà tâm lý học đo được rằng nỗi đau khi mất một số tiền lớn hơn khoảng hai lần niềm vui khi được đúng số tiền ấy. Nghĩa là để Tâm thấy việc đi làm lại là được, *anh phải được trả gấp đôi cái cảm giác mất.*

Không có mức lương nào làm được điều đó.

Và có một chi tiết nhỏ nhất, cũng là chi tiết quyết định.

Cuốn sổ của Tâm không ghi những lô anh xem mà thấy chán. Nó chỉ ghi những lô khiến anh phải bận tâm.

Mà trong thị trường đất, cái loại lô khiến người ta phải bận tâm – có người đang hỏi mua, có tin quy hoạch, có người hàng xóm vừa bán giá cao – lại chính là loại lô đang có chuyện. Cuốn sổ của anh là một mẫu được chọn lọc bởi chính sự chú ý của anh. Nó không phải một bản ghi về thị trường. Nó là một bản ghi về những gì đã làm anh phải bận tâm – và nó luôn trông như một bằng chứng về tài năng.

Tháng Tám, Tâm phải bán cái xe.

Không phải vì hết tiền. Anh còn một tỷ một. Anh bán xe để lấy tiền đóng học cho con vào trường tư, vì trường công ở chỗ anh không còn chỗ.

Hôm ấy, anh chở con đi đăng ký. Trên đường về, anh ghé vào quán nước trước cổng khu công nghiệp – đúng cái khu công nghiệp đã làm giá đất chỗ anh tăng năm nào.

Anh ngồi nhìn. Công nhân tan ca, ùa ra cổng, mặc áo xanh. Hàng nghìn người, mỗi người có một cái lương, một cái công việc, một cái ngày mai rất cụ thể.

Và Tâm hiểu ra một điều mà bốn năm qua anh không cho phép mình nghĩ tới:

Không ai lừa anh cả.

Cái thị trường ấy không lừa anh. Nó đã cho anh một con thỏ thật, to, và anh đã ăn nó. Cái con thỏ ấy không phải là một lời hứa. Nó là một sự việc. Và anh đã biến một sự việc thành một quy luật.

Anh cũng hiểu ra điều thứ hai, và nó lạnh hơn: cái gốc cây anh đang ngồi không phải một gốc cây. Nó là một con số – hai tỷ hai – và con số ấy không ở ngoài kia. Nó ở trong đầu anh. Anh đã tự dựng cái gốc cây ấy, rồi tự ngồi xuống cạnh nó, bốn năm.

Hàn Phi Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Thố bất khả phục đắc, nhi thân vi Tống quốc tiếu – *thỏ không thể được nữa, mà thân bị cả nước Tống cười.*

Tâm ngồi ở quán nước ấy đến khi trời tối. Anh không thấy xấu hổ. Anh chỉ thấy một cái gì đó rất giống cái cảm giác của một người vừa tỉnh dậy trong một căn phòng mà mình không nhớ đã bước vào.

Tâm đi xin việc.

Anh ba mươi sáu tuổi, có bằng kỹ sư, có chín năm kinh nghiệm công trường, và một khoảng trống bốn năm trong hồ sơ mà anh không biết viết thế nào.

Người ta nhận anh vào một công ty tư vấn thiết kế. Lương mười tám triệu – đúng bằng mức lương anh rời đi bốn năm trước.

Anh nhận. Anh không kể chuyện lô đất với ai trong công ty. Khi đồng nghiệp hỏi bốn năm qua anh làm gì, anh nói: anh làm tự do.

Tâm vẫn giữ cuốn sổ. Anh không xé nó.

Nhưng từ tháng Chín, anh đổi cách dùng. Anh mở một trang mới, và ở đầu trang anh viết bốn chữ: những lần tôi sai.

Anh ghi lại lô đất ở Quế Sơn mà anh tưởng sẽ lên, và nó không lên. Anh ghi lại lần anh đoán khu đông sẽ sốt, và khu tây mới sốt. Anh ghi lại cái lô nông nghiệp tám trăm triệu, và ghi rõ: tôi đã tin vào một tin đồn về quy hoạch mà tôi không hề kiểm tra.

Mỗi tuần, anh viết một dòng. Không phải để hành hạ mình. Anh viết vì một lý do rất đơn giản: hai mươi ba dòng đầu tiên đã nuôi anh bốn năm trong một căn phòng không có cửa.

Có lần, một người trong công ty hỏi Tâm có biết chỗ nào đất còn rẻ không. Tâm nói: em không biết. *Người ấy cười:* anh làm cầu đường mà không biết gì về đất à.

Tâm cười theo. Anh không giải thích.

Bốn năm trước, anh tin rằng một con thỏ chạy vào gốc cây là một dấu hiệu.

Bây giờ anh tin một điều khác: một con thỏ chạy vào gốc cây không phải là một dấu hiệu.

Nó là một con thỏ. Và nó không nói gì về con thỏ tiếp theo.

Phần IV

Cuộc khủng hoảng bản ngã và sự phồng rộp của cái tôi

DẪN NHẬP

Cái Tôi là thứ mới nhất mà con người phải học cách mang.

Người xưa sống trong một cái Tôi rất nhỏ. Họ là con của cha mẹ, là dân của làng, là thần dân của vua. Bản ngã của họ được đặt sẵn trong một cái khung, và cái khung ấy giữ họ khỏi phải tự hỏi "tôi là ai" mỗi sáng. Điều đó có cái giá của nó – họ không được tự do. Nhưng nó cũng có cái lợi của nó: họ không phải một mình dựng nên chính mình.

Ngày nay, cái Tôi phình ra. Mỗi người là một thương hiệu, một trang, một con số. Chúng ta phải tự xây mình, tự định giá mình, tự bán mình. Và vì phải tự làm tất cả những việc ấy, chúng ta trở nên vô cùng mong manh trước bất kỳ ai có quyền đánh giá mình. Một bình luận mười chữ có thể làm sập một người. Một con số tụt xuống có thể làm sập một ngày. Một cái bóng – do chính ta tạo ra – có thể khiến ta bỏ chạy đến kiệt sức.

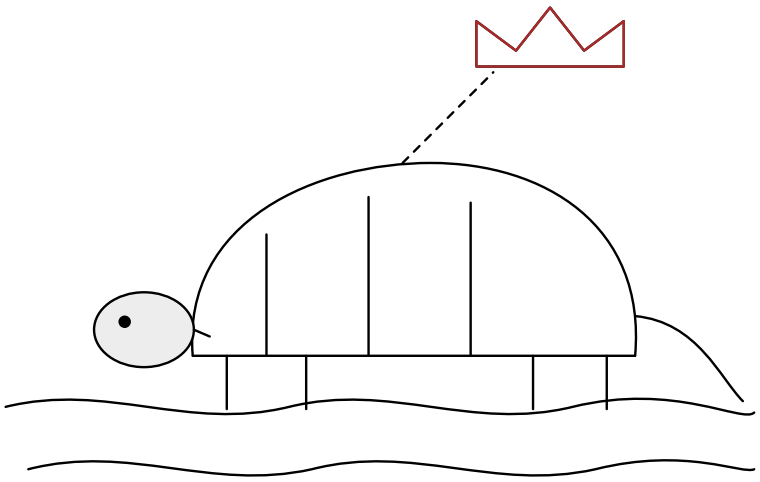
Năm chương sau kể về năm người sống trong năm căn bệnh của cái Tôi. Một người đồng nhất mình với một danh xưng, và run lên khi danh xưng ấy bị chạm vào – bốn trăm ngàn người theo dõi, và một dòng chữ in đậm anh tưởng là của mình. Một người sợ bị đánh giá đến mức dựng cả một nhà tù bằng sự im lặng; hai mươi chín năm chưa từng làm ai phật ý, và đó là thành tựu duy nhất anh tự hào. Một kỹ thuật viên đọc phim giỏi hơn người ký tên dưới phim, và mười hai năm được gọi là đá. Một người làm nội dung có chín mươi sáu nghìn người theo dõi, và đã đổi dần viên ngọc của mình lấy cái hộp đẹp. Và một chuyên viên phân tích viết ba mươi cái email mỗi ngày, cho đến lúc cô không còn chắc mình là người viết hay là thứ được viết ra.

Cả năm đều được kể từ phía trong, nơi người ta còn có thể sửa lại mình. Có một người không nằm trong năm căn bệnh ấy: chị hiểu hết, và vẫn không buông được. Chị đợi ở cuối sách.

Và chương cuối của phần này để lại một câu hỏi không có đáp án: nếu cái Tôi của bạn có thể là thứ do người khác mơ ra, thì suốt bao nhiêu năm nay bạn đang sống cuộc đời của ai?

Chương 16

Con rùa lết đuôi dưới vũng bùn



Rùa và chiếc vương miện

Tiến sĩ Khang có bốn trăm ngàn người theo dõi, một tài khoản ngân hàng rủng rỉnh, và một dòng chữ in đậm dưới tên mình: TS. Khang – Chuyên gia.

Ba thứ ấy, anh tưởng là của mình.

Anh ba mươi lăm tuổi, và cuộc đời anh được xây trên một câu thần chú: phải có chuyên môn. *Anh học hai bằng đại học, một thạc sĩ, một tiến sĩ. Anh mất chín năm cho ba tấm bằng ấy, và trong chín năm đó, anh học được cách nói những câu không ai phản đối được. Anh viết luận, phản biện hội đồng, công bố bài báo. Anh không có gì sai. Anh chỉ có một điểm yếu duy nhất, và anh không biết: anh không chịu được việc mình sai.*

Năm anh ba mươi, một buổi tối, anh đăng thử một video giải thích về đầu tư cá nhân. Video dài mười hai phút, quay bằng điện thoại, ánh sáng xấu. Sáng hôm sau, nó có hai trăm ngàn lượt xem. Ba tháng sau, anh có bốn trăm ngàn người theo dõi. Anh nghỉ việc ở viện nghiên cứu, mở khóa học online, nhận quảng cáo. Tiền đến nhanh đến mức anh không kịp nghĩ xem mình đang làm gì. Anh chỉ biết một điều: lần đầu trong đời, người ta lắng nghe anh.

Đời sống của Khang gọn trong một cái bàn. Sáng anh đọc tin, trưa quay video, chiều dựng, tối trả lời bình luận. Anh ăn cơm một mình, ngủ một mình, và nói chuyện với người khác chủ yếu qua màn hình. Anh có một người bạn thân hồi đại học, nhưng ba năm nay hai người chưa gặp. Lần cuối họ nói chuyện, người bạn hỏi: mày có vui không? *Khang cười, nói* vui chứ, *rồi đổi chủ đề. Anh không nói dối. Anh chỉ không biết câu trả lời thật là gì – vì đã lâu lắm rồi, không ai hỏi anh câu ấy, kể cả anh.*

Anh bắt đầu gọi mình là chuyên gia. *Rồi anh viết chữ* TS. *lên trước tên mình, như một cái mũ. Cái mũ ấy vừa vặn. Quá vừa vặn.*

Cho đến một chiều, một bình luận xuất hiện dưới bài anh: ông này nói sai cơ bản từ năm 2019 rồi.

Mười chữ. Anh đọc, rồi tim đập loạn – không vì nội dung, mà vì cái dấu chấm cuối cùng như một nhát kim chọc vào cái ngai vàng anh ngồi.

Anh không trả lời. Anh xóa trình duyệt, mở lại, đọc tiếp phần bình luận khác để tìm một lời khen cân bằng. Không có. Anh rà chuột xuống dòng "số người theo dõi" – con số 401.238 – như thể nó là bình oxy, và hễ nhìn thấy nó đủ lâu, cơn nghẹt thở sẽ qua. Nhưng nó không qua. Bốn trăm ngàn người đang theo dõi một cái danh xưng, và cái danh xưng ấy vừa bị mười chữ chọc thủng.

Đêm đó anh không ngủ. Anh nhận ra một sự thật khiến anh lạnh sống lưng: không phải anh sở hữu cái chức danh TS. Khang. *Chính cái chức danh ấy đang sở hữu anh. Sinh mệnh anh đồng nhất với một dòng chữ và một con số tài khoản – và hễ dòng chữ ấy rạn, anh rạn theo.*

Hai ngàn năm trước, vua nước Sở sai hai sứ thần đem lễ vật trọng hậu đến mời Trang Tử ra làm tể tướng.

Trang Tử đang ngồi bên bờ sông, câu cá. Ông ngước lên, không rút cần, và hỏi sứ một câu: ngài có thấy con rùa thần trong am vua không? Nó chết đã lâu, đầu đội trân châu, thân bọc gấm vóc, nằm ngay ngắn trong cái am sâu. Rồi ông hỏi tiếp: ngài nghĩ con rùa ấy thích làm đầu lâu vàng trong am, hay thích sống lết đuôi dưới vũng bùn? Sứ thưa: thần tằn, hẳn thà sống lết đuôi dưới bùn. Trang Tử mỉm cười, vung cần: ngô tương thệ nhi du vu đồ trung *– ta muốn thẹo cái đuôi mà chơi đùa trong bùn. Lời mời tể tướng, ông khước từ.*

Ông không khinh thường tể tướng. Ông chỉ không đem sinh mệnh mình đổi lấy một cái ngai vàng bằng ngọc – vì ngai vàng ấy, dù rực rỡ, vẫn là một cái am: trói con người vào hình tướng, bắt họ phải giữ mãi một dáng ngồi, không được lết, không được bùn, không được là mình.

Người ta kể rằng sau khi hai sứ thần đi khỏi, học trò hỏi Trang Tử: thầy không tiếc cái chức ấy sao? Trang Tử cười, chỉ xuống con cá trong giỏ, nói: ta tiếc gì một cái am, khi ta đang có cả một con sông. Rồi ông tiếp tục ngồi câu, như chưa từng có chuyện gì xảy ra. Cái khước từ của ông không ồn ào. Nó nhẹ như một con cá quẫy dưới chân.

Có một chi tiết người ta thường bỏ qua trong câu chuyện này. Trang Tử không nghèo đến mức phải từ chối vì không còn gì để mất. Ông có nghề, có học trò, có sách. Ông từ chối một cách tự nguyện. *Nghĩa là ông đã cân nhắc – đã nhìn thẳng vào cái ngai vàng, đã thấy nó đẹp, đã thấy nó tiện, và rồi vẫn quay đi. Từ chối một thứ mình không có thì dễ. Từ chối một thứ mình đang có, và đang thích, thì mới là chuyện.*

Cái khiến tim Khang đập loạn không phải lòng kiêu ngạo, mà là nỗi ám ảnh với hình ảnh của mình trong mắt người khác. Người ta thường gọi đó là ái kỷ; ở đây nó chỉ là một cách gọi, không phải cái nhãn dán lên ai. Mạng xã hội biến nó thành một cái bơm: mỗi lượt thả tim là một lần được xác nhận, và cái Tôi phồng lên từng chút, cho đến khi một bình luận mười chữ đủ sức xì hết khí.

Điều đáng sợ của cái bơm ấy là nó vận hành theo một vòng lặp khép kín. Muốn có thêm một lần được xác nhận, phải có tương tác. Muốn có tương tác, phải nói điều gì đó đủ mạnh để người ta dừng lại. Muốn nói điều gì đó đủ mạnh, phải chắc chắn mình đúng. Và muốn chắc chắn mình đúng, phải bịt tai trước mọi phản biện. Cái vòng ấy tự nuôi mình, và cái giá của nó là sự thật. Khang không còn là người đi tìm cái đúng. Anh là người đi tìm sự được công nhận là đúng.

Cái vòng lặp ấy có một cái tên ngắn: giá trị đi vay. Người ta không cảm thấy mình có giá trị vì mình tồn tại; họ cảm thấy mình có giá trị vì mình được công nhận. Và khi giá trị bị treo vào sự công nhận của người khác, thì người khác nắm quyền quyết định sinh mệnh mình. Đó là lý do một bình luận mười chữ có thể làm sập một người: không phải vì mười chữ ấy mạnh, mà vì người ấy đã tự tay trao cho nó quyền làm sập mình.

Khi con người đồng nhất sinh mệnh với chức danh hay tài khoản, họ trở nên mong manh trước bất kỳ sự phê phán nào – vì kẻ phê phán không chạm vào họ, mà chạm vào cái nhãn dán họ đã treo lên cổ. Bi kịch không nằm ở việc mất danh. Nó nằm ở chỗ họ đã giao cả linh hồn cho một cái nhãn dán, rồi sống như thể nhãn dán ấy là mình. Trang Tử không bảo người ta khinh thường thành đạt. Ông chỉ chỉ ra: tự do sinh mệnh nằm ở chỗ không ai được phép khâu chặt mình vào một hình tướng – dù hình tướng ấy lộng lẫy.

Và cái vòng lặp ấy, khi bị chạm vào, không phản ứng bằng cách suy nghĩ lại. Nó phản ứng bằng cách tìm một liều thuốc khác. *Đó là lý do, đêm ấy, Khang không đi tìm người nói với anh một câu thật. Anh đi tìm một cách để con số kia lại nhích lên.*

Sáng hôm sau, điện thoại Khang rung. Người gọi là quản lý của anh – người phụ trách thương hiệu, người ăn phần trăm trên mỗi hợp đồng quảng cáo.

– Anh Khang hả? Em vừa thấy cái bình luận kia. Không sao đâu anh, chuyện nhỏ. Mình đánh lại bằng một bài là xong. – Giọng người kia nhanh, trơn, như đã nói câu này trăm lần. – Em soạn sẵn cho anh ba phương án rồi. Phương án một: anh đăng một bài dài về chuyên môn, dẫn vài nguồn, để người ta thấy anh vẫn là chuyên gia. Phương án hai: anh đăng một status tĩnh tâm – kiểu chín người mười ý, tôi cứ đi con đường của mình *– nội dung rất thâm, mà tương tác thường cao. Phương án ba: anh im lặng ba ngày rồi quay lại bằng một video khoe góc làm việc mới. Anh chọn cái nào?*

Khang im một lúc. Rồi anh chọn phương án hai. Anh nghĩ đó là phương án khôn nhất: không cãi, không khoe, chỉ tỏ ra mình trên cơ. Anh tự nhủ đây là sự tĩnh tâm của Trang Tử. Anh gõ một dòng status, đọc lại ba lần, thấy ưng, bấm đăng.

Anh chờ. Mười phút. Một tiếng. Ba tiếng. Bốn trăm ngàn người theo dõi. Con số tương tác nhích lên chậm như nước mưa thấm đá: một trăm hai mươi lượt thích, mười bảy bình luận, phần lớn là những câu ngắn ngủi kiểu anh nói đúng. *Không có cơn bão nào. Không có ai đấu với anh. Cái bình luận mười chữ kia cũng không thèm nhắc lại. Thế giới đi tiếp mà không cần anh.*

Đến chiều, anh mở lại bài đăng, và thấy nó nằm đó, lạnh tanh, như một câu nói bị bỏ lửng giữa phòng. Anh mới nhận ra điều nhục nhã nhất: suốt bao năm, anh tưởng mình là trung tâm của một cuộc tranh luận. Sự thật là, không ai đang tranh luận với anh cả. Người ta chỉ đang vuốt màn hình. Cái đỉnh núi anh tưởng mình đang đứng chỉ là một dòng chảy ngang, và anh trôi theo nó mà tưởng đó là chỗ của mình.

Anh ngồi rất lâu trước cái bài đăng bị lơ đẹp ấy. Rồi anh mở phần bio, đưa con trỏ chuột vào dòng chữ TS. Khang – Chuyên gia. *Ngón tay phải anh – cái ngón từng gõ hàng ngàn bài để xây cái danh ấy – chần chừ một nhịp trên phím Backspace, như thể sắp xóa một phần xương của chính mình. Rồi anh bấm. Dòng chữ rút ngắn còn một khoảng trắng. Con số 401.238 vẫn nằm đó, nhưng nó không còn soi vào mặt anh nữa; nó chỉ là một con số, không hơn.*

Câu Trang Tử đáp hai sứ thần nước Sở vẫn còn nguyên, sau hai ngàn năm:

Thà làm rùa bùn sống thẹo đuôi, còn hơn làm đầu lâu vàng trong am thần.

Khang đọc câu ấy, không phải bằng mắt. Anh nhớ lại cái am sâu nước Sở, và hiểu rằng cái ngai vàng bốn trăm ngàn lượt theo dõi của mình cũng chỉ là một cái am – trói anh vào dáng ngồi TS. Khang, *không được sai, không được bùn, không được là mình.*

Và anh, bấy lâu, đã là cái đầu lâu ấy, đội trân châu, nằm im, tưởng đó là vinh dự.

Anh đóng laptop, mang ra ban công, và đứng nhìn đường phố. Bên dưới, một người bán vé số đang ngồi nghỉ dưới gốc cây, hai tay đặt trên đùi, mặt ngước lên trời. Anh nhìn người ấy rất lâu, và lần đầu sau nhiều năm, không hề nghĩ đến việc người ta đang đánh giá mình thế nào.

Tuần sau, Khang trò chuyện với một sinh viên mà không cần chứng minh mình đúng.

Cậu sinh viên hỏi anh về một chủ đề mà anh từng viết sai năm 2019. Khang im một lúc, rồi nói:

– Năm 2019 tôi cũng từng nghĩ sai về chuyện này.

Cậu sinh viên ngẩng lên, ngạc nhiên. Lần đầu trong đời, một chuyên gia công khai cái lỗ hổng của mình. Nhưng cậu không bỏ đi. Cậu hỏi tiếp, và cuộc nói chuyện kéo dài ba tiếng, không một lượt thả tim nào được tính.

Khang không xóa tài khoản. Anh vẫn đăng bài, vẫn có người theo dõi, vẫn kiếm tiền từ đó. Nhưng anh đổi cách đứng: anh đứng bên cạnh con số, không đứng trên nó. Có hôm anh đăng một bài, nhận về một bình luận gay gắt, và anh đọc nó hai lần – lần thứ nhất bằng bản năng cũ, tìm chỗ để phản bác; lần thứ hai bằng con người mới, tìm xem có gì đúng trong đó. Phần lớn thời gian, không có gì đúng. Nhưng thỉnh thoảng có. Và những lần thỉnh thoảng ấy đáng giá hơn bốn trăm ngàn lượt thích.

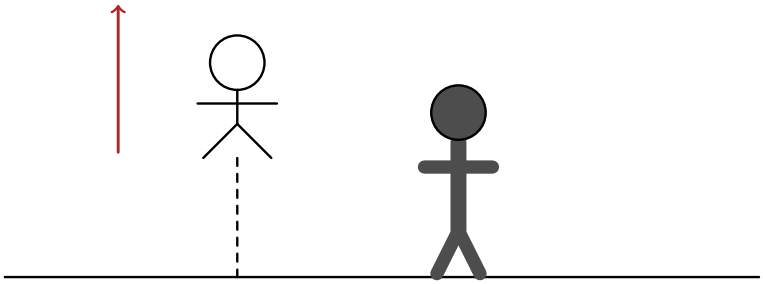
Một hôm, một người theo dõi nhắn riêng cho anh. Cô ấy viết: Anh ơi, em theo anh ba năm. Hồi trước em thấy anh nói gì cũng đúng, em chép lại hết. Giờ em thấy anh nói ít hơn, mà em lại hiểu nhiều hơn. *Khang đọc tin nhắn ấy ba lần. Anh không biết trả lời thế nào, nên anh chỉ nhắn:* Cảm ơn em. Anh cũng đang học. *Rồi anh ngồi nhìn câu ấy rất lâu. Ba năm trước, anh sẽ đăng nó lên như một chiến tích. Bây giờ, anh chỉ để nó nằm im trong hộp thư – một thứ không cần ai biết mới là thật.*

Cái Tôi phồng rộp xì hơi, để lại một con người – không hơn, không kém – đang thẹo cái đuôi vui đùa trong bùn. Anh không mất đi bốn trăm ngàn người. Nhưng anh tìm lại được một thứ họ không theo dõi được: quyền được sai, quyền được bùn, và quyền được là mình, không đội trân châu, không nằm trong am.

Anh vẫn là chuyên gia. Chỉ khác một điều: bây giờ anh là chuyên gia về một thứ, và là học trò về mọi thứ còn lại.

Chương 17

Cú nhấc mình khỏi cái bóng



Nhấc mình khỏi cái bóng

Minh hai mươi chín tuổi, và mỗi sáng anh thức dậy với một nỗi sợ không tên: bị đánh giá.

Không phải bị đánh giá vì việc gì cụ thể – mà bị đánh giá nói chung, như thể cả thế giới là một ban giám khảo đang nhìn anh qua khe cửa. Anh là người vào phòng họp luôn ngồi ở mép bàn, gần cửa nhất. Anh là người trong nhóm chat luôn gõ tin nhắn rồi xóa, gõ rồi xóa, cho đến khi câu nói đủ nhạt để không ai để ý. Anh là người ăn mặc đúng mực đến mức không ai nhớ anh mặc gì. Hai mươi chín năm, anh chưa từng làm ai phật ý. Đó là thành tựu duy nhất anh tự hào, và anh không biết rằng chính nó là nhà tù.

Minh làm ở một công ty công nghệ, phòng marketing, vị trí không ai nhớ tên. Anh có một căn hộ thuê một phòng ngủ, một con mèo, và một thói quen: mỗi tối trước khi ngủ, anh đọc lại toàn bộ tin nhắn mình đã gửi trong ngày, để kiểm tra xem có câu nào mình nói sai không. Hầu như ngày nào cũng có. Anh không sửa được câu nào, vì tin đã gửi rồi. Nhưng anh vẫn đọc. Đó là cách anh tự hành hạ mình một cách lịch sự, trước khi tắt đèn.

Chiều thứ Ba, anh gửi một email sai địa chỉ, làm lộ một file nội bộ cho khách hàng. Lỗi nhỏ – một file không mật, một khách hàng dễ tính. Nhưng anh không sửa. Anh tắt máy, xách túi, về phòng, đóng cửa, và dậm chân xuống sàn ba cái, như thể đạp cái cảm giác "mình kém cỏi" xuống đất cho nó chui xuống.

Anh nằm trên giường, ôm điện thoại, lướt đi lướt lại một dòng tin nhắn chưa gửi cho sếp: em xin lỗi, em sẽ rút kinh nghiệm. *Rồi xóa. Rồi gõ lại. Rồi xóa. Bốn mươi phút trôi qua với cùng một cái bóng: cái bóng của một người vừa làm hỏng việc, đang đuổi sát gót sau lưng anh, dù anh đã chui vào phòng, đã đóng cửa, đã dậm chân. Càng chạy, nó càng bám. Anh không dám quay lại nhìn thẳng vào nó – vì sợ nó to hơn mình.*

Rồi điện thoại rung. Tên người gọi hiện lên: sếp trực tiếp. Anh nhìn cái tên ấy ba giây, rồi bấm nghe.

– Minh, cái file sáng nay là sao?

– Dạ… dạ em…

– Em có biết khách nó gọi cho anh không? – Giọng bên kia không to, nhưng cái sự không to ấy nặng hơn quát. – Anh không cần em giải thích. Anh cần em hiểu: ở đây ai cũng bận. Em làm sai thì tự lo, đừng để người khác dọn.

– Dạ. Em xin lỗi anh.

– Ừ. Thôi.

Cuộc gọi kéo dài hai mươi giây. Minh đặt điện thoại xuống, và thấy tay mình ướt. Anh không khóc. Chỉ là người anh đổ mồ hôi lạnh trong khi căn phòng mát. Anh cuộn người lại, nhỏ hơn một chút, và nằm im như một con vật bị thương đang chờ cho kẻ đi săn đi qua.

Trang Tử kể một ngụ ngôn ngắn, và ông kể với cái giọng nửa như cười:

Có kẻ sợ cái bóng của mình. Sợ cả dấu chân mình in trên đất. Bèn dậm chân chạy – chạy cho thoát cái bóng. Nhưng chạy càng nhanh, bóng càng đuổi sát gót; chạy càng xa, dấu chân càng nhiều, như thể cả một đám đông đang đuổi theo. Cuối cùng kẻ ấy gục ngã, kiệt sức, mà chết. Trang Tử lắc đầu: kẻ ấy không biết một điều giản đơn – chỉ cần đứng yên dưới bóng râm, bóng sẽ mất, dấu chân sẽ hết. Kẻ mang thân hình sợ bóng của mình, sợ cả dấu chân mình; người sợ bóng thì chạy, chạy càng đuổi.

Có một chi tiết trong câu chuyện mà Trang Tử kể rất nhanh, gần như lướt qua: kẻ ấy không chết ngay. Hắn chết sau khi đã chạy được một quãng rất dài, qua nhiều làng, nhiều cánh đồng, dấu chân in đầy trên đất. Nghĩa là hắn đã chạy đủ lâu để thấy rằng chạy không giúp gì. Hắn biết điều ấy, và vẫn chạy. Đó mới là chỗ bi thảm nhất: không phải hắn không biết, mà là hắn biết mà không dừng được.

Ông không giảng đạo đức ở đây. Ông chỉ chỉ ra một trò cười của con người: ta chạy trốn chính cái bóng do ta tạo ra, rồi lấy cái chết của mình làm cái giá cho cuộc rượt đuổi ấy. Kẻ sợ bóng không chết vì bóng. Hắn chết vì chân mỏi.

Có một điều trong ngụ ngôn ấy mà người đời hay đọc lướt: kẻ sợ bóng không hề thiếu can đảm. Hắn chạy rất nhanh. Hắn chạy đến chết. Cái hắn thiếu không phải dũng khí, mà là một nhịp dừng. Trang Tử không bảo hắn hãy can đảm lên. Ông chỉ bảo: đứng lại một nhịp thôi, dưới bóng râm, và tự khắc mọi thứ sẽ lặng.

Cái bóng Minh đang chạy trốn có tên trong tâm lý học: bóng tối *(shadow) – phần tối bị chối bỏ của tâm hồn, những khiếm khuyết ta không chịu nhìn. Carl Jung chỉ ra: ai càng cố tỏ ra hoàn hảo, càng dồn những khuyết điểm vào bóng – và càng sợ nó lộ ra. Cái bóng không biến mất khi ta chạy. Nó chỉ dài ra, vì ta đang quay lưng với nó.*

Nhưng cái bóng của Minh không chỉ có một mình. Nó có đồng minh ở bên ngoài. Mỗi lần anh làm sai, thế giới lại gửi đến một tín hiệu: cuộc gọi của sếp, ánh mắt của đồng nghiệp, một câu nói nửa đùa nửa thật ở hành lang. Anh ghi nhớ tất cả. Anh không phân biệt được đâu là lỗi của mình, đâu là sự khó chịu của người khác, đâu là những câu nói vu vơ không ai nhớ. Anh gom hết vào một chỗ, dán nhãn mình kém cỏi*, rồi ôm cái nhãn ấy đi ngủ.*

Cái bóng ấy lớn dần theo một cách rất lặng lẽ. Mỗi lần Minh im lặng trong cuộc họp, nó lớn thêm một chút. Mỗi lần anh xóa một tin nhắn chưa gửi, nó lớn thêm một chút. Mỗi lần anh cười trừ trước một câu đùa, nó lớn thêm một chút. Sau hai mươi chín năm, nó đã lớn đến mức Minh tưởng nó là chính mình. Và cái gì tưởng là mình thì không thể trốn – vì trốn nó là trốn chính mình.

Có một cách đưa bóng ra ánh sáng mà không bị nó nuốt: tự trào (self–deprecation). Khi ta cười được với khuyết điểm của mình – kể một cú sẩy chân như một câu chuyện buồn cười – bóng mất quyền lực, vì nó đã ở ngoài ánh sáng rồi, không còn chỗ để bám

vào bóng tối. Ngược lại, sự ái kỷ không dung nạp sai sót nào, nên cái bóng cứ lớn lên trong góc tối, chờ ngày chủ nhân dậm chân chạy qua nó.

Nhưng tự trào chỉ hoạt động khi nó là thật. Nếu Minh kể câu chuyện ấy như một màn trình diễn – để người ta thấy anh dễ thương, để chuộc lại hình ảnh – thì nó lại là một cái bóng mới, được đánh bóng. Cái khó của tự trào là ở đó: nó chỉ cứu được người đã thôi cần được cứu bởi người khác.

Nhưng Trang Tử cười trước khi Jung phân tích. Ông không cần thuật ngữ. Ông chỉ cần kẻ sợ bóng đứng yên một nhịp – và nhận ra bóng chẳng có răng để cắn.

Tối hôm đó, Minh ngồi dậy trên giường. Anh mở lại dòng tin nhắn chưa gửi, đọc nó một lần, rồi – thay vì xóa – anh bấm gửi.

Sáng hôm sau, ở công ty, anh gặp một đồng nghiệp ở hành lang. Người ấy nhìn anh, cười nửa miệng, và nói:

– Nghe nói ông gửi file cho khách à? Ghê thật.

Minh khựng lại một nhịp. Trong đầu anh, phản xạ cũ bật lên: cúi mặt, xin lỗi, rút lui. Nhưng lần này anh đứng yên. Anh nhìn thẳng người kia, và nói, giọng bình thường:

– Ừ, tôi gửi nhầm. Xong rồi.

Người kia khựng lại, không ngờ. Câu đùa của hắn rơi vào khoảng không. Hắn cười trừ một tiếng, rồi đi tiếp.

Minh đứng lại hành lang thêm vài giây. Lỗi đã thành lỗi, tin nhắn đã thành tin nhắn, câu đùa đã thành câu đùa. Và cái bóng sau lưng anh không có phép thuật gì để biến anh thành kẻ vô dụng. Anh đặt điện thoại xuống bụng, nhìn lên trần nhà, và quay mặt nhìn thẳng cái bóng – không phải bằng mắt, mà bằng một sự chấp nhận mệt mỏi: nó ở đó, nó là mình, và nó chẳng to hơn mình tí nào.

Chuyện kẻ sợ bóng kết thúc bằng một cái đứng yên. Chỉ có mấy chữ:

Đứng yên dưới bóng râm, thì bóng tự mất, dấu chân tự hết.

Minh đọc câu ấy trong đầu. Anh nhớ lại kẻ sợ bóng trong ngụ ngôn – dậm chân, chạy, gục ngã – và bỗng thấy nực cười, một nực cười kiểu Trang Tử: anh đã dậm chân ba cái xuống sàn chỉ vì một email sai địa chỉ. Cái bóng không đuổi anh. Chính anh tự chạy, tự thở dốc, tự làm mình kiệt sức. Anh không nhấc mình ra khỏi cái bóng bằng cách đứng lên và bỏ đi, mà bằng cách ngồi yên, để nó trượt qua.

Sáng thứ Tư, Minh kể lại cú sẩy chân ấy cho bạn bè, không phải để xin lỗi, mà kèm một tiếng cười tự trào: hôm qua tôi gửi file nội bộ cho khách, xong còn dậm chân ba cái như trẻ con.

Bạn anh cười. Một người nói: ông dậm ba cái à, tôi hôm trước còn đập đầu vào cửa*. Cả bàn cười. Và Minh nhận ra một điều anh chưa từng biết: mọi người đều có một cái bóng riêng, và ai cũng thích nói về nó – chỉ là không ai dám mở lời trước.*

Chiều hôm ấy, ở công ty, một cậu thực tập sinh làm lộ nhầm một bảng số liệu trong nhóm chat nội bộ. Cậu bé mặt tái đi, gõ một tràng tin nhắn xin lỗi, rồi im lặng suốt buổi. Minh nhìn cậu, và nhận ra chính mình ba ngày trước – cũng run, cũng dậm chân, cũng muốn độn thổ. Anh đến bên bàn cậu, nói nhỏ:

– Hồi trước anh cũng gửi nhầm file cho khách. Không sao đâu. Sửa lại rồi đi ăn trưa.

Cậu bé ngẩng lên, mắt còn hoe. Cậu không nói gì, chỉ gật đầu. Nhưng cái gật đầu ấy khiến Minh hiểu ra một điều: cái bóng không chỉ tan khi ta chấp nhận nó. Nó tan nhanh hơn khi ta giúp người khác chấp nhận cái bóng của họ.

Cái bóng không biến mất – nó vẫn ở đó, vẫn là những khiếm khuyết của anh. Nhưng nó ngừng đuổi theo gót, vì đã ra ngoài ánh sáng, thành một câu chuyện người ta có thể

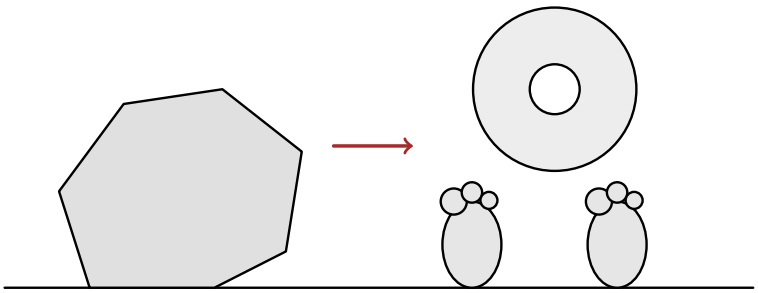
cười cùng.

Đêm đó, lần đầu sau nhiều năm, anh ngủ ngon – không phải vì mình hoàn hảo, mà vì đã làm hòa với chính mình. Cái bóng nằm im bên cạnh, và anh biết: ngày mai nó có thể lại dài ra. Anh biết sếp vẫn có thể gọi, đồng nghiệp vẫn có thể cười đểu, và anh vẫn có thể run tay. Nhưng lần sau, anh sẽ chỉ cần đứng yên dưới bóng râm, rồi mỉm cười bước tiếp.

Cái bóng không phải kẻ thù. Nó là mình, nhìn từ phía không có nắng.

Chương 18

Ngọc quý bị gọi là đá



Một viên ngọc, và hai bàn chân

Thịnh làm kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh ở bệnh viện huyện, mười hai năm.

Công việc của anh là chụp và đọc sơ bộ: X-quang, siêu âm, và từ năm hai nghìn mười chín thì có thêm một máy chụp cắt lớp. Mỗi ngày, anh chụp cho khoảng bốn mươi đến sáu mươi bệnh nhân. Với mỗi phim, anh ghi một phiếu: hình ảnh thấy được gì, kích thước, vị trí, và một dòng đề nghị bác sĩ lưu ý.

Anh không có bằng bác sĩ. Anh học cao đẳng, ra trường năm hai mươi hai tuổi, và anh học nghề này bằng cách ngồi cạnh một kỹ thuật viên già suốt bốn năm.

Tháng Ba năm hai nghìn hai mươi mốt, bệnh viện nhận một bác sĩ trẻ mới ra trường về khoa.

Trưởng khoa gọi Thịnh lên, nói: em kèm cho nó sáu tháng. Nó chưa quen máy.

Thịnh kèm. Anh chỉ cho bác sĩ ấy cách đặt bệnh nhân, cách chọn cửa sổ, cách nhìn một phim chụp phổi để không bỏ sót nốt mờ dưới xương sườn. Anh chỉ cách nghiêng người bệnh nhân già để lấy được góc chụp. Anh chỉ cả cách nói với một người đang sợ.

Sáu tháng sau, bác sĩ ấy ký tên trên các phiếu đọc phim.

Từ hôm ấy, ở bệnh viện huyện ấy, có một việc diễn ra mỗi ngày mà không ai gọi tên: một người đọc phim, và một người khác ký tên.

Thịnh không phàn nàn. Anh cũng không thấy có gì để phàn nàn: anh không có bằng, và pháp luật quy định rõ ai được ký. Anh biết điều ấy từ ngày đầu vào nghề.

Nhưng có một buổi sáng tháng Bảy, một bệnh nhân nữ, năm mươi tư tuổi, sau khi nghe bác sĩ đọc kết quả, quay sang Thịnh và hỏi: em làm kỹ thuật thôi hả em.

Thịnh gật đầu. Anh nói: dạ.

Người phụ nữ ấy không nói gì thêm. Chị cầm phim, đi ra. Thịnh đứng lại trong phòng chụp một lúc, rồi anh bật máy cho ca tiếp theo.

Anh không giận chị ấy. Chị ấy chỉ hỏi đúng.

Hàn Phi Tử kể chuyện một người tên Biện Hòa, ở nước Sở.

Biện Hòa tìm được một viên ngọc trong núi. Ông đem dâng cho vua Lệ Vương. Vua sai thợ ngọc đến xem. Thợ nói: đá.

Vua cho rằng Biện Hòa lừa mình, sai chặt chân trái ông.

Lệ Vương mất, Vũ Vương lên. Biện Hòa lại đem ngọc dâng. Vua lại sai thợ xem. Thợ lại nói: đá.

Vua sai chặt chân phải ông.

Vũ Vương mất, Văn Vương lên. Biện Hòa ôm viên ngọc ngồi dưới chân núi, khóc ba ngày ba đêm. Nước mắt cạn, chảy ra máu.

Vua nghe tin, sai người đến hỏi: Thiên hạ có bao nhiêu kẻ bị chặt chân, sao ngươi khóc đến thế?

Biện Hòa trả lời một câu mà Hàn Phi Tử ghi lại, và hơn hai nghìn năm nay nó vẫn là một trong những câu buồn nhất của sách cổ:

Tôi không buồn vì bị chặt chân. Tôi buồn vì ngọc quý mà bị gọi là đá, người ngay thẳng mà bị gọi là kẻ dối trá.

Vua Văn Vương sai thợ mài viên ngọc. Đúng là ngọc quý. Người đời sau gọi nó là ngọc Hòa thị*, một trong những bảo vật nổi tiếng nhất của Trung Hoa cổ.*

Câu chuyện kết ở chỗ viên ngọc được công nhận. Nhưng nó không nói gì thêm về đôi chân của Biện Hòa.

Đôi chân ấy vẫn mất.

Ở bệnh viện của Thịnh, có hai câu hỏi khác nhau, và người ta thường nhầm chúng là một.

Câu hỏi thứ nhất: ai có thể ký tên trên phiếu đọc phim?

Câu hỏi thứ hai: ai đọc được phim?

Câu trả lời cho câu thứ nhất nằm trong một văn bản. Câu trả lời cho câu thứ hai nằm trong mười hai năm.

Các nhà kinh tế học đã nghiên cứu sự lệch nhau giữa hai câu hỏi ấy từ lâu, và họ có một lý thuyết mang tên lý thuyết tín hiệu*, công bố từ năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.*

Ý tưởng của nó rất đơn giản: trong thị trường lao động, người sử dụng lao động không thể nhìn thẳng vào năng lực của một người. Nên họ nhìn vào những thứ có thể nhìn thấy – bằng cấp, chứng chỉ, chức danh. Những thứ ấy không phải là năng lực. Chúng là tín hiệu *về năng lực.*

Và một khi tín hiệu đã thành thứ để trả tiền, người ta bắt đầu đầu tư vào tín hiệu.

Điều này không có nghĩa bằng cấp là vô nghĩa. Nó chỉ có nghĩa: cái hệ thống không đo cái anh làm. Nó đo cái anh có giấy tờ để chứng minh.

Trong y tế, sự lệch ấy có một cái tên khác. Các nhà xã hội học gọi đó là lao động vô hình *– phần công việc cần thiết cho một tổ chức chạy được, nhưng không xuất hiện trong bảng lương, không xuất hiện trong sơ đồ tổ chức, và không ai nhớ khi nó biến mất.*

Thịnh làm lao động vô hình suốt mười hai năm. Không phải vì ai đó độc ác. Vì cái hệ thống được dựng để trả tiền cho chữ ký, và chữ ký của anh không có giá trị pháp lý.

Và có một điều nữa, đau hơn, mà các nhà tâm lý học đã đo được.

Con người có một nhu cầu rất sâu, ngang với nhu cầu ăn và ngủ: nhu cầu được nhìn thấy*. Người ta gọi nó bằng một từ khó dịch: cảm giác rằng mình* có trọng lượng *– rằng sự có mặt của mình làm thay đổi mọi thứ một chút. Khi cảm giác ấy mất đi, người ta không chết. Người ta chỉ lặng dần.*

Thịnh không được trả tiền cho việc đọc phim. Anh được trả tiền cho việc chụp phim. Nhưng anh vẫn đọc, mỗi ngày, bốn mươi đến sáu mươi ca, vì nếu anh không đọc thì cái

phiếu ấy trống, và bác sĩ ký tên lên một tờ giấy trống.

Anh làm việc ấy suốt mười hai năm, và trong mười hai năm, không có văn bản nào ghi lại rằng anh đã làm nó.

Tháng Chín, bệnh viện tổ chức một buổi tổng kết, và có một tiết mục: tuyên dương những cá nhân có đóng góp.

Người ta gọi tên bảy người. Có bác sĩ, có điều dưỡng, có một nhân viên hành chính. Không có Thịnh.

Thịnh ngồi ở hàng ghế thứ tư, cùng khoa. Anh vỗ tay bảy lần.

Buổi tổng kết xong, anh đi ra bãi xe. Một điều dưỡng già trong khoa đuổi theo, nói: em phải nói chứ. Nói với trưởng khoa. Cái ca chụp cắt lớp của bà cụ tháng Tư ấy, chính em phát hiện ra, bác sĩ đọc lần đầu bỏ sót, em gọi lên. Em phải nói chứ.

Thịnh nói: thôi chị.

Chị ấy đứng một lúc, rồi nói một câu rất nhỏ: ừ, nói cũng chẳng được gì.

Thịnh về nhà. Đêm ấy, anh không ngủ. Anh nằm, và nghĩ về một điều mà anh chưa từng cho phép mình nghĩ rõ ràng: suốt mười hai năm, cái làm anh mệt không phải là lương thấp, không phải là thiếu bằng cấp, không phải là phải đứng suốt ngày trong phòng chụp lạnh.

Cái làm anh mệt là một câu. Một câu không ai nói với anh, nhưng câu ấy ở khắp nơi: em làm kỹ thuật thôi hả em.

Và anh nhận ra một điều nữa, cái điều làm anh phải ngồi dậy trong bóng tối: không ai gọi anh là đá. Anh mới là người đã nói câu ấy trước. Mỗi lần anh im, anh đang nói: đúng, tôi làm kỹ thuật thôi.

Hàn Phi Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Ngô phi bi chi nan, bi phù bảo ngọc nhi đề chi dĩ thạch, trinh sĩ nhi danh chi dĩ cuống dã. – *Ta không buồn vì bị chặt chân. Ta buồn vì ngọc quý mà bị gọi là đá, người ngay thẳng mà bị gọi là kẻ dối trá.*

Thịnh vẫn làm ở bệnh viện ấy. Anh ba mươi bảy tuổi, có một đứa con đang học lớp Bảy, và một căn nhà còn nợ ngân hàng tám năm. Anh không nghỉ việc, và anh không kiện ai.

Anh cũng không viết đơn xin gì. Anh biết một lá đơn không mài được viên ngọc nào. Việc ấy cần một ông vua, và thời này không có vua.

Nhưng anh làm hai việc rất nhỏ.

Việc thứ nhất: từ tháng Mười, mỗi phiếu đọc phim anh ghi, ở dòng cuối, anh viết thêm bốn chữ: KTV Thịnh đọc. *Trước đây anh không viết, vì ô ấy không có trong mẫu. Anh tự thêm vào. Không ai bảo anh bỏ, và cũng không ai khen anh thêm.*

Việc thứ hai: anh mở một cuốn sổ, ghi lại những ca mà anh đã phát hiện ra điều gì đó trước người ký tên. Không ghi để kiện. Ghi để nhớ.

Đến nay cuốn sổ có ba mươi mốt dòng. Ba mươi mốt lần, trong mười hai năm, một người không có bằng đã nhìn thấy điều mà người có bằng không nhìn thấy.

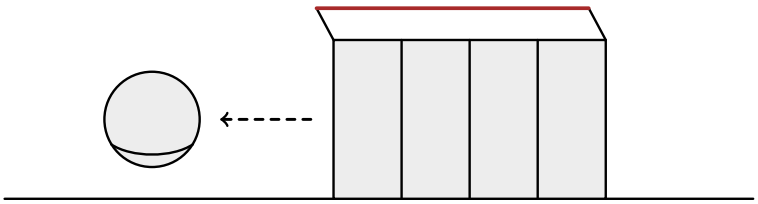
Thịnh biết viên ngọc của mình sẽ không bao giờ được mài. Anh không còn chờ.

Nhưng mỗi sáng, trước khi bật đèn bàn đọc phim, anh lật cuốn sổ ra, và đọc ba dòng đầu tiên.

Anh không đọc để chứng minh với ai. Anh đọc để nhớ một điều rất đơn giản, cái điều mà Biện Hòa phải mất hai chân mới nói được thành lời: anh không phải một viên đá.

Chương 19

Cái hộp đẹp, viên ngọc trả lại



Hộp gỗ quý, và viên ngọc bỏ lại

Quân quay cú máy thứ chín của cùng một câu.

Anh ngồi ở bàn, sau lưng là một kệ sách được sắp theo màu, và anh nói: Tôi đã mất tám năm để hiểu điều này.

Cú thứ nhất, anh nói nhanh quá. Cú thứ tư, anh bị vấp chữ hiểu. *Cú thứ bảy, có tiếng xe rác đi qua. Đến cú thứ chín, anh nói tròn vành, và anh biết nó sẽ dùng được.*

Quân ba mươi ba tuổi. Anh có chín mươi sáu nghìn người theo dõi, một khóa học trực tuyến giá một triệu chín trăm chín mươi nghìn, và hai nghìn một trăm học viên đã mua trong hai năm.

Anh cũng có hai người làm cùng: một người quay, một người dựng.

Năm năm trước, Quân tốt nghiệp ngành tài chính và làm ba năm ở một công ty chứng khoán. Anh biết đọc báo cáo tài chính. Anh nhớ bốn công thức định giá, và anh nhớ cách phát hiện một khoản phải thu bất thường trong bảng cân đối.

Năm đầu làm nội dung, anh làm về đúng cái ấy: cách đọc một báo cáo tài chính.

Video ấy được bốn nghìn lượt xem. Video về ba thói quen buổi sáng của người thành công *được bốn trăm nghìn.*

Năm thứ hai, anh làm nhiều hơn về thói quen. Năm thứ ba, về tư duy làm giàu. Năm thứ tư, về trí tuệ nhân tạo và tương lai của công việc. Năm thứ năm, về cách tìm ra mục đích sống của bạn.

Mỗi lần đổi chủ đề, anh đều có một lý do rất hợp lý. Khán giả muốn cái này. Thuật toán thưởng cho cái này. Người ta không xem báo cáo tài chính, và nếu không ai xem thì mình không giúp được ai.

Mỗi lần như thế, Quân bỏ lại một ít. Không nhiều. Chỉ một ít.

Đến năm thứ năm, kênh của Quân có sáu trăm bốn mươi video, và Quân không còn nhớ một công thức định giá nào.

Tháng Sáu, một học viên nhắn cho anh.

Người ấy ba mươi bảy tuổi, làm ở một xưởng in, và hỏi: anh ơi, xưởng em đang lỗ, em nên bắt đầu từ đâu.

Quân ngồi nhìn tin nhắn ấy hai mươi phút.

Anh gõ, xoá. Anh gõ lại, xoá. Anh nhận ra mình có sẵn trong đầu bảy câu trả lời, và cả bảy câu đều có thể dùng cho bất kỳ nghề nào trên đời: hãy bắt đầu từ khách hàng;

hãy tập trung vào một sản phẩm; hãy kiểm soát dòng tiền; hãy xây dựng thương hiệu cá nhân.

Bảy câu đều đúng. Không câu nào giúp được một cái xưởng in đang lỗ.

Quân gõ câu trả lời thứ tám, dài bốn dòng, có mấy chữ anh có thể tham khảo thêm. *Rồi anh bấm gửi.*

Hàn Phi Tử kể chuyện một người nước Sở đem ngọc sang bán cho người nước Trịnh.

Viên ngọc ấy được đựng trong một cái hộp làm bằng gỗ lan, ướp hương, khảm ngọc, và trang trí bằng lông chim trả. Cái hộp đẹp đến mức người ta phải dừng lại nhìn.

Người nước Trịnh cầm cái hộp lên, ngắm nghía rất lâu, rồi mua.

Anh ta mở hộp, lấy viên ngọc ra, và trả lại cho người bán.

Rồi anh ta đi về, mang theo cái hộp.

Hàn Phi Tử kết: Thử khả vị thiện mại độc hĩ, vị khả vị thiện mại châu dã – *Đó có thể gọi là khéo bán hộp, chứ chưa thể gọi là khéo bán ngọc.*

Người đời sau kể chuyện này để cười người nước Trịnh ngu. Nhưng Hàn Phi Tử không cười người nước Trịnh. Ông chê người nước Sở.

Vì người nước Trịnh đã làm đúng cái việc người mua vẫn làm: anh ta mua cái đẹp nhất trong những cái anh ta nhìn thấy. Viên ngọc nằm trong hộp, bị lông chim trả che mất, và anh ta chưa từng được dạy cách phân biệt ngọc với đá.

Lỗi thuộc về người bán. Người bán làm cái hộp quá tốt. Ông ấy giỏi đến mức cái hộp đã thay thế hàng hóa. Và đến khi người ta trả lại viên ngọc, ông ấy chỉ có thể đứng đó, cầm cái hộp trống, và tự hỏi vì sao mình lại giỏi đến thế.

Người ta đo được một con số đáng sợ về cách chúng ta đánh giá.

Năm hai nghìn sáu, một nhóm nghiên cứu ở Canada cho người tham gia xem các trang web trong năm mươi mi-li-giây – nhanh đến mức không kịp đọc một chữ. Sau đó họ hỏi người ta thấy trang ấy đẹp hay xấu.

Kết quả: đánh giá trong năm mươi mi-li-giây gần như trùng với đánh giá khi được xem bao lâu tuỳ thích.

Năm mươi mi-li-giây. Một phần hai mươi của một giây. Đó là toàn bộ thời gian ta dành cho việc quyết định có ở lại hay không.

Và cái thuật toán phân phối nội dung không biết gì về nội dung. Nó chỉ biết một điều: bao nhiêu người ở lại qua mấy giây đầu. Nó ghi nhận, rẽ nhánh, tối ưu hóa, phân bổ. Nó không đánh giá. Nó chỉ xếp hạng.

Nghĩa là: trong nền kinh tế này, cái hộp không phải phần trang trí của hàng hóa. Cái hộp là hàng hóa. Và người ta trả tiền cho cái hộp trước, rồi mới biết bên trong có gì.

Các nhà kinh tế học đã mô tả cơ chế này từ lâu bằng một lý thuyết về tín hiệu. Và có một hiện tượng khác, được một nhà vật lý đặt tên vào năm một nghìn chín trăm bảy mươi tư, khi ông đi thăm một hòn đảo.

Ông thấy dân trên đảo làm những đường băng bằng gỗ, đội những miếng gỗ hình tai nghe lên đầu, và chờ máy bay chở hàng hạ cánh. Họ đã thấy quân đội Mỹ làm như thế trong chiến tranh, và hàng hóa đến. Họ làm đúng mọi thứ họ nhìn thấy. Họ chỉ thiếu một thứ: cái máy bay.

Nhà vật lý ấy gọi đó là việc thờ cúng theo hình thức – *làm đúng cái vẻ ngoài của một quá trình, và chờ kết quả của quá trình ấy.*

Quân không thờ cúng gì. Quân chỉ làm theo dữ liệu. Mỗi khi một video không được xem, anh sửa cái hộp: đổi tiêu đề, đổi ảnh bìa, đổi ba giây đầu. Việc ấy hiệu quả. Kênh lớn lên. Anh không hề biết rằng mình đang làm đúng cái việc người nước Sở kia làm,

ngày này qua ngày khác, suốt năm năm: chăm chút cái hộp, và mỗi lần chăm chút thì viên ngọc trong hộp lại nhỏ đi một chút.

Tháng Bảy, Quân làm một việc mà anh chưa từng làm trong năm năm: anh mở lại video đầu tiên của mình.

Cái video về cách đọc báo cáo tài chính. Bốn nghìn lượt xem. Anh ngồi xem hết hai mươi ba phút.

Anh nghe thấy một giọng nói lạ. Không phải giọng anh bây giờ. Giọng ấy vụng, nói hơi nhanh, có chỗ lắp. Nhưng nó nói về một việc rất cụ thể: một khoản phải thu tăng bất thường trong bảng cân đối, và cách nó báo trước một công ty sắp gặp rắc rối.

Anh xem hết. Rồi anh mở một video mới nhất của mình, video về mục đích sống.

Anh ngồi nghe chính mình nói về mục đích sống trong mười lăm phút, bằng một giọng tròn trịa, tự tin, không vấp một chữ nào, và không nói về một việc cụ thể nào trên đời.

Và Quân hiểu ra điều này, một cách rất rõ, lúc hai giờ sáng:

Anh không lừa ai. Anh chưa từng bịa một sự thật nào. Anh chỉ trả lời những câu hỏi mà không ai cần trả lời, và ngừng trả lời những câu hỏi mà chỉ anh mới trả lời được.

Anh đã trả lại viên ngọc từ rất lâu rồi. Anh không nhớ ngày nào. Nó không xảy ra trong một quyết định. Nó xảy ra trong khoảng hai trăm quyết định nhỏ, mỗi quyết định đều hợp lý, mỗi quyết định đều được thuật toán thưởng.

Hàn Phi Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Thử khả vị thiện mại độc hĩ, vị khả vị thiện mại châu dã. – *Đó có thể gọi là khéo bán hộp, chứ chưa thể gọi là khéo bán ngọc.*

Và Quân hiểu ra vế mà Hàn Phi Tử không viết ra: người nước Sở kia không mất viên ngọc. Viên ngọc vẫn nằm trong tay ông ấy. Cái ông ấy mất là người mua – người duy nhất có thể nói cho ông ấy biết viên ngọc ấy có thật hay không.

Quân không bỏ kênh.

Anh không thể bỏ, và anh cũng không muốn đóng vai người hối cải. Kênh ấy nuôi anh, nuôi hai người làm cùng, và có hai nghìn một trăm người đã bỏ tiền ra học – anh không nỡ nói với họ rằng những gì họ học không dùng được.

Nhưng từ tháng Bảy, anh ngừng nhận học viên mới.

Anh cũng không nhận quảng cáo cho các khóa học khác. Doanh thu của anh giảm khoảng bốn mươi phần trăm, và anh vẫn chưa biết sẽ làm gì với khoảng trống ấy.

Việc anh làm, cụ thể, rất nhỏ.

Anh xin vào làm bán thời gian ở một công ty nhỏ, ba buổi một tuần, làm đúng cái việc anh từng làm năm hai mươi tám tuổi: đọc báo cáo tài chính. Lương anh nhận ở đó là mười hai triệu một tháng.

Buổi đầu tiên, người ta đưa anh một bảng cân đối, và anh ngồi nhìn nó hai mươi phút mà không biết bắt đầu từ đâu.

Anh mở lại sách cũ. Anh đọc chậm. Anh không quay lại cảnh đó.

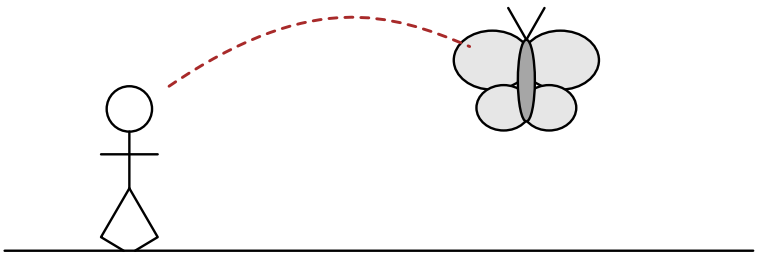
Mỗi tối, sau khi dựng xong video, Quân mở một cuốn sách về nghề, và đọc ba trang. Ba trang một tối. Anh biết với tốc độ ấy, anh cần khoảng hai năm để quay lại chỗ mình từng đứng.

Cái hộp của anh vẫn ở đó, vẫn đẹp, và vẫn có người mua.

Quân không đập nó. Anh chỉ bắt đầu, mỗi tối, mở nó ra và nhìn vào bên trong – để xem cái thứ nằm trong đó, cái thứ mà anh đã bỏ lại năm năm trước, có còn ở đó không.

Chương 20

Giấc mơ bướm



Người mơ, hay kẻ được mơ

Nhã làm chuyên viên phân tích ở một công ty chứng khoán, và mỗi ngày cô viết khoảng ba mươi đến bốn mươi cái email.

Cô ba mươi mốt tuổi. Công việc của cô là đọc số liệu, viết nhận định, gửi cho khách hàng và cho cấp trên. Mỗi tuần cô làm hai bản báo cáo, mỗi bản từ tám đến mười hai trang.

Năm hai nghìn hai mươi ba, công ty mua cho phòng cô một công cụ viết. Ban đầu nó chỉ sửa lỗi chính tả và gợi ý câu. Rồi nó viết được cả đoạn. Rồi nó viết được cả bản báo cáo nếu cô đưa số liệu vào.

Nhã dùng nó. Cô không thấy có gì phải băn khoăn: cô vẫn là người chọn số liệu, người quyết định nhận định, người chịu trách nhiệm. Công cụ chỉ giúp cô viết nhanh hơn.

Tháng Tư, cô và bạn trai cãi nhau.

Đêm ấy, Nhã ngồi trước màn hình, và cô muốn viết một tin nhắn xin lỗi. Cô gõ bốn dòng đầu. Cô đọc lại, thấy nó khô. Cô bấm viết lại cho mềm hơn.

Nó viết lại. Cô đọc, thấy hơi sáo. Cô bấm viết lại cho chân thành hơn.

Nó viết lại lần nữa. Lần này hay. Cô đọc, và có một khoảnh khắc cô nghĩ: mình không nói được như thế.

Rồi cô bấm viết lại ngắn hơn.

Cô gửi tin nhắn. Mười phút sau, bạn trai trả lời: em viết câu này hay quá.

Nhã ngồi nhìn dòng chữ ấy. Cô không thấy vui. Cô thấy một cái gì đó rất lạnh ở trong ngực, và cô không gọi được tên nó.

Tháng Năm, công ty tổ chức một buổi làm việc nhóm. Trò chơi: mỗi người được phát một tờ giấy và một cây bút, và phải viết trong năm phút về một người trong phòng.

Nhã cầm bút. Cô viết được một câu: Chị Mai là người rất tận tâm với công việc.

Rồi cô dừng.

Cô ngồi nhìn tờ giấy trắng. Cô nghĩ đến mười hai câu khác, và cả mười hai câu đều là những câu cô đã từng đọc ở đâu đó. Cô gạch câu đầu tiên. Cô viết lại. Cô gạch.

Bốn phút trôi qua. Người bên cạnh cô đã viết kín nửa trang.

Nhã đặt bút xuống và nhìn ra cửa sổ, và trong bốn phút ấy cô nhận ra một điều mà cô sẽ nghĩ đến suốt nhiều tháng sau: cô không bí. Cô có rất nhiều thứ để nói về chị Mai. Cô chỉ không biết câu nào là câu của mình.

Trang Tử kể một chuyện rất ngắn, và nó là một trong những đoạn văn nổi tiếng nhất của triết học phương Đông.

Một đêm, Trang Chu nằm mơ thấy mình là một con bướm.

Trong giấc mơ, ông bay lượn, nhẹ nhàng, vui sướng, và ông hoàn toàn không biết mình là Trang Chu.

Rồi ông tỉnh dậy. Ông nằm trên giường, và ông ngạc nhiên nhận ra mình lại là Trang Chu, với cái thân thể nặng nề này, với những ràng buộc này.

Và Trang Tử viết: Không biết Chu có phải đang mơ thấy mình là bướm hay không, hay là bướm đang mơ thấy mình là Chu.

Ông không trả lời câu hỏi ấy.

Đó là chỗ đáng chú ý nhất của đoạn văn. Trang Tử là người có thể viết bất cứ điều gì. Ông để câu hỏi lơ lửng giữa không trung, và ông gọi trạng thái ấy bằng hai chữ: vật hóa *– sự biến hóa của vạn vật.*

Người đời sau đọc đoạn này và thường hiểu thành một bài học về sự hư ảo của đời người. Nhưng có một cách đọc khác, gần hơn với chúng ta hôm nay.

Trang Tử không nói rằng ông không biết mình là ai. Ông nói rằng ông không biết cái gì đang mơ cái gì.

Đó là một câu hỏi về quyền tác giả. Con bướm trong giấc mơ ấy bay lượn rất khéo, nhưng nó không phải là tác giả của chuyến bay. Người mơ mới là tác giả. Và khi tỉnh dậy, Trang Chu không biết mình đang giữ vai nào.

Năm hai nghìn mười một, một nhóm nhà tâm lý học ở Hoa Kỳ làm một thí nghiệm về trí nhớ.

Họ cho người tham gia đọc một loạt câu đơn giản, kiểu thị trường chứng khoán tăng bốn phần trăm hôm nay. *Nhóm thứ nhất được cho biết những câu ấy sẽ được lưu lại trong máy, có thể tra cứu bất cứ lúc nào. Nhóm thứ hai được cho biết chúng sẽ bị xoá.*

Nhóm thứ nhất nhớ ít hơn hẳn.

Nhưng điều đáng chú ý hơn nằm ở một chi tiết phụ: nhóm thứ nhất không nhớ nội dung, nhưng họ nhớ rất tốt chỗ *để tra nội dung ấy. Bộ não không xoá. Nó chỉ đổi việc: từ ghi nhớ sang ghi địa chỉ.*

Người ta gọi đó là hiệu ứng Google. *Nó không phải bệnh. Nó là cách bộ não tiết kiệm năng lượng – việc mà nó đã làm từ khi con người biết viết.*

Nhưng có một khác biệt giữa việc tra cứu một sự kiện và việc viết một câu.

Một sự kiện là một thứ ở ngoài ta: ngày sinh của một nhà văn, công thức tính lãi suất. Ta có thể để nó ở ngoài mà không mất gì.

Một câu thì khác. Khi ta viết, ta không chỉ ghi lại suy nghĩ. Ta làm ra *suy nghĩ.*

Các nhà nghiên cứu đã so sánh sinh viên ghi bài bằng tay và ghi bài bằng máy tính. Nhóm gõ máy ghi được nhiều chữ hơn – gần như chép nguyên lời giảng. Nhóm viết tay ghi ít chữ hơn, nhưng hiểu bài tốt hơn, và nhớ lâu hơn.

Vì sao? Vì tay không theo kịp miệng. Người viết tay buộc phải chọn: nghe xong, hiểu, rồi rút lại thành một câu ngắn. Cái việc chọn ấy – cái việc khó chịu, chậm chạp, phải tự hỏi ý chính là gì *– chính là việc học.*

Gõ máy không có cái chỗ ấy. Nó cho phép ta đi đường vòng qua đúng cái phần mệt nhất.

Rồi đến một tầng sâu hơn, tầng của nghề nghiệp.

Trong ngành hàng không, các nhà điều tra đã ghi nhận một hiện tượng mà họ gọi là sự tự mãn với tự động hóa. *Khi máy bay tự lái được, phi công ít bay tay. Kỹ năng bay tay không mất ngay. Nó mòn dần, không ai để ý, vì máy vẫn làm tốt.*

Cho đến một ngày máy không làm được nữa – một tình huống mà hệ thống chưa từng gặp, một cảm biến đóng băng, một tham số ngoài mọi dữ liệu huấn luyện. Lúc ấy, người ngồi trong buồng lái phải làm cái việc mà anh ta đã không làm suốt ba năm.

Các nhà điều tra tai nạn hàng không đã chỉ ra điều này trong nhiều báo cáo. Họ không kết luận rằng tự động hóa là xấu. Họ kết luận một điều chính xác hơn: cái kỹ năng mà ta không dùng thì không được bảo tồn bởi việc ta từng có nó.

Nhã làm việc với công cụ viết ba năm. Trong ba năm ấy, cô chưa từng viết một đoạn nào dài hơn hai câu mà không đưa cho máy.

Ba năm. Một nghìn ngày. Và bốn phút ở buổi làm việc nhóm là cái tình huống mà hệ thống chưa từng gặp.

Tháng Sáu, Nhã thử một việc.

Cô mở một tài liệu trống, và cô tự đặt ra một luật: viết một đoạn về nhận định thị trường tuần này, không dùng công cụ, không xem báo cáo cũ.

Cô viết được ba câu. Đến câu thứ tư, cô dừng.

Cô ngồi im. Cô không bí về thông tin – cô có đủ số liệu trong đầu. Cô cũng không bí về ngôn ngữ – cô có đủ từ.

Cái cô bí là một việc khác, và cô phải mất một lúc mới gọi được tên nó: cô không biết mình muốn nói gì.

Cô nhận ra rằng suốt ba năm, cô chưa từng trả lời câu hỏi ấy. Cô chỉ đưa số liệu vào, và nhận một nhận định ra. Cái nhận định ấy luôn đúng, luôn mạch lạc, luôn được viết bằng một giọng chắc chắn. Cô đọc nó, sửa vài chữ, rồi gửi. Cô chưa từng phải muốn nói *điều gì.*

Và đến hôm ấy, ngồi trước ba câu mình vừa viết, cô hiểu ra một điều mà cô thấy lạnh hơn cả cái tin nhắn xin lỗi tháng Tư:

Cô không mất giọng văn. Giọng văn là một thứ bề mặt, và bề mặt thì có thể luyện lại.

Cái cô mất là cái việc phải tự hỏi mình muốn nói gì. Và cái việc ấy là chỗ duy nhất mà một con người có thể xuất hiện trong một câu văn.

Trang Tử để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu, và nó là câu hỏi mà ông cố ý không trả lời:

Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dữ, hồ điệp chi mộng vi Chu dữ? – *Không biết Chu đang mơ thấy mình là bướm, hay bướm đang mơ thấy mình là Chu?*

Nhã ngồi trước màn hình rất lâu. Cô nhận ra mình không cần giải câu hỏi ấy. Cô chỉ cần biết một điều: ba năm nay, trong cái văn bản mang tên cô, có một chỗ trống – cái chỗ mà đáng lẽ phải có một người ngồi.

Nhã không bỏ công cụ ấy. Cô không thể bỏ, và cô cũng không muốn đóng vai người từ chối thời đại. Cô viết ba mươi email một ngày. Không có công cụ, cô không làm nổi việc.

Cô vẫn để nó viết báo cáo. Cô vẫn bấm viết lại cho mềm hơn.

Nhưng từ tháng Bảy, cô làm một việc rất nhỏ, và cô làm mỗi ngày.

Buổi sáng, trước khi mở máy, cô lấy một cuốn sổ và một cây bút, và cô viết một đoạn.

Một đoạn thôi. Không sửa. Không đưa cho ai. Không đưa cho máy.

Đoạn ấy thường rất tệ. Có hôm nó là một câu: hôm qua mình nói hơi gắt với chị Mai. *Có hôm nó là ba dòng lủng củng về một chuyện cô không hiểu. Có hôm cô ngồi mười phút và viết được một chữ.*

Cô không gọi đó là luyện viết. Cô không gọi nó là gì cả.

Điều duy nhất cô làm là để nó tệ. Cô đã mất ba năm để mọi câu mình viết ra đều phải tốt. Bây giờ cô giữ lại một đoạn mỗi ngày để nó được phép tệ – vì cái chỗ tệ ấy là chỗ duy nhất còn lại mà cô phải tự bước vào, một mình, không có ai viết hộ.

Trang Tử không giải được câu hỏi của mình. Ông để nó lơ lửng, và gọi đó là sự biến hóa của vạn vật.

Nhã cũng để nó lơ lửng. Nhưng mỗi sáng, cô viết một đoạn văn tệ bằng tay, và trong bốn phút ấy, cô biết chắc một điều mà không cần chứng minh: người cầm bút là cô.

Phần V

Cuộc khủng hoảng kết nối và sự cô đơn được kết nối

DẪN NHẬP

Chưa bao giờ con người kết nối nhiều đến thế. Và chưa bao giờ con người cô đơn nhiều đến thế.

Đó không phải một nghịch lý. Đó là một sự thay thế.

Bốn phần trước của cuốn sách này nói về những thứ bị lấy đi: sự thật bị băm thành mảnh vụn, giá trị bị quy về năng suất, sự vững chãi bị dòng chảy làm cho gãy, và cái Tôi bị phồng lên cho đến khi tự nứt. Phần này nói về thứ bị lấy đi một cách lặng lẽ nhất, và cũng đau nhất: người khác.

Ta không mất bạn bè. Ta chỉ đổi bạn bè thật thành một bản mô phỏng đủ giống để không nhận ra. Ta không mất gia đình. Ta chỉ đổi những bữa cơm thành những cuộc gọi video ba phút. Ta không mất hàng xóm. Ta chỉ đổi họ thành những cái tên trên một bảng tin chung cư, mà ta chưa từng gõ cửa. Mỗi lần thay thế đều rất hợp lý, rất tiện, rất tiết kiệm thời gian. Cộng lại, chúng tạo ra một cuộc đời đầy người mà không có ai.

Cổ nhân đã nhìn thấy điều này từ rất lâu, và đã cười. Trang Tử nói về hai con cá nằm trên cạn, đùm bọc nhau bằng nước bọt — và bảo rằng thà chúng quên nhau ngoài sông hồ còn hơn. Lão Tử vẽ ra một thế giới lý tưởng nơi tiếng gà tiếng chó nghe được của nhau, mà dân đến chết già không qua lại. Cả hai ông đều không cổ vũ sự xa cách. Các ông chỉ chỉ ra một điều mà ta hay quên: kết nối không phải là ở gần, mà là ở chỗ đủ rộng để mỗi người thở được.

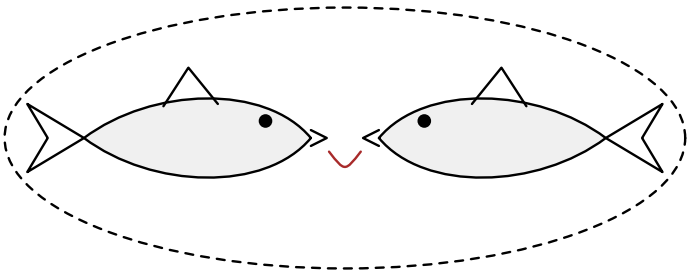
Năm chương sau kể về năm người. Bốn người đầu vẫn còn một cánh cửa để gõ: một cô gái hai mươi sáu tuổi có bốn ngàn người theo dõi, và vào hai giờ mười bảy phút sáng, khi bụng cô đau, cô mở danh bạ ra và không biết gọi ai; một người đàn ông sống giữa thành phố mười triệu dân mà không biết tên người ở căn hộ đối diện; một người chủ tiệm nhạc cụ rót ly trà thứ hai vào mỗi tối thứ Năm, ba mươi hai tuần liền, rồi đổ nó đi – và không gọi việc ấy là gì cả; một chàng trai ba mươi ba tuổi dùng ứng dụng hẹn hò năm năm, gặp bốn mươi bảy người, và không chọn được ai, vì có quá nhiều để chọn.

Người cuối cùng không có cánh cửa nào. Chị bán hàng online ban đêm, phía sau là đứa con cần sữa và người mẹ cần thuốc; chị đã đọc hết những cách bước ra kể ở hai mươi lăm chương trước, thuộc cả từng câu chuyện cổ, và vẫn mở nắp laptop lên gõ tiếp. Chương ấy không phải một chương an ủi. Nó là chương mà cuốn sách này nợ người đọc: một lời thú nhận rằng có những người không thể cười, và không phải vì họ yếu. Cái cười của thánh nhân cần một khoảng lặng. Không phải ai cũng có khoảng lặng.

Đây là phần buồn nhất của cuốn sách. Nó không có thuốc chữa. Nó chỉ có một việc rất nhỏ, và việc ấy khó hơn mọi thứ đã nói ở bốn phần trước: gõ cửa. Riêng với người không có cửa mà gõ, xin đừng đọc câu ấy như một lời khuyên.

Chương 21

Cá quên nhau ngoài sông hồ



Hai con cá trên cạn

Hai giờ mười bảy phút sáng, Linh thức dậy vì đau bụng.

Cơn đau không dữ dội – chỉ là một cái siết ở vùng thượng vị, kiểu đau mà ban ngày người ta uống một viên thuốc rồi quên. Nhưng đêm khuya làm mọi thứ to hơn. Cô nằm nghiêng, co người lại, và bỗng thấy căn hộ im lặng đến mức nghe được tiếng tủ lạnh chạy. Cô hai mươi sáu tuổi, sống một mình ở một chung cư ngoài vành đai, và đây là đêm thứ ba trong tuần cô thức dậy một mình.

Cô với tay lấy điện thoại. Không phải để gọi cấp cứu – cơn đau chưa tới mức ấy. Cô chỉ muốn nghe giọng một người. Cô mở danh bạ.

Bốn trăm hai mươi mấy số. Cô lướt ngón tay xuống. Tên của đồng nghiệp, tên của khách hàng, tên của mấy chị trong nhóm chạy bộ, tên của những người cô từng đi cà phê một lần rồi không gặp lại. Cô lướt hết danh bạ một lượt, rồi lướt lại từ đầu, chậm hơn. Không có ai cô dám gọi lúc hai giờ mười bảy phút sáng. Không phải vì cô ghét ai. Mà vì gọi lúc hai giờ sáng là một hành động thân mật, và cô không có ai đủ thân mật để làm việc đó.

Cô mở mạng xã hội. Bốn ngàn hai trăm người theo dõi. Cô đăng một cái story – dòng chữ trắng trên nền đen: có ai còn thức không. *Cô không viết thêm gì. Cô đặt điện thoại xuống, nhìn trần nhà, chờ.*

Sáng hôm sau, cái story ấy có hai trăm bảy mươi lượt xem. Ba lượt thả tim. Không một tin nhắn.

Trước đêm ấy, cuộc đời Linh nhìn từ ngoài vào là một cuộc đời đầy ắp. Cô làm social media cho một thương hiệu mỹ phẩm, ngày nào cũng nói chuyện với hàng trăm người. Cô có một tài khoản cá nhân mười tám ngàn người theo dõi, đăng ảnh cà phê, ảnh hoàng hôn, ảnh mấy cuốn sách cô đang đọc. Cô đi ăn với bạn bè hai lần mỗi tuần, và mỗi lần đều có ảnh. Ai nhìn vào cũng nghĩ cô là người được yêu mến. Cô cũng nghĩ thế. Cô chỉ không biết vì sao, mỗi Chủ nhật, khi thành phố chậm lại, cô lại thấy một cái trống ở giữa ngực, đúng chỗ mà cô không biết đặt tên.

Đêm nay, cái trống ấy có tên. Nó tên là: bốn trăm hai mươi số, không một ai.

Hai ngàn ba trăm năm trước, Trang Tử kể một câu chuyện rất ngắn.

Mùa hạn, một con suối cạn khô. Hai con cá bị mắc lại trong một vũng nước còn sót lại – nước ít đến mức chỉ đủ ướt đáy. Để sống thêm vài giờ, hai con cá làm một việc mà người ta không ngờ: chúng quay vào nhau, thở ra hơi ẩm, và lấy nước bọt của mình thấm ướt lên da con kia. Cứ thế, con này giữ ẩm cho con kia, cho đến khi vũng nước khô hẳn.

Trang Tử kể xong, không khen cái hành động ấy. Ông nói một câu khiến bao đời người phải nghĩ: tương nhu dĩ mạt, bất như tương vong ư giang hồ *– thấm ướt nhau bằng nước bọt, sao bằng quên nhau ngoài sông hồ.*

Nghe qua, câu ấy có vẻ nhẫn tâm. Hai con cá đang thương nhau đến thế, sao lại bảo quên nhau là hơn? Nhưng Trang Tử không nói về tình thương. Ông nói về cái vũng. *Ông chỉ ra một sự thật mà con người hay lẫn: cái hành động thấm ướt nhau kia trông giống tình thân, nhưng thật ra nó là* triệu chứng của một cái suối đã cạn. *Hai con cá không thấm ướt nhau vì chúng thương nhau hơn những con cá khác. Chúng thấm ướt nhau vì chúng không còn nước.*

Và điều Trang Tử muốn nói không phải là "đừng thương nhau". Điều ông muốn nói là: đừng nhầm cái vũng với con sông. *Đừng đem sự sống còn cấp bách của một cái vũng cạn để đo tình cảm. Vì nếu con sông còn đầy, hai con cá ấy đã chẳng cần nước bọt của nhau – chúng chỉ bơi, mỗi con một hướng, và không cần nhớ mặt nhau. Đó không phải sự lạnh nhạt. Đó là sự sống.*

Cái vũng của Linh có tên trong xã hội học.

Năm 1992, nhà nhân chủng học Robin Dunbar đưa ra một con số nổi tiếng: bộ não người chỉ có khả năng duy trì quan hệ ổn định với khoảng một trăm năm mươi người. Trên con số ấy, các mối quan hệ trở thành những cái tên trừu tượng – ta biết họ tồn tại, nhưng ta không thật sự biết họ. Trong một trăm năm mươi người ấy, chỉ khoảng năm người là bạn thân, và khoảng mười lăm người là bạn đủ để ta gọi lúc hai giờ sáng.

Điện thoại cho ta bốn trăm số. Bộ não cho ta mười lăm chỗ. Khoảng cách giữa bốn trăm và mười lăm là một khoảng cách mới, chưa từng có trong lịch sử loài người. Và ta đã lấp cái khoảng cách ấy bằng một thứ rất rẻ: sự hiện diện.

Mạng xã hội không cho ta thêm bạn. Nó cho ta thêm khán giả. *Đó là một sự khác biệt lớn hơn vẻ ngoài của nó. Khán giả thấy ta. Bạn thì nâng ta. Khán giả thả tim khi ta đăng ảnh hoàng hôn. Bạn thì gọi khi ta biến mất ba ngày. Khán giả đông lên thì ta thấy mình quan trọng. Bạn ít đi thì ta thấy mình được giữ.*

Các nhà tâm lý gọi việc lướt feed để tìm cảm giác gần gũi là ăn vặt xã hội *– social snacking. Nó giống như ăn một gói bim bim khi đang đói: vị thì có, nhưng bụng thì không đầy. Càng ăn vặt, ta càng mất cảm giác thèm một bữa ăn thật. Và cái feed thì không bao giờ hết.*

Năm 2023, cơ quan y tế công của Hoa Kỳ tuyên bố sự cô đơn là một dịch bệnh, với tác hại lên sức khỏe tương đương hút mười lăm điếu thuốc một ngày. Con số ấy không nói về những người sống một mình. Nó nói về những người sống giữa rất nhiều người. Về những người như Linh: có bốn ngàn người theo dõi và không có ai để gọi.

Và có một điều trớ trêu mà các nhà nghiên cứu đã chỉ ra: càng nhiều kết nối yếu, người ta càng ít đầu tư vào kết nối mạnh. Vì mỗi mối quan hệ đều cần thời gian, mà thời gian thì có hạn. Khi ta dành hai giờ mỗi ngày để trả lời tin nhắn của những người không quan trọng, ta không còn hai giờ ấy để ngồi im với một người quan trọng. Cái vũng không cạn đi vì ta lười. Nó cạn đi vì ta đã đổ nước ra bốn trăm chỗ, và không chỗ nào đủ sâu.

Sáng hôm sau, Linh ngồi ở bàn ăn, nhìn cái story của mình.

Hai trăm bảy mươi lượt xem. Ba lượt thả tim. Cô đọc lại dòng chữ mình viết: có ai còn thức không. *Cô nhận ra mình đã hỏi một câu hỏi đúng, và nhận được một câu trả lời sai. Hai trăm bảy mươi người thấy câu hỏi ấy. Ba người bấm một cái tim. Không ai hiểu rằng đó là một lời cầu cứu. Hoặc có người hiểu, nhưng bấm tim thì dễ hơn gọi.*

Cô mở danh bạ lần nữa. Lần này cô không lướt hết. Cô dừng ở một cái tên: Trang. Chị họ của cô, hơn cô bảy tuổi, làm ở một bệnh viện trong thành phố. Hai chị em từng rất thân hồi Linh còn học cấp ba. Ba năm nay họ chỉ nhắn tin chúc mừng sinh nhật, mỗi năm một lần, bằng một câu copy trên mạng.

Linh đặt ngón tay lên tên ấy, và chần chừ.

Người kể chuyện hai con cá chèn thêm một câu, lạnh hơn cả vũng cạn:

Tương nhu dĩ mạt, bất như tương vong ư giang hồ.

Linh không đọc câu ấy ở đâu cả. Cô chỉ nhớ mang máng một lần, hồi cấp ba, cô có đọc một bài về Trang Tử và câu chuyện hai con cá. Hồi ấy cô thấy nó nhẫn tâm, và cô ghét nó. Đêm nay, hai mươi sáu tuổi, cô hiểu ra: Trang Tử không bảo cá quên nhau. Ông bảo cá hãy tìm nước.

Và Linh nhận ra điều làm cô lạnh người: suốt nhiều năm, cô đã tưởng mình là con cá thương bạn. Thật ra cô là con cá đang đếm nước bọt. Bốn ngàn người theo dõi, bốn trăm số, hai trăm bảy mươi lượt xem – tất cả đều là nước bọt. Ấm, mặn, và không ai uống được. Cái cô thiếu chưa bao giờ là thêm người. Cái cô thiếu là một con sông.

Linh bấm gọi.

Chuông đổ bốn tiếng. Cô suýt tắt. Tiếng thứ năm, bên kia nhấc máy, giọng ngái ngủ và hơi cáu:

– Alo… Linh hả? Có chuyện gì vậy em?

– Chị Trang… – Linh nghe giọng mình khàn. – Em không có chuyện gì. Em chỉ… em chỉ muốn nghe giọng một người.

Bên kia im một lúc. Rồi giọng chị đổi, mềm xuống:

– Ừ. Chị nghe đây. Em nói đi.

Họ nói chuyện bốn mươi phút. Linh không kể gì to tát – chỉ kể chuyện đau bụng, chuyện căn hộ im lặng, chuyện cái story hai trăm bảy mươi lượt xem. Chị Trang nghe, không phán xét, thỉnh thoảng cười. Trước khi cúp, chị nói một câu mà Linh nhớ mãi: em ở ngoài đó bốn năm rồi mà chị chưa lên thăm lần nào. Chủ nhật này chị lên nhé.

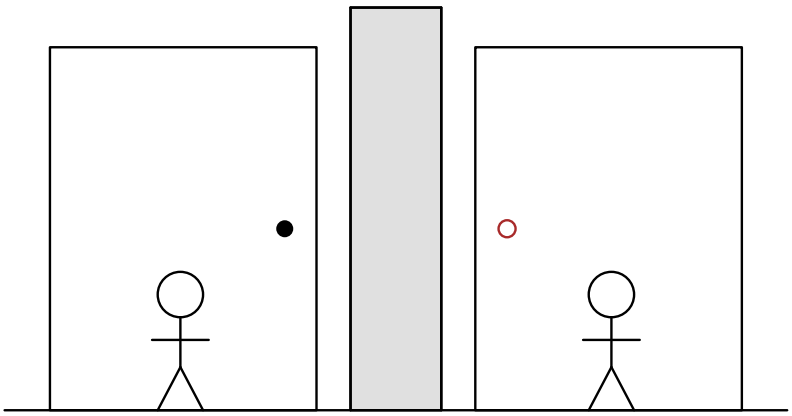
Linh không hứa gì với bản thân. Cô biết mình vẫn phải làm nghề ấy, vẫn phải đăng bài, vẫn phải sống bằng sự chú ý của người khác. Cô không thể bỏ mạng xã hội, cũng không muốn bỏ. Nhưng từ hôm ấy, cô làm một việc nhỏ: mỗi tuần, cô gọi cho một người. Không phải nhắn. Gọi.

Con sông không đào được trong một đêm. Linh biết thế. Nhưng đêm thứ Bảy ấy, khi cô đặt điện thoại xuống và nghe tiếng tủ lạnh chạy trong căn hộ im lặng, cô không còn thấy cái trống ở giữa ngực nữa. Cô chỉ thấy một khoảng trống – và lần đầu, cô biết chính xác mình muốn đổ cái gì vào đó.

Nước bọt thì mặn. Nước sông thì ngọt. Và cá chỉ sống được ở một trong hai.

Chương 22

Tiếng gà chó nghe nhau



Hai căn hộ, một bức tường

Hùng bốn mươi mốt tuổi, và anh đã sống ở căn hộ B-1207 được năm năm.

Anh biết rất rõ căn hộ ấy. Anh biết nó hướng đông nên sáng nào nắng cũng đổ vào bàn ăn. Anh biết cái thang máy số hai hay dừng ở tầng mười lăm nên đi làm anh hay đi thang số một. Anh biết tầng hầm có đúng hai chỗ đỗ xe gần lối lên. Anh biết hết mọi thứ về tòa nhà – trừ một thứ: anh không biết tên người ở căn B-1206, căn hộ đối diện, cách cửa nhà anh ba mét.

Năm năm. Ba mét. Anh và người ấy chạm mặt ở hành lang ít nhất hai lần mỗi tuần. Họ gật đầu. Họ nói "anh đi làm à", "chị đi chợ à". Họ chưa từng hỏi tên nhau. Cũng chưa từng có ai thấy cần phải hỏi.

Tháng trước, căn B-1206 im lặng. Không tiếng tivi. Không tiếng nước. Hùng không để ý – anh đi làm từ bảy giờ sáng đến tám giờ tối, về nhà là mệt, và hành lang thì vốn im lặng, im lặng là trạng thái bình thường của một hành lang chung cư.

Đến tuần thứ ba, ban quản lý mở cửa căn hộ ấy. Bên trong có một người đàn ông bảy mươi hai tuổi, đã chết khoảng mười tám ngày. Ông sống một mình. Con cái ở nước ngoài, gọi điện mỗi tuần. Người con gọi cho bố mỗi Chủ nhật, và trong ba tuần ấy, điện thoại vẫn đổ chuông, vẫn có người nhấc máy – vì con trai ông đã kịp trả tiền tự động cho sim, và cái sim thì không biết chủ nó đã chết.

Hùng biết chuyện ấy qua một tin nhắn trong nhóm chat chung cư. Ba mươi bảy chữ. Anh đọc lúc mười một giờ đêm, trên giường, và anh đọc lại ba lần. Rồi anh nằm im, mắt mở, nhìn trần nhà.

Anh nhận ra một điều không thể chấp nhận được: nếu đêm nay anh chết trong căn hộ này, người đầu tiên biết sẽ là ban quản lý, sau khoảng hai tuần, vì một mùi. Không phải vợ anh – vợ anh đã ly hôn bốn năm. Không phải đồng nghiệp – anh chỉ nói chuyện với họ qua tin nhắn. Không phải hàng xóm – anh không biết tên họ.

Anh nằm đó, và lần đầu sau năm năm, anh nghe thấy tiếng của tòa nhà. Tiếng thang máy chạy. Tiếng một đứa trẻ ở tầng dưới. Tiếng nước chảy trong ống. Và anh nhận ra: tất cả những tiếng ấy đều là tiếng của người. Anh nghe chúng mỗi đêm, suốt năm năm, và chưa một lần anh nghĩ đến việc gõ cửa một trong những cái tiếng ấy.

Hai ngàn năm trước, Lão Tử vẽ ra một thế giới lý tưởng. Đó là chương tám mươi của Đạo Đức Kinh*, và nó rất ngắn.*

Ông viết về một đất nước nhỏ, dân ít. Dân ở đó ăn thấy ngon, mặc thấy đẹp, ở thấy yên, vui với phong tục của mình. Ông viết tiếp một câu mà bao đời người đọc xong phải dừng lại: lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn, dân chí lão tử bất tương vãng lai *– nước láng giềng nhìn thấy nhau, tiếng gà tiếng chó nghe được của nhau, mà dân đến chết già không qua lại.*

Người đời sau hay đọc câu ấy như một lời cổ vũ sự xa cách. Nhưng đọc kỹ thì không phải. Lão Tử không ca ngợi việc người ta không gặp nhau. Ông ca ngợi việc người ta không cần *gặp nhau – vì mỗi người đã đủ đầy, đã yên với chỗ của mình. Sự xa cách trong câu ấy là* kết quả *của sự tự túc, không phải* nguyên nhân *của nó. Người ta không qua lại vì không có gì phải cầu xin nhau. Nhưng họ vẫn* nghe thấy nhau *– tiếng gà, tiếng chó vẫn vọng qua bờ rào. Đó là một thứ kết nối rất nhẹ, rất lỏng, và đủ.*

Lão Tử không vẽ một thế giới của những người xa lạ. Ông vẽ một thế giới của những người tự chủ nhưng vẫn thuộc về một nơi chốn, vẫn có tiếng của nhau để nghe.

Có một chi tiết nhỏ trong câu ấy mà người ta hay bỏ qua: tiếng gà tiếng chó*. Lão Tử không chọn tiếng người. Ông chọn tiếng vật nuôi – thứ âm thanh không mang nội dung, không cần trả lời, không cần trả lễ. Tiếng gà gáy sáng không phải một lời mời. Nó chỉ là một dấu hiệu rằng bên kia bờ rào có người đang sống. Và đôi khi, thế là đủ để một người không thấy mình đơn độc trên đời.*

Hiện tượng căn B-1206 không phải chuyện riêng của tòa nhà ấy.

Ở Nhật, người ta có một từ cho nó: kodokushi *– cái chết cô đơn. Mỗi năm, hàng chục ngàn người Nhật chết một mình trong căn hộ của mình, và được phát hiện sau nhiều ngày, nhiều tuần, có khi nhiều tháng. Nhật Bản có hẳn một ngành công nghiệp dọn dẹp những căn hộ ấy, và một từ cho khoảng thời gian giữa lúc chết và lúc được tìm thấy. Nước Anh có một bộ riêng trong chính phủ lo về cô đơn. Hàn Quốc gọi hiện tượng này là* godoksa*, và đã ban hành một đạo luật về nó.*

Nhưng cái chết cô đơn chỉ là phần chóp. Phần chìm là hàng trăm triệu người còn sống, vẫn đi làm, vẫn đăng ảnh, vẫn gật đầu với hàng xóm – và không có một ai để gõ cửa.

Có một cơ chế tâm lý đứng sau sự im lặng ấy, gọi là hiệu ứng người ngoài cuộc*. Khi một việc cần giúp đỡ mà có nhiều người cùng chứng kiến, xác suất ai đó ra tay lại* giảm *đi. Vì mỗi người tự nhủ: chắc có người khác lo rồi. Trong một hành lang chung cư, hiệu ứng ấy vận hành hoàn hảo. Ba mươi căn hộ nghe tiếng động lạ trong căn B-1206, và ba mươi căn hộ đều nghĩ: chắc nhà bên cạnh để ý rồi. Không ai để ý cả. Đám đông không phải một cộng đồng. Đám đông là một tập hợp những người tin rằng người khác sẽ làm thay mình.*

Và có một thứ nữa, kín đáo hơn: mạng xã hội đã dạy ta cách thay thế hàng xóm. Ta không cần biết tên người đối diện, vì ta đã có hai ngàn người bạn trên mạng. Ta không cần hỏi thăm người cùng tầng, vì ta đã cập nhật trạng thái của họ – à không, của những người khác. Cái nhu cầu "thuộc về một nơi chốn" vẫn còn, nhưng nó được đáp ứng bằng một thứ không có nơi chốn: một dòng tin cuộn vô tận, không thuộc về đâu, không thuộc

về ai.

Kết quả là ta có một nghịch lý kỳ lạ: ta sống chen chúc hơn bao giờ hết, và ta cô đơn hơn bao giờ hết. Chung cư là mô hình sống tập trung nhất trong lịch sử loài người. Và nó cũng là mô hình sống ít chạm mặt nhất.

Mấy hôm sau, Hùng đi làm về muộn. Anh đứng chờ thang máy, và cạnh anh là một người phụ nữ trung niên – người ở căn B-1208, anh đoán thế, vì anh vẫn gặp chị ở hành lang. Họ đứng cạnh nhau ba mươi giây trong im lặng. Thang máy đến. Họ cùng bước vào. Họ cùng bấm tầng mười hai. Họ cùng đứng quay mặt vào cửa.

Hùng nhìn cái bảng số tầng đang nhích lên: 3, 4, 5. Trong đầu anh bật lên câu của Lão Tử – câu anh đọc được đâu đó hồi đại học, và đã quên gần hết:

Lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn, dân chí lão tử bất tương vãng lai.

Và anh nhận ra một điều khiến anh thấy nhục: Lão Tử ca ngợi sự xa cách của những người đã đủ. *Còn anh đang có sự xa cách của những người* chưa đủ. *Người trong câu ấy không qua lại vì họ no. Hùng không qua lại vì anh kiệt. Người trong câu ấy vẫn nghe tiếng gà tiếng chó của nhau. Hùng thì không nghe thấy gì – vì tường chung cư cách âm tốt, và vì anh chưa từng đứng lại đủ lâu để nghe.*

Cái Lão Tử vẽ ra là một cộng đồng rời. Cái Hùng đang sống là một cộng đồng tắt. Hai thứ ấy trông giống nhau từ bên ngoài – người ta không qua lại. Nhưng một bên là sự tự do, một bên là sự hoang.

Thang máy lên đến tầng mười hai. Cửa mở. Người phụ nữ bước ra trước. Hùng bước theo. Và đúng lúc chị ta đưa chìa khóa vào ổ, anh nói một câu mà anh đã không nói với ai trong tòa nhà này suốt năm năm:

– Chị ơi, em tên Hùng. Căn 1207.

Người phụ nữ quay lại, hơi ngạc nhiên. Rồi chị cười:

– Chị là Loan. Nhà 1208. Chú ở đây lâu chưa?

– Dạ, năm năm.

– Vậy mà chị chưa biết tên chú. – Chị cười, có chút gì đó ngượng. – Thôi, để chị vô cất đồ. Chú ăn cơm chưa?

Hùng không nhận lời ăn cơm hôm ấy. Nhưng tuần sau, anh có một việc nhỏ: mỗi tối, trước khi vào nhà, anh đứng lại ở hành lang ba mươi giây. Không làm gì cả. Chỉ đứng, nghe.

Anh nghe tiếng tivi nhà 1204. Tiếng đàn ông cãi nhau nhà 1209 – tiếng cãi của một cặp vợ chồng trẻ, nghe cũng thấy an tâm, vì ít ra họ còn nói với nhau. Tiếng em bé khóc nhà 1203. Tiếng chị Loan đóng cửa. Những âm thanh ấy vẫn ở đó suốt năm năm, và anh chưa từng nghe.

Anh không biến thành một người hàng xóm hoàn hảo. Anh vẫn không qua lại nhiều. Anh vẫn không nhớ hết tên cả tầng. Nhưng anh làm một việc nhỏ và đều đặn: mỗi khi gặp ai ở hành lang, anh dừng lại một nhịp, và nói một câu có tên mình.

Căn B-1206 giờ có người mới. Một cô gái trẻ, hình như mới ra trường. Hùng chưa nói chuyện với cô ấy. Nhưng một tối, khi nghe tiếng cô ấy lúi húi mở cửa, anh mở cửa nhà mình ra, và nói:

– Em mới tới à? Nhà anh 1207. Cần gì cứ gõ cửa nhé.

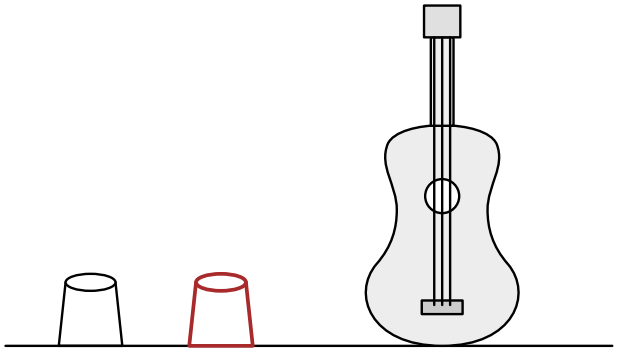
Cô gái gật đầu, cảm ơn, rồi vào nhà. Hùng cũng vào nhà. Hai cánh cửa đóng lại cách nhau ba mét.

Họ vẫn không qua lại. Nhưng đêm ấy, khi nằm xuống, Hùng nghĩ: nếu mình chết trong căn hộ này, có lẽ sẽ có một người biết sớm hơn hai tuần. Không nhiều. Nhưng sớm hơn.

Đó là một con sông rất nhỏ. Nhưng nó bắt đầu từ một tiếng gà.

Chương 23

Bá Nha không đập đàn



Dây đàn còn nguyên

Hải mở một tiệm nhạc cụ nhỏ trên đường Nguyễn Chí Thanh, và dạy đàn ở tầng trên.

Anh bốn mươi bốn tuổi. Tiệm rộng hai mươi lăm mét vuông, có ba cây guitar treo tường, một cây đàn tranh cũ, và một cái ghế băng để học trò ngồi.

Mười sáu năm, cứ tối thứ Năm, Tùng đến.

Tùng hơn Hải hai tuổi, làm ở một ngân hàng, và chơi guitar không giỏi bằng Hải. Hai người không chơi để biểu diễn. Họ chơi vì một lý do mà không ai trong hai người gọi thành tên: khi hai người chơi với nhau mười sáu năm, họ không cần nói.

Tùng mất tháng Ba, sau tám tháng điều trị.

Tối thứ Năm đầu tiên sau đám tang, Hải mở cửa tiệm, bật đèn, và ngồi xuống cái bàn nhỏ ở góc.

Anh rót hai ly trà.

Anh ngồi nhìn hai cái ly khoảng mười phút. Rồi anh đứng dậy, cầm ly thứ hai, và đi đổ vào chậu cây trước cửa.

Tối thứ Năm sau, anh lại rót hai ly. Và lại đổ một ly đi.

Anh làm thế mỗi tối thứ Năm, cho đến nay là tuần thứ ba mươi hai.

Anh không gọi đó là tưởng niệm. Anh không gọi nó là gì cả. Anh chỉ biết rằng tay anh, khi rót trà, vẫn tự động rót hai ly – và anh chưa muốn tập lại cái động tác ấy.

Bá Nha là nhạc sư nước Tấn, chơi đàn cổ cầm rất giỏi.

Một lần, ông đi thuyền qua sông, gảy đàn giữa trời. Trên bờ, một người tiều phu tên Chung Tử Kỳ đứng nghe.

Bá Nha nghĩ đến núi cao. Tử Kỳ nói: Đàn hay quá, cao như Thái Sơn.

Bá Nha nghĩ đến nước chảy. Tử Kỳ nói: Mênh mông như sông như biển.

Bá Nha kinh ngạc. Ông mời Tử Kỳ lên thuyền, và hai người nói chuyện như đã quen từ lâu. Từ đó, họ thành bạn.

Rồi Tử Kỳ mất.

Bá Nha đến mộ bạn, gảy một bài cuối. Gảy xong, ông đập cây đàn xuống đá, giật đứt dây, và từ đó suốt đời không gảy nữa.

Ông nói một câu mà hơn hai nghìn năm nay người đời vẫn nhắc: Thiên hạ không còn ai hiểu tiếng đàn của ta.

Người ta kể câu chuyện này để ca ngợi tình tri kỷ. Và quả thật, nó rất đẹp. Nhưng có một chi tiết mà người kể thường bỏ qua, vì nó không đẹp.

Bá Nha là nhạc sư của một nước. Ông sống trong một thời mà nhạc công là kẻ hầu của vua chúa, nhưng ông vẫn là người được nuôi. Ông đập cây đàn ấy vì ông có thể đập. Cây đàn không phải cơm của ông.

Và có một chi tiết thứ hai, ít ai nhắc hơn: sau khi đập đàn, Bá Nha còn sống rất lâu.

Nếu Bá Nha đập đàn hôm nay, và nếu ông ấy làm nghề dạy nhạc như Hải, thì câu chuyện sẽ khác hẳn. Nhưng chuyện ấy để sau.

Trước hết, hãy nhìn vào cái thứ đang xảy ra với Hải, vì nó đã được đo.

Năm hai nghìn hai mươi mốt, một trung tâm nghiên cứu ở Hoa Kỳ công bố một cuộc khảo sát mà kết quả khiến nhiều người không tin.

Năm một nghìn chín trăm chín mươi, có ba phần trăm người Mỹ nói rằng họ không có một người bạn thân nào. Đến năm hai nghìn hai mươi mốt, con số ấy là mười hai phần trăm.

Ở đầu kia cũng vậy: năm một nghìn chín trăm chín mươi, ba mươi ba phần trăm người nói họ có mười người bạn thân trở lên. Năm hai nghìn hai mươi mốt, con số ấy là mười ba phần trăm.

Các nhà tâm lý học về tuổi tác đã mô tả hiện tượng này từ lâu bằng một hình ảnh: đời người như một đoàn xe. Khi ta đi qua các chặng, có người lên xe, có người xuống xe, và những người ở lại lâu nhất là những người ngồi gần ta nhất. Đến tuổi trung niên, cái đoàn xe ấy hẹp lại. Không phải vì ta ghét người ta. Vì ta hết thời gian.

Và người ta đo được cả cái ngưỡng. Năm hai nghìn mười chín, một nhà tâm lý học tính ra số giờ cần thiết để một người quen thành một người bạn thân: khoảng hai trăm giờ.

Hai trăm giờ. Nghĩa là nếu mỗi tuần gặp nhau hai giờ, ta cần hai năm để có một người bạn thân mới.

Hải và Tùng gặp nhau hai giờ mỗi tuần, mười sáu năm. Họ đã đổ vào nhau hơn một nghìn sáu trăm giờ.

Và đây là chỗ mà các nghiên cứu hiện đại nói một điều trái với trực giác của người xưa.

Trong nhiều thập niên, ngành tâm lý học phương Tây mô tả việc mất một người thân như một quá trình có năm giai đoạn, và mục tiêu cuối cùng là chấp nhận *– nghĩa là buông, là đi tiếp, là để người ấy rời khỏi ta.*

Nhưng đến cuối thế kỷ hai mươi, một nhóm nhà nghiên cứu về đau buồn công bố một cách nhìn khác, và nó thay đổi cách ngành này hiểu về cái chết.

Họ phỏng vấn rất nhiều người đã mất cha mẹ, vợ chồng, con. Và họ nhận ra rằng người ta không buông. Người ta giữ*. Người ta nói chuyện với người đã mất. Người ta vẫn hỏi ý kiến họ trước những quyết định lớn. Người ta vẫn để lại một chỗ ngồi ở bàn ăn. Người ta không quên, và cũng không muốn quên.*

Các nhà nghiên cứu gọi đó là mối quan hệ tiếp diễn*. Và họ kết luận rằng nó không phải bệnh lý. Nó là cách con người sống tiếp.*

Hải rót hai ly trà. Anh không cần đọc nghiên cứu nào để làm việc ấy. Tay anh biết trước đầu anh.

Tháng Mười, một người bạn cũ của Tùng ghé tiệm, mua một bộ dây đàn, rồi hỏi Hải: anh có định chơi lại không.

Hải nói: có chứ, tuần nào cũng chơi, còn dạy nữa.

Người ấy gật gù, rồi nói: ừ, tôi hỏi vậy thôi. Tại hồi đó anh Tùng mất, tôi thấy anh không chơi mấy tháng liền.

Hải cười. Anh không nói gì thêm. Nhưng đêm ấy, sau khi đóng cửa, anh ngồi lại một mình với cây đàn và nghĩ về câu chuyện Bá Nha.

Bá Nha đập đàn. Cả nước khen ông là người trọng tình nghĩa.

Hải không đập đàn. Và điều làm anh khó chịu không phải là anh không đập.

Điều làm anh khó chịu là anh nhận ra vì sao anh không đập.

Nếu Hải đập cây đàn ấy, sáng hôm sau anh không có gì để dạy. Anh không có gì để bán. Anh có một khoản vay ngân hàng còn chín năm và một đứa con đang học lớp Mười.

Bá Nha đập được cây đàn vì cây đàn ấy không phải cơm của ông. Ông đập nó như ta đập một vật kỷ niệm. Hải không đập được, vì cây đàn của anh là cái nghề.

Và trong ba mươi hai tuần qua, mỗi tối thứ Năm, khi rót ly trà thứ hai rồi đổ nó đi, Hải đã làm một việc mà Bá Nha không làm. Ông đập đàn để chấm dứt. Hải giữ đàn, và vẫn rót ly trà ấy – nghĩa là anh không chấm dứt gì cả.

Lã Thị Xuân Thu để lại cho đúng khoảnh khắc này một câu:

Chung Kỳ tử, Bá Nha phá cầm tuyệt huyền, chung thân bất phục cổ cầm. – *Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn, giật dây, suốt đời không gảy đàn nữa.*

Hải ngồi trong tiệm tối, tay đặt trên cây đàn, và lần đầu tiên anh hiểu ra một điều về câu ấy: đập đàn là một hành động rất gọn. Nó có một cái kết. Nó cho người ta một câu chuyện để kể, và cho ông ta một tư thế để đứng.

Cái khó không phải là đập đàn. Cái khó là rót ly trà thứ hai vào mỗi tối thứ Năm, ba mươi hai tuần liền, và không gọi nó là gì cả.

Hải vẫn dạy.

Anh có bảy học trò. Đứa nhỏ nhất mười một tuổi, tên Phúc, mới học được bốn tháng, đánh còn vấp.

Tháng Mười một, một buổi chiều, Phúc đánh một bài và sai ở một chỗ.

Hải ngồi nghe, và anh đứng lặng.

Đó là một chỗ rất nhỏ: một nốt đáng lẽ phải ngân thêm nửa nhịp thì Phúc buông tay sớm. Một lỗi mà bất kỳ giáo viên nào cũng nghe ra và sửa trong hai giây.

Nhưng với Hải, cái chỗ ấy không phải một lỗi. Đó là chỗ mà Tùng, mười sáu năm, luôn luôn ngân đủ – và luôn luôn, sau khi ngân xong, ngẩng lên nhìn Hải một cái, như để hỏi được không.

Hải đứng lặng khoảng mười giây.

Rồi anh ngồi xuống cạnh Phúc, cầm tay nó đặt lên dây đàn, và nói: chỗ này, con ngân thêm một chút nữa. Nghe nè.

Anh đàn mẫu. Phúc nghe, rồi đàn lại. Lần này đúng.

Hải khen. Buổi học tiếp tục. Đến bảy giờ thì hết giờ, Phúc về, và Hải đóng cửa tiệm.

Hải biết Phúc sẽ không bao giờ hiểu vì sao thầy nó đứng lặng mười giây ở chỗ ấy. Nó cũng sẽ không bao giờ hiểu cái chỗ ấy có gì. Nó mười một tuổi, nó chỉ cần ngân đủ nửa nhịp.

Và Hải không cần nó hiểu. Anh chỉ cần nó ngân đủ.

Tối ấy là tối thứ Năm. Hải rót hai ly trà, uống một ly, và đổ ly kia vào chậu cây trước cửa.

Rồi anh ngồi xuống, lấy cây đàn ra, và chơi một mình, cho đến mười giờ.

Cây đàn của anh còn nguyên dây. Không phải vì anh can đảm hơn Bá Nha. Mà vì ngày mai anh còn phải dạy, và người ta trả tiền cho anh để đàn cho những người không hiểu.

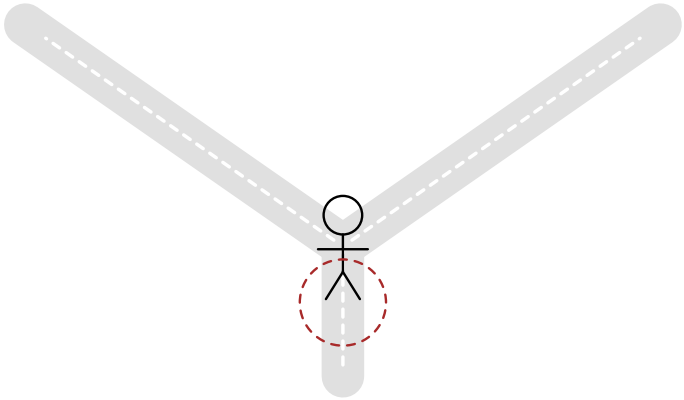
Anh chơi đến hết một bài, rồi anh dừng, và anh ngẩng lên nhìn vào chỗ cái ghế băng bên kia bàn.

Không có ai ở đó.

Anh gảy tiếp.

Chương 24

Con dê lạc ở ngã ba



Đứng mãi ở ngã ba

Nam ba mươi ba tuổi, và anh đã dùng ứng dụng hẹn hò được năm năm – dài hơn thời gian anh học đại học, dài hơn thời gian anh gắn bó với công ty đầu tiên.

Trong năm năm ấy, anh đi cà phê với bốn mươi bảy người.

Anh nhớ con số vì anh có một thói quen hơi kỳ: mỗi lần đi về, anh gõ một dòng vào phần ghi chú trong điện thoại. Không phải để chấm điểm ai – anh không phải hạng người ấy. Anh gõ để nhớ. Nhưng tối hôm kia, khi mở lại cái ghi chú dài bốn mươi bảy dòng ấy, anh nhận ra mình không nhớ nổi một gương mặt nào. Anh nhớ vài chi tiết: người thì nói nhiều quá, người thì im lặng quá, người thì ăn hết phần của anh. Nhưng ghép những chi tiết ấy lại, anh không dựng được một con người.

Nam không phải kẻ xấu. Anh không lừa ai, không bắt cá hai tay, không biến mất giữa chừng. Anh chỉ làm đúng một việc: sau mỗi cuộc gặp, anh mở điện thoại ra và lướt tiếp.

Không phải vì người vừa gặp dở. Mà vì trên màn hình vẫn còn người khác. Và cái "vẫn còn" ấy là một lời thì thầm không bao giờ tắt: biết đâu.

Hai năm trước, có một người tên Ngọc. Hai người gặp nhau bảy lần – nhiều hơn bất kỳ ai khác trong bốn mươi bảy người kia. Lần thứ bảy, ở một quán cà phê trên đường Nguyễn Chí Thanh, Ngọc gấp cuốn sổ tay lại, nhìn thẳng vào mắt anh, và hỏi một câu rất bình thường:

– Anh có đang tìm hiểu ai khác không?

Nam nói: "Không."

Anh nói dối. Không phải một lời dối lớn – anh không hẹn hò ai khác trong tuần ấy. Nhưng đêm nào anh cũng mở ứng dụng, lướt, và lưu lại vài cái tên. Anh không gọi cho ai. Anh chỉ để đó. Cái "để đó" ấy, nếu nói ra, nghe chẳng có gì. Nhưng Ngọc nhìn anh ba giây, rồi gật đầu, rồi trả tiền phần cà phê của mình và đi.

Cô ấy không giận. Cô ấy chỉ biết. Người ta biết được những điều như thế, dù không có bằng chứng.

Nam về nhà, mở ghi chú, và gõ dòng thứ bảy. Anh gõ đúng một chữ: "Ngọc." Không có gì thêm. Đó là dòng ngắn nhất trong bốn mươi bảy dòng, và đến hôm nay anh vẫn không hiểu vì sao mình viết ít đến thế.

Hai ngàn ba trăm năm trước, trong sách Liệt Tử*, có một chuyện rất ngắn, xảy ra ở một làng nọ.*

Hàng xóm nhà Dương Chu bị mất một con dê. Ông ta huy động cả nhà đi tìm, rồi sang nhà Dương Chu xin thêm người. Dương Chu hỏi: "Mất có một con dê, sao phải nhiều người đi tìm thế?" Người hàng xóm đáp: "Vì đường có nhiều ngã rẽ."

Họ đi từ sáng đến chiều tối, rồi về tay không. Dương Chu hỏi: "Tìm được dê chưa?" Người hàng xóm đáp: "Chưa. Vì ngã rẽ lại có ngã rẽ, rồi ngã rẽ nữa. Không biết nó đi lối nào, đành về."

Dương Chu nghe xong, nét mặt biến sắc, không nói được câu nào suốt buổi. Học trò thấy lạ, hỏi: "Dê là con vật rẻ tiền, lại không phải dê của thầy. Sao thầy buồn đến thế?"

Dương Chu không trả lời. Nhưng người đời sau đã ghi lại lời ông nói trong một chỗ khác: Đại đạo dĩ đa kỳ vong dương, học giả dĩ đa phương táng sinh *– con đường lớn vì nhiều ngã rẽ mà làm mất con dê; người học vì nhiều lối mà làm mất đời mình.*

Người ta hay đọc câu chuyện này như một bài học về sự tập trung. Nhưng Dương Chu buồn không phải vì con dê. Ông buồn vì một điều lớn hơn: con dê ấy không đi lạc ở ngã ba. Nó đi lạc vì không có con đường nào là con đường cả*. Một con đường mà cứ gặp ngã ba thì chưa phải một con đường – nó chỉ là một cái sân rộng có nhiều lối ra.*

Và cái ông nhìn thấy, đứng giữa buổi chiều hôm ấy, là chính đời mình. Ông là người có quá nhiều lối để đi, đến mức không bước được vào lối nào.

Cái ngã ba của Nam có một mô hình kinh doanh.

Năm 2000, hai nhà tâm lý học Sheena Iyengar và Mark Lepper làm một thí nghiệm nhỏ ở một quầy bán mứt trong siêu thị. Hôm thì họ bày hai mươi bốn loại mứt để khách nếm thử. Hôm thì họ chỉ bày sáu loại. Kết quả: khi bày hai mươi bốn loại, có nhiều người dừng lại nếm hơn – nhưng chỉ ba phần trăm trong số đó mua. Khi bày sáu loại, số người dừng lại ít hơn, nhưng ba mươi phần trăm trong số đó mua. Gấp mười lần.

Nhiều lựa chọn làm người ta dừng lại lâu hơn, và mua ít hơn. Đó là một trong những phát hiện được nhắc nhiều nhất trong tâm lý học hiện đại, và người ta gọi nó là nghịch lý của sự lựa chọn*.*

Có một chỗ nữa trong thí nghiệm ấy mà ít ai để ý: người ta không mua vì sợ mua sai. Khi chỉ có sáu loại, chọn sai thì cũng không sao – sai sáu phần một. Khi có hai mươi bốn loại, chọn sai là một thất bại cá nhân: trong hai mươi bốn cái tốt như thế, mà mình chọn trúng cái dở, thì lỗi là ở mình. Càng nhiều lựa chọn, càng nhiều trách nhiệm. Và càng nhiều trách nhiệm, càng tê liệt.

Nhà kinh tế học Herbert Simon gọi hai kiểu người bằng hai cái tên. Người tối ưu hóa *là người phải tìm ra cái tốt nhất, và vì thế không bao giờ yên. Người* thỏa mãn *là người chọn cái đủ tốt, rồi thôi. Simon chỉ ra một điều khiến nhiều người khó chịu: trong hầu hết việc đời, người thỏa mãn hạnh phúc hơn, và cũng chọn đúng hơn. Vì người tối ưu hóa dành hết sức để tìm, và không còn sức để sống với cái mình đã tìm.*

Ứng dụng hẹn hò là một cỗ máy tối ưu hóa hoàn hảo. Nó không bán cho Nam một người. Nó bán cho Nam cảm giác rằng người tiếp theo có thể tốt hơn*. Và cảm giác ấy không phải một lỗi của cỗ máy – nó là* sản phẩm*. Một ứng dụng hẹn hò chỉ sống được*

khi người ta còn độc thân. Nếu tất cả người dùng đều tìm được một người và ở lại với người ấy, ứng dụng sẽ chết trong vài tháng. Cho nên mọi nút bấm của nó đều hướng về một phía: đừng dừng lại.

Nam tưởng mình đang đi tìm. Thật ra anh đang đi trên một con đường được thiết kế để không bao giờ tới.

Và có một điều trớ trêu cuối cùng, thuộc về số học. Bốn mươi bảy người trong năm năm. Trung bình mỗi tháng gần một người. Nhưng một tháng có bảy trăm hai mươi giờ. Một cuộc cà phê kéo dài chín mươi phút. Nghĩa là trong một tháng, Nam dành chưa đầy hai giờ để thật sự ở với một người, và dành hàng chục giờ để lướt qua những người khác. Anh không thiếu người. Anh thiếu thời gian được ở với một người. Và thời gian ấy không ai lấy mất – chính anh đã đổi nó lấy cái cảm giác "biết đâu".

Đêm hôm kia, Nam nằm trên giường, mở cái ghi chú bốn mươi bảy dòng.

Anh đọc từ trên xuống. Những cái tên trôi qua như một danh sách khách hàng. Có người anh nhớ mang máng, có người anh hoàn toàn không nhớ. Rồi anh dừng lại ở dòng thứ bảy: "Ngọc."

Và anh hiểu ra vì sao dòng ấy ngắn. Anh viết nó lúc mười một giờ đêm, ngay khi vừa về tới nhà, lúc câu hỏi của Ngọc còn đang cháy trong đầu anh. Anh không viết thêm gì vì anh biết: nếu viết thêm, anh sẽ phải nghĩ đến việc mình vừa đánh mất cái gì. Bốn mươi bảy dòng kia là bốn mươi bảy lần anh ghi lại một cuộc gặp. Dòng thứ bảy là lần duy nhất anh ghi lại một con người.

Rồi anh nhận ra điều thứ hai, và nó làm anh nằm im rất lâu.

Anh luôn nghĩ mình là người đi chọn. Nhưng anh cũng là một cái tên trên màn hình của người khác. Trong suốt năm năm ấy, đã có những người phụ nữ mở điện thoại ra, thấy mặt anh, và lướt qua – không phải vì anh dở, mà vì trên màn hình vẫn còn người khác. *Anh đã tự nhủ hàng trăm lần rằng mình chưa chọn, vì chưa gặp người xứng đáng. Sự thật là: anh cũng chưa từng được chọn. Anh đứng ở ngã ba và than rằng không có con đường nào đáng đi, trong khi anh cũng chỉ là một lối rẽ trong cái ngã ba của người khác.*

Câu của Liệt Tử hiện lên trong đầu anh, câu anh đọc hồi năm hai đại học và đã quên:
Đại đạo dĩ đa kỳ vong dương.

Nam nhận ra mình đã đọc sai câu ấy suốt bao năm. Anh tưởng nó dạy: hãy tập trung, hãy chọn một con đường. Nhưng Dương Chu buồn vì một lẽ khác. Con dê không mất ở ngã ba. Con dê mất vì người đi tìm đứng ở ngã ba và chờ một con đường không có ngã ba nào. *Họ không thiếu lối. Họ thiếu một cái lối để* thôi *tìm lối.*

Và cái mất đi trong năm năm ấy không phải một người phụ nữ tên Ngọc. Cái mất đi là một người đàn ông có khả năng dừng lại. Nam vẫn còn nguyên vẹn tuổi trẻ, ngoại hình, công việc, sự tử tế. Anh chỉ mất một thứ: khả năng nói "đủ rồi" mà không quay đầu nhìn lại.

Nam không xóa ứng dụng.

Anh thử rồi. Anh xóa, rồi cài lại sau hai ngày, và tự nhủ đó là vì công việc. Anh biết đó là một lời dối, và anh cũng biết những lời dối kiểu ấy không chữa được gì.

Nên anh làm một việc nhỏ hơn nhiều.

Tối thứ Sáu, anh đi cà phê với một người tên Trâm. Người quen giới thiệu, không phải qua ứng dụng. Trâm không phải mẫu người anh vẫn tìm. Chị hơn anh hai tuổi, làm kế toán, nói chuyện không hay lắm, và có một nụ cười hơi lệch. Ngồi được một tiếng,

đến chín giờ, tay anh bắt đầu ngứa – cái phản xạ cũ, muốn mở điện thoại ra xem "còn ai không". Anh để tay trên bàn, và không mở.

Anh không phải một người mới. Suốt buổi ấy, trong đầu anh vẫn chạy cái câu hỏi cũ: biết đâu. *Biết đâu có người nói chuyện hay hơn. Biết đâu có người hợp hơn. Anh nghe thấy câu ấy rõ mồn một, như nghe một tiếng tivi hàng xóm. Nhưng lần này anh không làm theo nó. Anh chỉ ngồi, uống hết ly cà phê, và nghe Trâm kể về cái công ty của chị.*

Mười giờ, anh về nhà. Anh mở ghi chú, và định gõ dòng thứ bốn mươi tám.

Anh gõ hai chữ. Rồi anh tắt điện thoại, và đi ngủ.

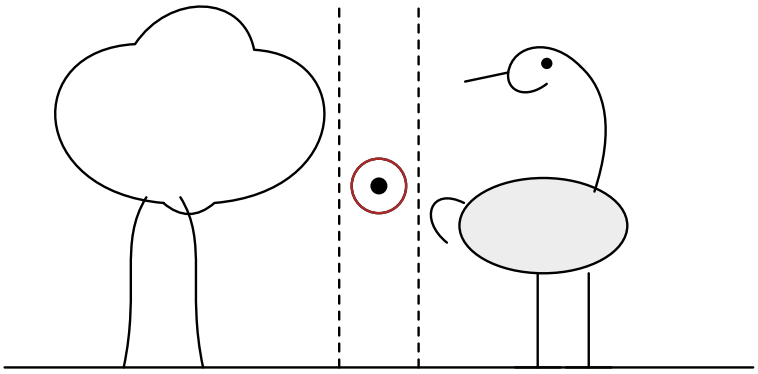
Hai chữ ấy không phải tên một người.

Nó là: ở lại.

Ngã ba không phải một cái bẫy. Nó chỉ là một chỗ để rẽ. Và cái làm người ta mất đường không phải là có nhiều lối – mà là đứng mãi ở đó, đợi một lối không cần phải chọn.

Chương 25

Sự thất bại – khi biết đủ mà vẫn không buông được



Cây và con ngỗng

Chương này nhắc đến ý nghĩ muốn biến mất và đến một người mẹ đang điều trị ung thư. Nếu chuyện ấy đang gần bạn, xem Lời nhắn cho người đang không ổn *ở cuối sách.*

Thảo ba mươi bốn tuổi, và cô thuộc lòng những câu chuyện cổ ấy từ hồi nhỏ.

Bố cô là một giáo viên văn, đã mất cách đây bảy năm. Ông để lại một tủ sách cũ, trong đó có bản dịch Nam Hoa Kinh *gáy đã sờn. Hồi nhỏ, mỗi tối, ông đọc cho cô nghe những câu chuyện Trang Tử, Lão Tử, như người ta kể chuyện cổ tích. Cô lớn lên với răng rụng lưỡi còn, với cây cổ thụ vô dụng, với con rùa lết đuôi trong bùn. Cô hiểu chúng. Cô hiểu đến mức có thể giảng lại cho người khác.*

Nhưng Thảo không phải nhân vật trong sách. Thảo là mẹ đơn thân, có một đứa con gái bốn tuổi tên Bin, và một người mẹ đang nằm ở khoa ung bướu tháng thứ chín.

Ngày của cô bắt đầu lúc năm giờ sáng và không có một khoảng nào trống. Năm giờ, cô dậy nấu cháo, đánh thức con, đưa con đến nhà trẻ. Bảy giờ, cô có mặt ở công ty – một công ty nhỏ, cô làm kế toán, lương chín triệu. Năm giờ chiều, cô đón con, về nhà cho con ăn. Bảy giờ tối, cô gửi con cho bà hàng xóm, chạy xe công nghệ đến mười một giờ đêm. Mười một giờ, cô ghé bệnh viện, ngồi cạnh mẹ ba mươi phút, rồi về nhà, giặt đồ, soạn đồ cho con, ngủ lúc một giờ. Bốn tiếng sau, chuông lại reo.

Cô có hai cái điện thoại. Một cái để chạy xe, một cái để bán hàng online. Trên cái thứ hai, cô đăng mấy món đồ cũ mỗi tuần – quần áo con, đồ gia dụng, cái xe đạp của Bin. Cô viết mô tả rất kỹ, chụp ảnh rất đẹp, vì cô biết: mỗi món bán được là một ngày thuốc cho mẹ, một hộp sữa cho con.

Có một thứ Thảo giữ kín với tất cả mọi người, kể cả mẹ: cô từng nghĩ đến chuyện bỏ đi. Không phải bỏ con – cô không bao giờ nghĩ đến điều đó. Cô chỉ nghĩ đến chuyện biến mất, một cách lặng lẽ, để cái gánh này không còn ai phải gánh nữa. Cô nghĩ điều ấy

đúng ba lần, mỗi lần khoảng ba giây, rồi tự tát vào mặt mình trong đầu và đi tiếp. Đêm ấy, cô gõ câu ấy vào khung tin nhắn gửi cho bà hàng xóm, ngồi nhìn màn hình một lúc, rồi xóa đi trước khi bấm gửi. Cô cũng biết mình không có số của ai để gọi lúc hai giờ sáng. Nhưng cô biết: nếu có một người chịu nghe cô nói câu ấy mà không phán xét, có lẽ cô đã không phải giữ nó một mình.

Một buổi chiều ở bệnh viện, mẹ cô tỉnh, nhìn cô đang ngồi bóc vỏ quýt, và hỏi:

– Con có ngủ đủ không?

– Dạ có mẹ.

– Con đừng nói dối mẹ. – Bà cười, yếu. – Mẹ nhìn mắt con là biết. Thôi, con về đi, mẹ tự lo được.

– Con ở đây với mẹ.

Bà im một lúc, rồi nói một câu khiến Thảo phải quay mặt đi:

– Mẹ xin lỗi con. Mẹ nằm đây, con khổ.

Thảo không trả lời được. Cô chỉ đưa miếng quýt cho mẹ, và nhìn bà ăn chậm rãi. Trong đầu cô, một câu hỏi cứ lặp lại mà không có đáp án: nếu buông bỏ là đạo, thì tại sao người buông bỏ được lại chính là người đang muốn chết, còn người không buông được lại là người đang cố sống?

Thảo không ngu. Cô hiểu rõ mình đang ở đâu trong cái guồng ấy. Cô hiểu rằng cái vòng quay này không có đáy. Cô hiểu rằng mình đang tự chuẩn hóa bản thân để bị thay thế. Cô hiểu rằng cái Tôi *của mình đã bị dán nhãn bằng số giờ chạy xe. Cô hiểu hết.*

Đó chính là điều làm câu chuyện này khác với mọi câu chuyện phía trước.

Hai ngàn năm trước, có một hôm Trang Tử đi vào núi.

Ông gặp một cây to, cành lá sum suê, đứng sừng sững bên đường. Một người tiều phu đứng ngay dưới gốc mà không chặt. Trang Tử hỏi vì sao. Người ấy đáp: cây ấy vô dụng, gỗ chẳng dùng được vào việc gì. Trang Tử quay sang học trò, bảo: cây này nhờ vô dụng nên hưởng trọn tuổi trời.

Ra khỏi núi, Trang Tử ghé thăm một người bạn cũ. Bạn mừng rỡ, sai đầy tớ giết ngỗng để đãi khách. Đầy tớ hỏi: trong nhà có hai con ngỗng, một con biết kêu, một con không biết kêu, giết con nào? Người bạn đáp: giết con không biết kêu.

Người ta không biết hai con ngỗng ấy đã sống với người bạn của Trang Tử bao lâu. Chỉ biết rằng con biết kêu thì được giữ lại, và con không biết kêu thì bị đem ra làm thịt. Không ai hỏi con ngỗng kia có muốn sống hay không. Nó không biết kêu, nên nó không có tiếng nói. Và trong cái nhà ấy, không có tiếng nói nghĩa là không có giá trị.

Hôm sau, học trò hỏi Trang Tử một câu hỏi mà bao đời người vẫn hỏi: cây hôm qua nhờ vô dụng mà sống, ngỗng hôm nay vì vô dụng mà chết. Vậy thầy sẽ ở đâu?

Trang Tử cười. Ông đáp một câu ngắn: ta sẽ ở khoảng giữa hữu dụng và vô dụng. Rồi chính ông bác lại ngay câu ấy, trong cùng một hơi thở: cái khoảng giữa ấy ngỡ là đúng mà vẫn chưa đúng, nên vẫn chưa thoát khỏi sự vướng bận. Chỉ còn một lối: dùng mọi vật mà không để bất cứ vật nào dùng lại mình.

Câu đầu nghe như một lời giải. Câu sau là cái giá của nó. Trang Tử không hề tin rằng đứng giữa là đủ – ông nói rõ là vẫn còn vướng. Nhưng ngay cả lối ra ông chỉ ra cũng đòi một điều kiện: phải có chỗ để không bị bất cứ thứ nào trói lại. Ông có nghề, có sách, có học trò, có một túp lều để về, nên ông được phép nói câu ấy.

Người nghèo không có túp lều ấy. Với họ, khoảng giữa *không phải một vị trí đứng được – nó là một cái chỗ trống mà nếu bước vào, họ sẽ rơi xuống đáy.*

Mọi lời dạy về buông bỏ đều có một điều kiện ngầm mà ít ai nói ra: người nghe phải

có một cái lưới ở dưới.

Thảo không có lưới.

Cô không có chồng – anh ta bỏ đi khi Bin mới mười tháng, để lại một khoản nợ và một cái sim điện thoại khóa. Cô không có nhà – căn trọ cô đang ở là thuê, và chủ trọ đã hai lần nhắc chuyện tăng giá. Cô không có bảo hiểm – công ty nhỏ, đóng bảo hiểm ở mức sàn, và mẹ cô điều trị ung thư thì bảo hiểm chỉ chi trả một phần nhỏ. Những loại thuốc ngoài danh mục, mỗi tháng, ngốn gần chục triệu. Cô đã bán chiếc xe máy của bố để lại, đã vay hai chỗ, đã cầm cố sổ tiết kiệm.

Các báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và Ngân hàng Thế giới từng ước tính có chừng một trăm triệu người mỗi năm rơi xuống dưới ngưỡng nghèo, một phần do chi phí y tế phải tự trả. Đó là con số cũ, lấy từ các báo cáo đầu những năm 2010; các báo cáo gần đây dùng cách đo khác và cho quy mô lớn hơn. Dù là con số nào, không ai trong số họ là nhân vật trong sách triết. Họ là những người đang phải chọn giữa thuốc cho mẹ và sữa cho con, và mỗi lựa chọn đều đúng, và mỗi lựa chọn đều sai.

Con số ấy nói về tiền. Nỗi thiếu của Thảo còn là một thứ khác, khó đem ra đếm hơn.

Và đó là chỗ mà mọi lời dạy về u mặc *chạm phải giới hạn của nó. Cái cười của thánh nhân cần một khoảng lặng để cười. Thảo không có khoảng lặng nào. Cô không thể* lùi lại để u mặc*, vì phía sau cô không phải khoảng không – phía sau cô là một đứa trẻ bốn tuổi và một người mẹ đang thở bằng ống thở.*

Đây là sự thật mà những cuốn sách về buông bỏ thường im lặng: buông bỏ là một đặc quyền*. Người có tiền buông bỏ thì gọi là giác ngộ. Người không tiền buông bỏ thì gọi là bỏ con.*

Cái khoảng cách ấy có tên trong xã hội học: nghèo do thời gian*. Người nghèo không chỉ thiếu tiền. Họ thiếu thời gian – thời gian để nghỉ, để học, để chữa bệnh, để nghĩ xa hơn ngày mai. Và vì thiếu thời gian, họ không thể đầu tư vào bất cứ thứ gì dài hạn: một khóa học, một cơ hội, một lần thử. Mọi lời khuyên kiểu "hãy dành thời gian cho bản thân" đều vô nghĩa với người không có một giờ nào để cho. Buông bỏ cần thời gian. Mà thời gian là thứ xa xỉ nhất.*

Đêm ấy, Thảo ngồi trong hành lang bệnh viện lúc hai giờ sáng.

Mẹ cô vừa ngủ sau một cơn đau. Cô ngồi trên ghế nhựa, hai tay đặt trên đùi, và trong túi xách là cuốn Nam Hoa Kinh *cũ cô mang theo – cô vẫn mang nó, như mang một thứ gì đó của bố. Cô mở ra, đọc lại đoạn cây và ngỗng. Cô đọc câu Trang Tử đáp học trò, rồi đọc luôn câu ông tự bác ngay sau đó.*

Cô đọc lại lần nữa. Rồi cô khép sách, và nhận ra một điều khiến mắt cô khô lại:

Cô đã biết hết. Cô biết cây vô dụng sống, biết ngỗng vô dụng chết, biết phải ở khoảng giữa. Cô biết cái bọc sắt phải nứt, biết nước phải chảy vòng qua đá, biết cái bóng chỉ tan khi mình đứng yên. Cô biết hết, và chính vì biết hết mà cô đau hơn. Bởi vì tri thức không phải là tự do. Tri thức chỉ là một căn phòng có cửa sổ nhìn ra tự do, và cánh cửa thì khóa từ bên ngoài.

Thảo không phải người không hiểu đạo. Cô là người hiểu đạo đến mức nhìn thấy rõ cái khoảng giữa kia – và nhìn thấy luôn rằng mình không có quyền bước vào đó. Cô biết mình là con ngựa kéo cối xay. Cô biết cái cối không có đáy. Cô biết tấm vải bịt mắt chỉ cần rơi là cô sẽ thấy trời. Nhưng cô không thể để nó rơi, vì nếu cô dừng lại, cái cối sẽ không nghiền hạt cho cô nữa – và cái cối ấy đang nghiền ra tiền thuốc cho mẹ cô.

Ngỡ là đúng mà vẫn chưa đúng, nên vẫn chưa thoát khỏi sự vướng bận.

Câu ấy không đến như một lời an ủi, mà như một lưỡi dao. Thảo đọc đi đọc lại trong đầu. Chính Trang Tử cũng biết cái khoảng giữa không cứu được ai – vậy mà ông vẫn có

chỗ để đứng mà nói câu ấy. Cô thì không. Vậy nên cô phải chọn – không phải chọn giữa hữu dụng và vô dụng, mà chọn giữa làm con ngựa *và để* mẹ mình chết. *Và cô chọn làm con ngựa. Cô chọn nó mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi đêm, và cô sẽ còn chọn nó cho đến khi cái cối xay kia ngừng lại – hoặc cho đến khi có ai đó kịp đứng vào giữa cô và nó.*

Cô không khóc. Cô chỉ ngồi im rất lâu, tay đặt trên cuốn sách của bố, và lần đầu tiên trong đời, cô thấy căm cuốn sách ấy.

Ba giờ sáng, Thảo về đến nhà trọ. Con gái cô đang ngủ ở nhà bà hàng xóm; cô ghé đón, bế con về, đặt lên giường. Bin trở mình, gọi mẹ trong mơ, rồi ngủ tiếp.

Thảo ngồi xuống bàn, mở laptop. Trên màn hình là bảng đơn hàng của tối nay – ba đơn chưa đóng gói, một tin nhắn khách đòi hoàn tiền. Cô nhìn cái màn hình ấy, và nhớ lại một cảnh đọc được ở chương một: người đàn ông hai mươi mấy tuổi gập sập laptop, rút phích cắm, và để cỗ máy đói một đêm. Cô từng đọc cảnh ấy và thấy nhẹ lòng.

Đêm nay, cô đưa tay ra, đặt lên nắp laptop. Ngón tay cô đã sẵn sàng gập xuống. Cô giữ nguyên tư thế ấy rất lâu – như một người đứng trước cửa tự do và biết rõ mình không được bước qua. Rồi cô mở nắp lên, và bắt đầu gõ.

Không phải vì cô yếu. Vì cô biết chính xác mình đang làm gì, và biết rằng nếu không làm, sáng mai Bin sẽ không có sữa, và mẹ cô sẽ không có thuốc. Cái biết ấy không cứu cô. Nó chỉ làm cho mỗi cú gõ phím trở nên sáng rõ hơn, đau hơn, và không thể trốn tránh.

Bên ngoài cửa sổ, trời bắt đầu hửng. Một ngày nữa lại đến, và Thảo đã sẵn sàng cho nó – như một con ngựa đã sẵn sàng cho vòng quay, đôi mắt vẫn bịt vải, nhưng lần này, con ngựa biết *mình đang quay tại chỗ. Nó không tưởng mình đang đi xa nữa. Nó quay trong sự tỉnh táo.*

Đó là sự thất bại mà cuốn sách này không thể chữa. Và có lẽ, chính vì không chữa được, nó mới cần được viết ra. Cái cười của thánh nhân không dành cho tất cả mọi người. Có những người sinh ra đã không có chỗ để cười. Với họ, sống sót đã là một nỗ lực đủ lớn – và đôi khi, sống sót mà vẫn tỉnh táo, vẫn biết mình đang bị nghiền, đã là một thứ can đảm mà không cuốn sách triết nào đủ sức vinh danh.

Thảo gõ xong đơn cuối cùng lúc bốn giờ. Cô tắt máy, đi rửa mặt, rồi nằm xuống cạnh con. Bin quờ tay, nắm được ngón tay mẹ, và ngủ tiếp. Thảo nhắm mắt. Ngoài kia, thành phố đang thức dậy, và trong bảy mươi phút nữa, chuông sẽ reo.

Lời bạt

Chương cuối của cuốn sách này không có ai được cứu. Nó có thể đứng ở giữa, nếu tôi chỉ muốn sách dễ đọc. Tôi chọn để nó đứng sau cùng: những chương phía trước đều xoay quanh một cử chỉ bước ra, và tôi không muốn cử chỉ ấy là tiếng cuối cùng.

Thảo không gập máy. Chị mở nắp lên và gõ tiếp, trong lúc biết chính xác mình đang làm gì. Kiên gọi từ ngoài cửa, và lần này thì mẹ anh khóc. Hai người ấy không gặp nhau ở một bài học. Họ gặp nhau ở một câu hỏi mà sách này không trả lời được: ai được phép lùi lại, và ai phải đứng nguyên tại chỗ để người khác còn có sữa, còn có thuốc.

Tôi không viết thêm một lời khuyên nào sau câu hỏi ấy. Cuộc chiến ngoài kia vẫn tiếp diễn, và có những cái cối xay không cho ai bước ra. Điều cuối cùng tôi muốn nói là thế này: nếu bạn đang ở trong một cái cối như vậy, đừng để ai — kể cả cuốn sách này — bảo bạn chỉ cần cười rồi bước ra. Điều bạn cần có thể không phải là một khoảng lặng, mà là một người đứng cạnh. Trang sau có lời nhắn cho trường hợp ấy.

Nguyễn Phú Hoàng

Lời nhắn cho người đang không ổn

Nếu trong lúc đọc cuốn sách này bạn nhận ra mình đang nghĩ đến chuyện biến mất, bạn có thể gập sách lại ngay. Không có chương nào đáng đọc hơn việc bạn còn ở đây.

Bạn không cần giữ chuyện ấy một mình. Hãy nói ra với một người thật — người thân, bạn, đồng nghiệp, bác sĩ đang điều trị cho bạn hoặc cho người nhà, hoặc bất kỳ ai có thể ngồi xuống cạnh bạn mà không phán xét. Nếu lúc này chưa có ai, hãy tìm cơ sở y tế gần nhất, hoặc tra cứu đường dây trợ giúp sức khỏe tâm thần đang hoạt động tại Việt Nam để biết số cần gọi. Tôi không ghi một số điện thoại nào vào đây: số có thể thay đổi, và một con số sai lúc này là một cái hại thật sự.

Những trang trước có thể nói về buông bỏ như một lựa chọn. Với bạn, lúc này, lựa chọn đúng có thể là ngược lại — bám lấy một người, gọi một cuộc, nhận một sự giúp đỡ. Không có gì trong sách này bắt bạn phải cười, phải gập máy, hay phải tỉnh táo một mình.

Phụ lục A

Bảy điều có thể thử, nếu có chỗ lùi

Phần này gom lại bảy việc nhỏ, rút ra từ những nhân vật của cuốn sách. Không việc nào cần tiền, cần phép thuật, hay cần một buổi thiền trên núi. Nhưng trước khi đọc tiếp, có một điều kiện phải nói rõ: bảy việc này dành cho người mệt vì hơn thua, không dành cho người đang bị xâm hại, bị nợ lương, bị ép quá tải, bị sa thải trái luật, hoặc đang cần được bảo vệ. *Nếu bạn đang ở trong những trường hợp ấy, buông ra, im lặng, hay "để trôi" không phải là lời khuyên dành cho bạn. Điều bạn cần là một người đứng cạnh và một lối ra cụ thể – xem* Lời nhắn cho người đang không ổn *ở cuối sách.*
Với những người còn lại: đây không phải bảy ngày phải làm liên tục, cũng không phải một liệu trình. Chúng là bảy cái thử. Có thể lấy một, bỏ sáu.

A.1 Ngày 1 – Một ngày không đọc bình luận

Rút từ chương một. Hôm nay, đừng mở phần bình luận, phần trả lời, hay bất kỳ chỗ nào có người đang nói về bạn. Không đọc, không trả lời, không xem ai đã nói gì.

Cái bẫy: *bạn sẽ tự nhủ "chỉ xem một lần cho biết". Đó không phải một lần. Đó là cánh cửa mở ra cho một cuộc chiến không có hồi kết. Nếu buộc phải mở, hãy đặt điện thoại ở một phòng khác.*

A.2 Ngày 2 – Một ngày không thanh minh

Rút từ chương hai. Hôm nay, nếu có ai hiểu sai bạn, đừng giải thích. Không viết một dòng dài để chứng minh mình đúng. Người muốn hiểu thì sẽ hiểu. Người muốn hiểu sai thì càng giải thích càng sai.

Cái bẫy: *im lặng khác với nuốt giận. Nếu trong bụng vẫn còn muốn thắng, thì cái im lặng ấy vẫn là một câu trả lời. Hãy để nó thật sự trôi qua.*

A.3 Ngày 3 – Một giờ vô dụng

Rút từ chương năm. Hôm nay, dành đúng một giờ để làm một việc không tạo ra giá trị nào: ngồi nhìn trời, xếp gạch cùng con, đi bộ không đích đến. Trong một giờ ấy, cấm mọi thứ "có ích".

Cái bẫy: *bạn sẽ thấy tội lỗi. Cái tội lỗi ấy là tiếng của một cái đồng hồ đo hữu dụng đã cài trong đầu bạn từ lâu. Đừng tranh cãi với nó. Chỉ cần ngồi đủ một giờ. Nếu một giờ ấy là giờ duy nhất bạn có trong ngày để chăm sóc ai đó, thì đừng thử ngày này.*

A.4 Ngày 4 – Một buổi tối không mở bảng công việc

Rút từ chương sáu. Hôm nay, sau giờ làm, đóng hẳn mọi bảng công việc, mọi danh sách việc cần làm. Không kiểm tra, không "nhìn qua một chút".

***Cái bẫy:** bạn sẽ thấy trống. Cái trống ấy là dấu hiệu tốt – nó nghĩa là bạn vừa bước ra khỏi vòng quay của con ngựa kéo cối xay. Đừng lấp nó bằng một việc khác.*

A.5 Ngày 5 – Một lần nghe thay vì ra lệnh

Rút từ chương mười. Hôm nay, trong một cuộc họp hay một cuộc trò chuyện, hãy đặt một câu hỏi rồi im lặng nghe đến hết. Không ngắt lời. Không sửa. Không phản bác ngay.

***Cái bẫy:** người ta sẽ nói điều bạn không muốn nghe. Đó chính là mục đích. Cái lưỡi chỉ học được khi nó chịu đựng những cú cắn của hàm răng.*

A.6 Ngày 6 – Một lần để trôi thay vì đấm

Rút từ chương mười một. Hôm nay, gặp một việc không như ý, đừng vội đấm lại. Không gửi thêm một tin nhắn lúc đang bực, không gọi thêm một cuộc chỉ để xoay chuyển. Ngồi yên một lúc rồi mới quyết xem có cần làm gì không.

***Cái bẫy:** để trôi không phải là bỏ mặc. Bạn vẫn làm phần việc của mình, vẫn nói ra điều cần nói – chỉ là không làm nó trong lúc đang muốn thắng. Có những chuyện thì ngược lại: cần nói ngay, cần gọi ngay, cần người khác can thiệp ngay. Những chuyện ấy không nằm trong ngày này.*

A.7 Ngày 7 – Một lần nói "tôi sai"

Rút từ chương mười sáu. Hôm nay, nhớ lại một điều bạn từng nói sai, và thừa nhận nó – với chính mình, hoặc với người đã nghe câu ấy. Không kèm theo chữ "nhưng".

***Cái bẫy:** bạn sẽ muốn giải thích cho cái sai ấy. Đừng. Một câu "tôi đã sai" không cần lý do. Nó là cái lưỡi, sau khi hàm răng đã rụng.*

***Một lời nhắc cuối.** Bảy điều này không chữa lành ai. Chúng chỉ làm một việc: tạm thời nhấc bạn ra khỏi guồng, đủ lâu để bạn nhìn thấy cái guồng. Nếu bạn thử được một điều, tốt. Nếu không thử được điều nào, cũng không sao – chương cuối của cuốn sách này viết ra để dành cho những người không có chỗ để lùi. Với họ, không có bài tập nào cả; chỉ có một ngày phải đi qua, rồi một ngày nữa.*

Phụ lục B

Nguồn và ghi chú

Cuốn sách này là một tiểu luận, không phải một công trình học thuật. ***Các số liệu thống kê trong thân bài có nguồn kèm năm công bố, liệt kê dưới đây. Một số khái niệm tâm lý học được dùng như ẩn dụ, không như chẩn đoán.*** *Những câu chuyện cổ được kể lại bằng lời của người viết; xuất xứ thiên, chương được đối chiếu lại ở mục đầu. Những câu in nghiêng kiểu "lời người xưa" trong thân bài là lời kể lại, không phải nguyên văn trích dẫn – người viết không gán chúng cho một văn bản cụ thể nào.*

Cổ văn phương Đông

- *Lão Tử,* Đạo Đức Kinh*. Chương 8 (*thượng thiện nhược thủy*), chương 43, 76 (cương–nhu); chương 78 (*thiên hạ môn nhu nhược ư thuỷ*).*
- *Trang Tử,* Nam Hoa Kinh*:* Dưỡng Sinh Chủ *(Bào Đinh mổ trâu),* Sơn Mộc *(cây và ngỗng; có cả câu tự bác* tài dữ bất tài chi gian*),* Thu Thuỷ *(Hà Bá và Bắc Hải; lời mời tể tướng nước Sở),* Ngư Phụ *(kẻ sợ bóng; nguyên điển ghi là* uý ảnh ác tích*),* Đạt Sinh *(kẻ say rớt xe, được nhắc ở chương một),* Tề Vật Luận *(mộng điệp).*
- *Khổng Tử,* Luận Ngữ*, thiên* Vi Chính *(*sắc nan*, ở chương mở đầu).*
- *Lưu Hướng,* Thuyết Uyển*, thiên* Kính Thận *(tích răng–lưỡi, thầy Thường Trọng).*
- *Nguyễn Duy Cần,* Trang Tử – Nam Hoa Kinh*, và* Lão Tử – Đạo Đức Kinh*. Bản dịch và bình giải, làm sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuốn sách.* Riêng cách dịch và dùng chữ u mặc trong bản của cụ chưa được đối chiếu với nguyên điển; người viết không khẳng định điều gì về nó.

Tâm lý học và y tế

- *Carl G. Jung,* The Archetypes and the Collective Unconscious *– khái niệm* bóng tối *(shadow) và* phóng chiếu *(projection).*
- *Mihaly Csikszentmihalyi,* Flow: The Psychology of Optimal Experience *(1990) – khái niệm* dòng chảy *và vùng cân bằng giữa thách thức và năng lực.*
- *Tổ chức Y tế Thế giới,* ICD-11 *(2019) – xếp* burnout *vào nhóm* ***hiện tượng nghề nghiệp****, không phải chẩn đoán bệnh, với ba dấu hiệu: kiệt quệ năng lượng, xa lánh công việc, giảm hiệu quả.*

- *Một số tên gọi cơ chế tâm lý trong thân bài (dòng chảy, chiến hay biến, giấy phép luân lý, ái kỷ) được dùng như **ẩn dụ văn học**, không phải kết luận lâm sàng hay chẩn đoán cho nhân vật nào. Ấn bản này đã gỡ những chỗ gán ghép thần kinh học quá chắc (hạch hạnh nhân, adrenaline, "bộ não tốn calo"), thay bằng mô tả hành vi quan sát được.*

Kinh tế và công nghệ

- *S. Vosoughi, D. Roy, S. Aral, "The spread of true and false news online",* Science *359(6380), 2018 – 126.000 chuỗi Twitter giai đoạn 2006–2017; tin sai được chuyển tiếp với tần suất cao hơn khoảng 70% tin đúng. Nghiên cứu **không khẳng định nguyên nhân**.*

- *Goldman Sachs,* The Potentially Large Effects of Artificial Intelligence on Economic Growth *(03/2023) – ước tính khoảng 300 triệu vị trí việc làm toàn thời gian* có thể phơi nhiễm *với tự động hoá.* (Đây là ước tính, không phải con số cứng, và không phải dự báo mất việc.)

- *McKinsey Global Institute,* Generative AI and the Future of Work in America *(07/2023) – khoảng 29,5% **số giờ làm tại Hoa Kỳ** có thể tự động hoá vào năm 2030. Báo cáo ghi rõ* does not lead us to estimate job losses*; không áp cho toàn nhân loại.*

- *Tổ chức Y tế Thế giới và Ngân hàng Thế giới – các báo cáo về chi phí y tế tự túc và nghèo hoá do chi phí y tế. Con số "khoảng một trăm triệu người mỗi năm" trong chương cuối thuộc các ước tính đầu những năm 2010; các báo cáo gần đây dùng cách đo khác và cho quy mô lớn hơn.* (Cần đối chiếu năm phát hành và định nghĩa ngưỡng nghèo trước khi dùng con số này.)

Sự kiện được nhắc đến

- *Làn sóng sa thải tại các tập đoàn công nghệ lớn giai đoạn 2022–2024: Meta thông báo cắt khoảng 11.000 vị trí tháng 11/2022, Amazon khoảng 18.000 tháng 01/2023; Google và Microsoft tiếp tục trong năm 2023. Đây là con số thông báo của doanh nghiệp, không phải tổng kết cuối năm.*

- *Sự sụp đổ của Nokia (mảng thiết bị), Kodak, và Blockbuster – các nghiên cứu điển hình về sự cứng nhắc trước biến động thị trường.*

***Ghi chú về con số.** Mọi tên nhân vật trong sách là hư cấu, không nhân vật nào dựa trên một người thật cụ thể. Các con số gắn với họ — điểm tín dụng, số dự án, lượt theo dõi, thời lượng cuộc gọi, đồng lương, số đơn hàng — là **đạo cụ hư cấu**, không phải số liệu thống kê. Việc đặt một con số thật vào một cuộc đời hư cấu là một cách để con số ấy có một nhịp thở, không phải cách duy nhất; và nó không biến cuộc đời hư cấu ấy thành một hồ sơ có thật.*